



Dự án

Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội *(bản dịch)*

Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 2024

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

THÔNG TIN TÀI LIỆU

Tên tài liệu: Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội Dự án SACCR (Rev1)

Biên soạn: Phillip Hawes, Lê Ngọc Dũng, David Payne, Vũ Thái Trường

Lịch sử cập nhật tài liệu

Phiên bản	Ngày	Chi tiết
ESMP	Ngày 5 tháng 6 năm 2023	Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội đã được GCF phê duyệt (5/6/2023)
ESMP Rev1	Ngày 6 tháng 3 năm 2024	ESMP được cập nhật để trình GCF sau khi phê duyệt tài liệu tái cơ cấu dự án FP125-UNDP-13092023-RP (EMSF Dự án SACCR Rev1) – cùng với các bản cập nhật tài liệu EMSF Rev1, IPPF Rev1, IPP Rev1 và GAP Rev1

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

NỘI DUNG

Thông tin về báo cáo	2
Tóm lược	7
1. Giới thiệu	9
1.1. Tổng quan về dự án.....	10
1.1.1. Thách thức phát triển và mục tiêu của dự án.....	10
1.1.2. Tóm tắt các hoạt động	10
1.1.3. Dự án đồng tài trợ với dự án WEIDAP	13
1.1.4. Phạm vi của dự án.....	14
1.2. Mục đích và phạm vi của ESMP	16
1.2.1. Tài liệu CSAT của dự án	16
1.2.2. Các hoạt động đánh giá hỗ trợ xây dựng ESMP.....	16
1.2.3. Phạm vi của ESMP	21
1.2.4. Các hoạt động trong phạm vi ESMP.....	23
2. Khung pháp lý và thể chế cho các vấn đề môi trường và xã hội.....	29
2.1. Chính sách và khung pháp lý.....	29
2.2. Tiêu chuẩn môi trường và xã hội của UNDP (SES)	30
3. Thực hiện và vận hành.....	33
3.1. Cơ cấu quản lý chung và trách nhiệm.....	33
3.2. Quản lý kế hoạch quản lý môi trường và xã hội	34
3.2.1. Trách nhiệm của các bên liên quan	35
3.2.2. Kế hoạch Hiện trường.....	36
3.2.3. Kế hoạch của Nhà thầu xây dựng.....	36
3.2.4. Báo cáo sự cố môi trường.....	36
3.2.5. Danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày và hàng tuần.....	36
3.2.6. Hành động sửa đổi	37
3.2.7. Rà soát và đánh giá	37
3.2.8. Giám sát, đánh giá và báo cáo.....	37
3.3. Đào tạo	40
3.4. Kế hoạch hành động thực hiện.....	42
3.5. Dự toán	43
4. Truyền thông	45
4.1. Kế hoạch tham gia của các bên liên quan	45
4.2. Cơ chế giải quyết khiếu nại	47
5. Rủi ro môi trường và xã hội.....	48
5.1. Rủi ro và biện pháp giảm thiểu	48
5.2. Người dân tộc bản địa/Dân tộc thiểu số.....	69
5.2.1. Áp dụng SES của UNDP đối với người dân tộc thiểu số trên địa bàn dự án.....	69

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

5.2.2. Kết quả tham vấn tại địa điểm dự án với người dân và cộng đồng người DTTS.....	69
5.2.3. Cơ chế kiểm soát để đảm bảo nhà thầu tuân thủ IPP	69
6.1. Khí hậu	70
6.2. Hệ Sinh Thái.....	71
6.2.1. Thông tin cơ sở.....	71
6.2.2. Tiêu chí thực hiện.....	74
6.3. Nước ngầm	76
6.3.1. Thông tin cơ sở.....	76
6.3.2. Tiêu chí thực hiện.....	76
6.4. Nước mặt	78
6.4.1. Thông tin cơ sở.....	78
6.4.2. Tiêu chí thực hiện.....	78
6.5. Chất lượng không khí.....	80
6.5.1. Thông tin cơ sở.....	80
6.5.2. Tiêu chí thực hiện.....	80
6.6. Tiếng ồn và độ rung	83
6.6.1. Thông tin cơ sở.....	83
6.6.2. Tiêu chí thực hiện.....	83
6.7. Kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích	86
6.7.1. Thông tin cơ sở.....	86
6.7.2. Địa hình	86
6.7.3. Đất.....	86
6.7.4. Tiêu chí thực hiện.....	87
6.8. Quản lý chất thải.....	90
6.8.1. Thông tin cơ sở.....	90
6.8.2. Tiêu chí thực hiện.....	90
6.9. Quản lý TÁC ĐỘNG xã hội	94
6.9.1. Thông tin cơ sở.....	94
6.9.2. Tiêu chí thực hiện.....	95
6.10. Di sản văn hóa và khảo cổ.....	100
6.10.1. Thông tin cơ sở.....	100
6.10.2. Tiêu chí thực hiện.....	102
6.11. Các biện pháp quản lý khẩn cấp.....	104
Phụ lục	106
Phụ lục 1. Danh sách kiểm tra sàng lọc – SESP	106
Phụ lục 2. Mẫu kế hoạch hiện trường/hoạt động.....	107
Phụ lục 3. Mẫu Phiếu đăng ký khiếu nại.....	119
Phụ lục 4. Mẫu báo cáo tiến độ và báo cáo giám sát.....	120
Phụ lục 5. Đầu mối liên lạc	122
Phụ lục 6. Thông tin các hộ DTTS, nghèo và cận nghèo	125

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Phụ lục 7. Bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn.....	129
--	-----

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tham vấn hiện trường, hội thảo xác nhận và xây dựng năng lực về SES	17
Bảng 2: Các chuyên gia môi trường và xã hội của dự án	19
Bảng 3: Các hoạt động của dự án được dự đoán có mức độ rủi ro vừa phải	21
Bảng 4: Các hoạt động có tiềm năng rủi ro vừa phải cần được xem xét	24
Bảng 5 Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng	38
Bảng 6: Kế hoạch giám sát xã hội trong quá trình thi công	39
Bảng 7 Yêu cầu báo cáo thường xuyên	40
Bảng 8: Chương trình đào tạo nâng cao năng lực về giám sát và quản lý môi trường	41
Bảng 9 Lịch trình thực hiện các hoạt động ESMP	42
Bảng 10: Ước tính chi phí thực hiện EMP cho toàn bộ tiểu dự án	44
Bảng 11: Các cuộc họp tham vấn tại các xã dự án trong quá trình chuẩn bị ESMP	45
Bảng 12: Tham vấn trong tương lai	46
Bảng 13: Rủi ro môi trường tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu	49
Bảng 14 Danh sách các khu bảo tồn lân cận tại 5 khu vực dự án mục tiêu tới các xã mục tiêu dự án	71
Bảng 15: Các biện pháp quản lý động thực vật	75
Bảng 16: Biện pháp quản lý nước ngầm	77
Bảng 17: Các biện pháp quản lý chất lượng nước	79
Bảng 18: Các biện pháp quản lý chất lượng không khí	81
Bảng 19: Các biện pháp quản lý tiếng ồn và độ rung	84
Bảng 20: Các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích	88
Bảng 21: Các biện pháp quản lý chất thải	92
Bảng 22: Biện pháp quản lý xã hội	97
Bảng 23: Các di tích lịch sử và di tích được chính thức công nhận	100
Bảng 24: Di sản khảo cổ và văn hóa	103
Bảng 25: Biện pháp quản lý khẩn cấp	105

DANH MỤC HÌNH

Hình 1 Các khu vực tại Việt Nam – thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR	14
Hình 2: Bản đồ năm tỉnh mục tiêu dự án SACCR	15
Hình 3: Các yếu tố chính trong Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES), UNDP 2015.....	31
Hình 4: Cơ cấu tổ chức dự án	33
Hình 5: Tổ chức Thực hiện ESMP	34
Hình 6: Vị trí xã Phước Kháng (màu xanh).....	109
Hình 7. Vị trí 4 công trình ao đầu tiên tại xã Phước Kháng	113

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

TÓM LƯỢC

Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) được xây dựng nhằm hỗ trợ cho dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ” (SACCR) do Chính phủ Việt Nam (GoV) và UNDP thực hiện và cập nhật để phản ánh những thay đổi đã được GCF phê duyệt nhằm đáp ứng Báo cáo tái cơ cấu (RP) FP125-UNDP-13092023-RP.

Dự án SACCR nhằm trao quyền cho các hộ sản xuất nhỏ dễ bị tổn thương ở năm tỉnh - đặc biệt là phụ nữ và nông dân dân tộc thiểu số - để quản lý rủi ro khí hậu ngày càng tăng đối với sản xuất nông nghiệp thông qua thực hiện giải quyết hai nội dung (1) Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn nước đảm bảo sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu cho các hộ sản xuất nhỏ dễ bị ảnh hưởng trong bối cảnh biến động thất thường về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu gây ra và (2) Tăng cường năng lực của các hộ sản xuất nhỏ trong việc áp dụng thông tin về khí hậu và thị trường, công nghệ và thực tiễn vào quản lý nông nghiệp và nguồn nước có tính chống chịu với biến đổi khí hậu.

Dự án đã được sàng lọc theo Quy trình Sàng lọc Môi trường và Xã hội (SESP) của UNDP và được coi là một dự án có rủi ro cấp độ trung bình. ESMP được xây dựng dựa trên Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF Rev1) cập nhật áp dụng cho dự án dựa trên các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SES) của UNDP.

ESMP cung cấp các cơ chế và biện pháp để quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng sẽ được thực hiện bởi dự án trong Hoạt động 1.2: Thiết lập kết nối dặm cuối từ cơ sở hạ tầng thủy lợi của WEIDAP tới ruộng của nông dân nghèo và cận nghèo để giúp họ đối phó với sự tình trạng biến động lượng mưa và hạn hán ngày càng tăng; và Hoạt động 1.3: Tăng cường tưới tiêu bổ sung cho các nông hộ nhỏ phụ thuộc nước mưa để đối phó với biến động về lượng mưa và hạn hán.

Tất cả các tiểu hoạt động trong Hoạt động 1.1 sử dụng đồng tài trợ từ ADB và Chính phủ Việt Nam thông qua Dự án đối ứng “Cải thiện hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP)” được đáp ứng thông qua tài liệu chính sách an toàn của ADB và sẽ không thuộc phạm vi của tài liệu ESMP này. Các rủi ro môi trường và xã hội không liên quan đến hoạt động xây dựng của WEIDAP được áp dụng thông qua ESMF.

ESMP áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro, xác định toàn diện các rủi ro môi trường và xã hội tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu liên quan đến hoạt động xây dựng, sau đó áp dụng cho từng hoạt động và địa điểm xây dựng cụ thể trong suốt vòng đời của dự án. Các kế hoạch hiện trường về địa điểm hoặc hoạt động cụ thể sẽ được chuẩn bị dựa trên hướng dẫn được cung cấp trong ESMP này để giải quyết các vấn đề cụ thể và/hoặc các giai đoạn công việc theo kế hoạch tổng thể của dự án. Bản Kế hoạch Hiện trường và các bản thiết kế mẫu được đính kèm trong phụ lục của tài liệu này. Phạm vi tài liệu ESMP này bao gồm tất cả các địa điểm thực hiện của Hoạt động 1.2 và Hoạt động 1.3; tuy nhiên, nếu xuất hiện mức độ rủi ro cao hơn hoặc xác định thêm các rủi ro mới, thì các công việc tại địa điểm tương ứng (bao gồm cả các hành động triển khai biện pháp được đề cập trong tài liệu ESMP này) sẽ được tạm dừng cho đến khi rủi ro được giải quyết theo chính sách môi trường xã hội của GCF và các quy định trong Thỏa thuận tài trợ (FAA) của dự án.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Kế hoạch hiện trường được xem là tài liệu hướng dẫn giúp chi tiết hóa các nội dung của tài liệu ESMP này tại điểm thực hiện dự án.

Các nhà thầu được lựa chọn để thực hiện các hoạt động xây dựng của Hoạt động 1.2 (ở bốn tỉnh, ngoại trừ Khánh Hòa do các biện pháp can thiệp trong Hoạt động 1.2 đã được loại bỏ) và Hoạt động 1.3 (ở cả năm tỉnh) cần chuẩn bị Kế hoạch Thi công cụ thể để chứng minh họ sẽ đáp ứng các yêu cầu của ESMP và Kế hoạch thực địa liên quan trên các địa điểm thi công. Các yêu cầu này sẽ được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu các công trình xây dựng này và được đưa vào tất cả các hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng.

Tài liệu ESMP được soạn thảo dựa trên nguyên tắc cải tiến liên tục và sẽ được theo dõi và cập nhật khi cần thiết.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

1. GIỚI THIỆU

Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) này đã được lập để hỗ trợ dự án: “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)” do Chính phủ Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) thực hiện. Phiên bản ESMP này đã được cập nhật để phản ánh những thay đổi đã được GCF phê duyệt nêu trong Báo cáo Tái cơ cấu (RP) FP125-UNDP-13092023-RP, chuyển địa bàn dự án sang hai huyện mới của tỉnh Khánh Hòa (Khánh Sơn và Khánh Vĩnh).

Những thay đổi trong thiết kế dự án được trình bày chi tiết trong Báo cáo Tái cơ cấu (RP) FP125-UNDP-13092023-RP và có thể được tóm tắt như sau:

- i. Dừng hoạt động 1.1 và 1.2 tại tỉnh Khánh Hòa.
- ii. Hoạt động 1.3: chuyển địa bàn dự án từ huyện Cam Lâm của tỉnh Khánh Hòa sang các huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh, tái phân bổ nguồn tài trợ của GCF (1.178.645 USD) và đối ứng của Chính phủ (107.148 USD) từ Hoạt động 1.2 sang Hoạt động 1.3 để hỗ trợ cho các can thiệp bổ sung nhằm đạt được kết quả đầu ra cam kết.
- iii. Hoạt động 1.4 và tất cả các hoạt động trong Kết quả đầu ra 2: toàn bộ các hoạt động chuyển từ huyện Cam Lâm của tỉnh Khánh Hòa sang các huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh, giữ nguyên kết quả dự kiến.
- iv. Điều chỉnh giảm nguồn vốn đối ứng 18.006.156 USD,.
- v. Điều chỉnh giảm số người hưởng lợi trực tiếp của Dự án từ 222.412 xuống còn 200.798 người và số người hưởng lợi gián tiếp từ 335.252 xuống còn 330.544 người.

Những thay đổi này đến từ việc quy hoạch huyện Cam Lâm là thành phố sân bay đã có hiệu lực với mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế mới theo hướng công nghiệp, dịch vụ. Do đó, WEIDAP đã dừng hoạt động dự án tại tỉnh Khánh Hòa. Do đó, hoạt động 1.2 – kết nối dặm cuối từ công trình thủy lợi của WEIDAP – cũng được dừng tại Khánh Hòa và chuyển nguồn lực sang hoạt động tăng cường khả năng lưu trữ nước chống chịu với biến đổi khí hậu. Hai huyện mới được bổ sung vào dự án (Khánh Sơn và Khánh Vĩnh) là hai huyện được chú trọng đầu tư phát triển nông nghiệp. Thêm vào đó, các huyện này đang phải đối mặt với tình trạng khó khăn về nguồn nước do biến đổi khí hậu, đồng thời có tỷ lệ dân tộc thiểu số và hộ nghèo/cận nghèo cao, phù hợp với mục tiêu tổng thể của dự án.

ESMP được xây dựng dựa trên Khung Quản lý Môi trường và Xã hội Rev1 (ESMF) cập nhật của dự án. ESMP bao gồm các cơ chế và biện pháp quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng trong Hoạt động 1.2 và Hoạt động 1.3, cụ thể hơn là Hoạt động 1.2.1: Thiết kế và xây dựng hệ thống kết nối và phân phối trong đó có lắp đặt và bảo dưỡng thiết bị tưới để ứng phó với biến động khí hậu; và Hoạt động 1.3.1: Xây dựng hoặc nâng cấp các ao thích ứng với biến đổi khí hậu. Các rủi ro khác của dự án được quản lý thông qua Khung quản lý môi trường – xã hội (ESMF).

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

1.1. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

Chính phủ Việt Nam với sự hỗ trợ của UNDP đã xây dựng dự án SACCR nhằm giúp các nông hộ nhỏ tăng cường khả năng thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt là người dân tộc thiểu số và nông dân nghèo/cận nghèo. Dự án này hướng tới việc cải thiện khả năng phục hồi của các cộng đồng dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu.

1.1.1. Thách thức phát triển và mục tiêu của dự án

Vấn đề chính mà dự án quan tâm giải quyết là mối đe dọa đối với sản xuất nông nghiệp của các hộ sản xuất nông nghiệp nhỏ dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu gây ra bởi sự thay đổi lượng mưa và hạn hán. Mục tiêu của dự án này là trao quyền cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương ở khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam – chú trọng tới phụ nữ, người dân tộc thiểu số và nông dân nghèo/cận nghèo - để quản lý rủi ro khí hậu ngày càng tăng đối với sản xuất nông nghiệp bằng cách đảm bảo nguồn nước, áp dụng các hệ thống cây trồng nông nghiệp tiết kiệm nước và chống chịu khí hậu, sử dụng thông tin về khí hậu, nông nghiệp và thị trường để đánh giá rủi ro, lập kế hoạch và quản lý nước và nông nghiệp. Dự án thúc đẩy sự chuyển đổi mô hình từ các biện pháp ngắn hạn, tạm thời sang sự phối hợp đầu tư nhiều bên mang tính tích hợp để duy trì sản xuất nông nghiệp của các hộ gia đình nhỏ thông qua quản lý nông nghiệp và nguồn nước trên cơ sở tiếp nhận đầy đủ thông tin về rủi ro khí hậu. Tóm tắt kết quả và hoạt động của dự án

1.1.2. Tóm tắt các hoạt động

Để đạt được các mục tiêu đề ra, dự án giải quyết căng thẳng nguồn nước do biến đổi khí hậu thông qua việc tiếp cận theo hai hướng: (i) từ phía cung, thông qua việc cung cấp cơ sở hạ tầng tưới tiết kiệm nước và tăng khả năng trữ nước để giải quyết nguy cơ khan hiếm nước; (ii) từ phía cầu, thông qua việc đa dạng hóa các loại cây trồng có khả năng chống chịu khí hậu, xử lý đất và các kỹ thuật canh tác nhằm giảm nhu cầu nước tưới cho sản xuất lương thực/nông nghiệp. Do đó, dự án sẽ đầu tư vào việc tạo điều kiện cho các nông hộ nhỏ, đặc biệt là các hộ nghèo/cận nghèo, người dân tộc thiểu số và phụ nữ, thích ứng với sự biến đổi lượng mưa và hạn hán ngày càng tăng do biến đổi khí hậu thông qua việc thực hiện hai kết quả đầu ra có mối quan hệ tương hỗ:

- Kết quả đầu ra 1 - Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn nước đảm bảo sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu cho các hộ sản xuất nhỏ dễ bị ảnh hưởng trong bối cảnh biến động thất thường về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu gây ra.
- Kết quả đầu ra 2 - Tăng cường năng lực sinh kế của các hộ sản xuất nhỏ thông qua nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, tiếp cận thông tin về khí hậu, tài chính và thị trường, công nghệ và thực tiễn vào quản lý nông nghiệp và nguồn nước có tính chống chịu với biến đổi khí hậu

Kết quả đầu ra 1: Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn nước đảm bảo sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu cho các hộ sản xuất nhỏ dễ bị ảnh hưởng trong bối cảnh biến động thất thường về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu gây ra

Hoạt động 1.1: Thiết lập cơ sở hạ tầng thủy lợi mô lớn để đưa nước tưới đến bảy khu vực canh tác ở vùng mục tiêu ở bôbs tỉnh, bao gồm Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông. Hoạt

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

động này sẽ không được triển khai ở tỉnh Khánh Hòa do dự án WEIDAP đã dừng thực hiện tại tỉnh này, như đã nêu trong Báo cáo Tái cơ cấu FP125-UNDP-13092023-RP. **(Các vấn đề về chính sách an toàn môi trường và xã hội của Hoạt động 1.1 nằm trong tài liệu Chính sách an toàn của dự án WEIDAP theo các chính sách của ADB và quy định trong nước, không thuộc khuôn khổ báo cáo ESMP này)**

Các hoạt động chính:

1.1.1 Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi hiện đại phục vụ tối thiểu 13.180 ha tại 8 khu vực phục vụ thông qua cung cấp 146,5 km hệ thống tưới tiêu đường ống bao gồm

(i) Hệ thống ống điều áp lấy nước từ kênh hoặc hồ chứa, và cung cấp hòng cấp nước đặt ở khoảng cách hợp lý từ ruộng của của nông dân;

(ii) Hiện đại hóa hệ thống chính bao gồm lớp lót kênh, cơ cấu điều khiển, cân bằng sức chứa và lắp đặt các thiết bị đo lường và điều khiển dòng chảy vopis giám sát từ xa;

(iii) Thay thế đập dâng tạm thời của người dân bằng đập mới và cải tiến và cung cấp hệ thống lưu trữ nước để nông dân bơm từ đó để tưới cho các cây trồng giá trị cao.

Hoạt động 1.2: Thiết lập các kết nối dặm cuối giữa công trình hạ tầng thủy lợi WEIDAP và các vùng canh tác của nông hộ nghèo/ cận nghèo, giúp ứng phó với diễn biến phức tạp của lượng mưa và tình trạng hạn hán tại bốn tỉnh: Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông. Hoạt động này sẽ không được triển khai ở tỉnh Khánh Hòa do dự án WEIDAP đã dừng thực hiện tại tỉnh này, như đã nêu trong Báo cáo Tái cơ cấu FP125-UNDP-13092023-RP.

Các hoạt động chính:

1.2.1 Thiết kế và xây dựng 3.733 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2.2 Đào tạo 3.733 nông hộ nghèo và cận nghèo về cách sử dụng thiết bị tưới và bảo trì hệ thống để phòng có sự cố do biến đổi khí hậu.

1.2.3 Thành lập Nhóm sử dụng nước để vận hành và bảo dưỡng các hệ thống chung hoặc hệ thống dùng chung, bao gồm các cơ cấu và thỏa thuận về cơ chế tài trợ tiềm năng.

Hoạt động 1.3: Tăng cường tưới bổ sung cho ruộng canh tác của các nông hộ nhỏ có tưới tự nhiên nhằm ứng phó với sự thay đổi lượng mưa và hạn hán. Hoạt động này sẽ được triển khai ở cả năm tỉnh dự án.

Các hoạt động chính:

1.3.1 Xây dựng hoặc nâng cấp 1.507 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm đào ao, đào 849 ao mới và nâng cấp 658 ao hiện có).

1.3.2 Đào tạo cho hơn 17.000 nông dân nghèo và cận nghèo hưởng lợi về quản lý tài nguyên nước thích ứng với khí hậu nhằm tăng cường cấp nước.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

1.3.3 Thành lập 218 nhóm quản lý ao để vận hành và bảo trì (O&M), xây dựng cơ chế hoạt động và thỏa thuận tài trợ tiềm năng.

Hoạt động 1.4: Nâng cao năng của các nông hộ nhỏ trong việc áp dụng các công nghệ và thực hành sử dụng nước hiệu quả nội đồng nhằm tối đa hóa năng suất nước để ứng phó với tình trạng biến động về lượng mưa và tình trạng hạn hán (được nêu trong ESMF, không phải trong ESMP này)

Các hoạt động chính:

1.4.1 Đào tạo hơn 21.200 nông dân thông qua 900 lớp học đầu bờ (FFS) về quản lý đất và sinh khối để tăng cường khả năng giữ ẩm, bổ sung nước ngầm và năng suất nước để ứng phó với các rủi ro khí hậu đang phát triển về an ninh nguồn nước (kết hợp với Hoạt động 2.1)

1.4.2 Tập huấn cho 30 cán bộ Sở NN & PTNT và nông dân nòng cốt ở 15 huyện (một khóa trong năm 2, 4 và 6) để hỗ trợ các nhóm nông dân trong việc đồng thiết kế, tính toán chi phí và vận hành và bảo dưỡng các công nghệ tiết kiệm nước, thích ứng với khí hậu

1.4.3 Lắp đặt hệ thống sử dụng nước hiệu quả nội đồng cho 8.621 hộ nghèo/cận nghèo liên quan đến hỗ trợ đầu tư dựa trên hiệu quả hoạt động (liên kết với Hoạt động 2.1)

1.4.4 Đào tạo nông dân sản xuất nhỏ ở năm tỉnh về O&M đối với các công nghệ tiết kiệm nước chịu rủi ro do biến đổi khí hậu

Kết quả đầu ra 2: Tăng khả năng chống chịu về sinh kế cho nông hộ nhỏ thông qua sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và tiếp cận với thông tin khí hậu, tài chính và thị trường (được nêu trong ESMF, không phải trong ESMP này)

Hoạt động 2.1: Đầu tư vào các yếu tố đầu vào và năng lực để mở rộng quy mô các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu (quản lý đất, cây trồng, đất đai) giữa các nông hộ thông qua FFS

Các hoạt động chính:

2.1.1 Vận động sự tham gia của các nông hộ nhỏ để thành lập/tái thành lập 900 FFS.

2.1.2 Đào tạo cán bộ của Sở NN&PTNT, nông dân nòng cốt và các bên quan tâm khác (NGO, Nông dân và Hội Phụ nữ, v.v.) để xây dựng đội ngũ nông dân nòng cốt nhằm khuyến khích việc ứng dụng và áp dụng các gói CRA (15 hội thảo cấp tỉnh cho 30 cán bộ Sở NN&PTNT năm 2, 4 và 6; 30 khóa tập huấn cấp huyện và 136 cấp xã cho 30 nông dân nòng cốt trong năm 2 và 6)

2.1.3 Đào tạo nông dân và các tác nhân trong chuỗi giá trị - đặc biệt là các nhà cung cấp đầu vào của khối tư nhân, người mua, người chế biến, người vận chuyển - thông qua 900 FFS về nhân rộng các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu. (Mỗi FFS sẽ tiến hành các khóa đào tạo 1 ngày hai lần mỗi năm).

2.1.4 Hỗ trợ đầu tư cho 8.621 hộ nghèo/cận nghèo mục tiêu để có được vật tư đầu vào và công nghệ để thực hiện các gói CRA thông qua hệ thống tích điểm.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

2.1.5 Kiểm toán có sự tham gia về việc thực hiện hệ thống tích điểm cho nội dung thực hành và hệ thống canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu (Một cuộc họp một ngày cho 100 người tham gia/68 xã trong các năm 2, 4, và 6).

Hoạt động 2.2 Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường khả năng tiếp cận thị trường và tín dụng cho các khoản đầu tư bền vững vào nông nghiệp thích ứng với khí hậu của các hộ quy mô nhỏ và các bên tham gia chuỗi giá trị

Các hoạt động chính:

2.2.1 Thiết lập và vận hành các Diễn đàn Đối mới Khí hậu đa bên (CIP) ở từng tỉnh và ở cấp vùng sinh thái nông nghiệp (Họp các bên liên quan được tổ chức hai năm một lần ở mỗi tỉnh/5 tỉnh)

2.2.2 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo liên kết thị trường với đầu vào, nhà cung cấp thông tin và công nghệ và người mua để sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu (hai khóa đào tạo, hai hội thảo kết nối và ba hội chợ thương mại ở mỗi huyện/15 huyện/bốn năm)

2.2.3 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nông dân tiếp cận tín dụng thông qua các trung gian tài chính (Một hội thảo/1 xã trong số 68 xã trong năm 2 và 4).

Hoạt động 2.3 Đồng phát triển và áp dụng thông tin tư vấn khí hậu nông nghiệp tại địa phương của các nông hộ để tăng cường sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu

Các hoạt động chính:

2.3.1 Đào tạo 50 cán bộ khí tượng thủy văn và Sở NN & PTNT về xây dựng và diễn giải các dự báo tại các địa điểm cụ thể sử dụng trong lập kế hoạch nông nghiệp (tám khóa đào tạo trong bốn năm cho 50 người tham gia).

2.3.2 Hỗ trợ kỹ thuật thành lập các nhóm kỹ thuật ACIS và đào tạo 450 người tham gia ở cấp huyện (hội thảo 1 ngày cho 30 người/15 huyện).

2.3.3 Đồng phát triển, thông qua việc lập kế hoạch theo kịch bản, có sự tham gia (PSP) của các bản tin khí hậu nông nghiệp theo mùa và 10 ngày/15 ngày với nông dân sản xuất nhỏ (20 khóa đào tạo cấp tỉnh cho 30 cán bộ và 60 khóa đào tạo cấp huyện cho 60 người tham gia trên bốn năm).

2.3.4 Phổ biến các bản tin cho 132.836 hộ gia đình tại 68 xã.

1.1.3. Dự án đồng tài trợ WEIDAP

Hoạt động 1.1 của dự án được triển khai hoàn toàn từ dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP). Nguồn tài trợ của GCF sẽ không được sử dụng cho hoạt động này. Tất cả các vấn đề về chính sách an toàn xã hội của các tiểu hoạt động nằm trong Hoạt động 1.1 được giải quyết thông qua chính sách an toàn của ADB và các quy định trong nước, và do đó không nằm trong phạm vi của ESMP này.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

1.1.4. Phạm vi của dự án

Địa điểm thực hiện dự án tại năm tỉnh ở hai khu vực: Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Ở khu vực Tây Nguyên, dự án được thực hiện tại Đắk Lắk và Đắk Nông, ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, dự án được thực hiện tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận (Hình 1).



Hình 1 Các khu vực tại Việt Nam – thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR

Dự án GCF2-SACCR sẽ được thực hiện tại 5 tỉnh như trong Hình 1 kết hợp với các địa điểm của tiểu dự án WEIDAP, dẫn đến việc lựa chọn 15 huyện và 68 xã (Hình 2). Hầu hết các xã trong tổng số 68 xã (bao gồm tất cả các vùng dự án WEIDAP) đều kết hợp hệ thống cây trồng có tưới chủ động và tưới tự nhiên, 36 xã được tưới chủ động nhiều hơn tưới tự nhiên và 32 xã được tưới tự nhiên nhiều hơn tưới chủ động.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Hình 2: Bản đồ năm tỉnh mục tiêu dự án SACCR

Tổng số 15 huyện và 68 xã, (vùng dự án MARD-UNDP màu tím, các tiểu dự án WEIDAP của MARD-ADB màu xanh lá cây) sẽ tham gia vào dự án. Lưu ý, do thay đổi trong quy hoạch phát triển tỉnh Khánh Hòa năm 2023, dự án WEIDAP đã dừng thực hiện tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa đề xuất các hoạt động dự án SACCR tại huyện Cam Lâm được chuyển sang huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh. Huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn có đặc điểm xã hội và môi trường đáp ứng tiêu chí của dự án GCF2-SACCR. Sàng lọc sơ bộ cho thấy rằng không có rủi ro mới phát sinh hoặc rủi ro đáng kể nào trong trường hợp chuyển địa bàn dự án. Tài liệu ESMP này, trên cơ sở đưa ra các biện pháp và chiến lược tổng thể thay vì chi tiết từng địa điểm, sẽ được áp dụng cho các hoạt động giống nhau ở các địa điểm khác nhau. Ngoài ra, ESMP này cũng sẽ được xem xét và cập nhật như đã nêu trong trường hợp bối cảnh thực hiện có sự thay đổi.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

1.2. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA ESMP

1.2.1. Tài liệu CSAT của dự án

ESMP này là một trong các tài liệu CSAT của dự án SACCR. Các tài liệu này được lập nhằm đảm bảo dự án tuân thủ SES của UNDP¹, bao gồm:

- Quy trình sàng lọc Môi trường và Xã hội (SESP)
- Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF)
- Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP – tài liệu này)
- Kế hoạch Huy động sự tham gia các bên liên quan (SEP)
- Khung Kế hoạch Người Dân tộc thiểu số (IPPF)
- Kế hoạch Người dân tộc thiểu số (IPP)
- Kế hoạch Hành động Giới
- Danh sách kiểm tra tuân thủ (tham khảo Bảng 13. Rủi ro môi trường tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu)

ESMP này được lập để các nhân sự tham gia quản lý và thực hiện các hoạt động liên quan tới công trình do GCF và Chính phủ tài trợ, bao gồm Hoạt động 1.2 và 1.3. Các hoạt động phi công trình được quản lý thông qua việc áp dụng ESMF và các kế hoạch bảo vệ an toàn liên quan khác (như đã nêu ở trên).

Phạm vi ESMP này bao gồm tất cả các địa điểm thực hiện thi công tại hiện trường trong Hoạt động 1.2 và 1.3. Các bản Kế hoạch Hiện trường sẽ được xây dựng tương ứng tại mỗi địa điểm và dựa trên hướng dẫn nêu trong ESMP. Nếu xuất hiện yếu tố rủi ro ở mức độ cao hơn (hoặc mới) thông qua sàng lọc rủi ro SESP, thì các công việc tại địa điểm cụ thể đó (bao gồm cả việc thực hiện ESMP này) sẽ bị tạm dừng cho đến khi vấn đề đó được giải quyết theo chính sách của GCF và FAA của dự án.

Mục tiêu của ESMP là đảm bảo rằng tất cả các tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn có thể xảy ra trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng được dự án hỗ trợ đều nằm trong giới hạn được chấp nhận và đã thống nhất biện pháp xử lý. Mục tiêu này được đảm bảo thông qua việc lập chủ động lập kế hoạch quản lý môi trường và xã hội trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng.

1.2.2. Các hoạt động đánh giá hỗ trợ xây dựng ESMP

Dựa trên các đánh giá được thực hiện trong giai đoạn lập dự án (như được mô tả trong ESMF), các rủi ro môi trường và xã hội đã và các tác động tiềm ẩn đã được xác định bổ sung thông qua một chuỗi các hội thảo và tham vấn do UNDP, CPO và PPMU thực hiện và sự hỗ trợ từ các chuyên gia môi trường và xã hội của dự án. Ngoài ra, UNDP đã tổ chức ba khóa đào tạo cho cán bộ chính sách an toàn (CSAT) của dự án.

Nhóm chuyên gia tư vấn từ Ban Quản lý Trung ương các Dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT), phối hợp với các chuyên gia chính sách an toàn

¹Dự án áp dụng Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường (SES) của UNDP mới nhất năm 2015.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

tại các Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (PPMU), đã tiến hành tham vấn tại 8 xã dự án và tổ chức hội thảo tham vấn tại tỉnh Đắk Lắk để hoàn thiện ESMP này và tham vấn bổ sung tại hai huyện mới Khánh Sơn và Khánh Vĩnh với sự tham gia của cán bộ dự án và đại diện cộng đồng địa phương. Thông tin về các hoạt động tham vấn này được tóm tắt trong Bảng 1.

Bảng 1: Tham vấn thực địa, hội thảo xác nhận và nâng cao năng lực về SES

Hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Tư vấn thực địa				
Tham vấn thực địa tại tỉnh Ninh Thuận	Xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải và xã Phước Thành, huyện Bắc Ái	Ngày 6-7 tháng 7 năm 2022	Tham vấn với cộng đồng và chính quyền địa phương để: - Xác định và xem xét các rủi ro tiềm ẩn tổng thể của dự án, tập trung vào:	Các cuộc tham vấn này được thực hiện bởi các chuyên gia tư vấn xã hội và môi trường của CPO. Cán bộ PPMU đã hỗ trợ và tiếp thu quy trình tham vấn để tiếp tục thực hiện các hoạt động tham vấn liên quan tại tỉnh.
Tham vấn thực địa tại tỉnh Ninh Thuận	Xã Mỹ Thành, huyện Hàm Thuận Nam và xã Trà Tân, huyện Đức Linh	Ngày 8-9 tháng 7 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> Xác định và xem xét các rủi ro đối với các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS, sự cần thiết lập IPP và thông qua các câu hỏi về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) 	
Tham vấn thực địa tại tỉnh Đắk Nông	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jut và xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	Ngày 10-11 tháng 7 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> Xác định xem công trình xây dựng của dự án có ở gần các khu vực bảo tồn, di sản văn hóa và/hoặc địa điểm tâm linh hay không và liệu có gây ra bất kỳ tác động nào khác 	
Tham vấn thực địa tại tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sar, huyện Ea Kar và xã Krông Buk, huyện Krông Pak	Ngày 12-13 tháng 7 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> Tác động của công trình xây dựng <p>- Giới thiệu các biện pháp giảm thiểu các tác động và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ cộng đồng</p> <p>- Giới thiệu Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)</p> <p>- Thu thập thông tin kinh tế - xã hội và các dữ liệu liên quan khác để soạn thảo ESMP</p>	
Hội thảo tham vấn để lập ESMP				

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Hội thảo tham vấn	Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Ngày 21-22 tháng 7 năm 2022	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát và xác nhận các rủi ro và biện pháp giảm thiểu từ kết quả tham vấn tại 8 xã mẫu - Tập huấn về các thủ tục liên quan tới IPP và FPIC - Trình bày dự thảo ESMP để lấy thêm ý kiến đóng góp 	<p>60 đại biểu tham gia từ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đại diện cộng đồng địa phương và cộng đồng người DTTS • Đại diện chính quyền địa phương (cấp xã, cấp huyện) • Cán bộ PPMU • Cán bộ và chuyên gia tư vấn từ CPO và UNDP <p>Thành phần tham dự bao gồm đại diện cộng đồng và chính quyền các huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh</p>
Nâng cao năng lực cho cán bộ PPMU				
Tập huấn lần 1 về các biện pháp CSAT	Họp trực tuyến	Ngày 10 tháng 1 năm 2022	Đào tạo về: <ul style="list-style-type: none"> - Các chính sách an toàn tổng quát và SES của UNDP - Phương pháp sàng lọc - Thiết lập và vận hành GRM 	
Tập huấn lần 2 về các biện pháp CSAT	UN House, Hà Nội, Việt Nam	Ngày 6 tháng 5 năm 2022	Đào tạo về: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định và quản lý rủi ro - Xây dựng kế hoạch hiện trường 	
Tham vấn tại 2 huyện mới Khánh Sơn và Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa				
Tham vấn thực địa tại	Các xã Khánh Nam và Khánh Bình, huyện	17-18 tháng	Tham vấn với cộng đồng và chính quyền địa phương để:	

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Khánh Vĩnh	Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	8 năm 2022	- Xác định và xem xét các rủi ro tiềm ẩn tổng thể dự án, tập trung vào:	
Tham vấn thực địa tại Khánh Sơn	Các xã Tô Hạp và Ba Cùm Nam, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	15-16 tháng 2 năm 2023	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định và xem xét các rủi ro đối với các nhóm dân tộc thiểu số (DTTS), sự cần thiết lập IPP và thông qua các câu hỏi về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) • Xác định xem các công trình xây dựng của dự án có vận hành vào các khu bảo tồn, di sản văn hóa và/hoặc địa điểm tâm linh lân cận hay không và liệu có gây ra bất kỳ tác động nào • Các tác động của công trình xây dựng (ao thích ứng với khí hậu) <p>- Giới thiệu các biện pháp giảm thiểu các tác động và tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng</p> <p>- Giới thiệu Cơ chế giải quyết Khiếu nại (GRM)</p> <p>- Thu thập thông tin kinh tế - xã hội và các dữ liệu liên quan khác để soạn thảo ESMP</p>	

Bảng 2 dưới đây trình bày thông tin của những người chịu trách nhiệm chính về an toàn trong dự án này.

Bảng 2: Các chuyên gia môi trường và xã hội hỗ trợ dự án

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí	Số điện thoại	Email
I	PPMU Đắc Lắc				

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí	Số điện thoại	Email
1	Bùi Thanh Sơn	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Cán bộ PPMU	0933598885	sonvnsatdaklak@gmail.com
2	Nguyễn Đức Anh	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Cán bộ PPMU	0904466664	ducannnguyen.pm@gmail.com
II PPMU Đắk Nông					
1	Trịnh Thị Mỹ Duyên	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	0945338028	lemyduyen610@gmail.com
2	Phạm Thị Hồng Tuyền	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	0916083337	tuyenapm@gmail.com
III PPMU Bình Thuận					
1	Lê Phương Thảo	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Cán bộ PPMU	0943763803	thao.amui@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hà Giang	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Cán bộ PPMU	0918120576	hagiang.hpn@gmail.com
IV PPMU Ninh Thuận					
1	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Cán bộ PPMU	0947892805	thanhhangeco@gmail.com
2	Võ Yến Oanh	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Cán bộ PPMU	0907495560	voyenoanh@gmail.com
V. PPMU Khánh Hòa					
1	Trần Quốc Long	Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường và Xã hội	Cán bộ PPMU	0935701000	Longtq89@gmail.com
2	Nguyễn Hoàng Văn Hà	Cán bộ giới	Cán bộ PPMU	0939086881	nhvha81@gmail.com
VI CPO²					

²Các biện pháp đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội của dự án GCF2-SACCR do GCF tài trợ đang được thực hiện cùng với dự án WEIDAP do ADB tài trợ.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Quang An	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Cán bộ CPO	0989550535	nguyenquangancpo@gmail.com
2	Trần Văn Hằng	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Cán bộ CPO	0904461599	hangcpo@gmail.com
VII UNDP					
1	Lê Ngọc Dũng	Cán bộ CSAT -	Nhóm dự án SACCR (UNDP)	0961070890	Le.ngoc.dung@undp.org
2	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Cán bộ M&E Văn phòng UNDP	Cán bộ đầu mối SES tại văn phòng UNDP – giám sát thực hiện SES tại dự án SACCR	0989328868	Nguyen.thi.ngoc.han@undp.org
VII ADB-WEIDAP					
1	Vũ Ngọc Châu	Chuyên gia cao cấp	Chuyên gia cao cấp	0911089090	vungocchau@adb.org

1.2.3. Phạm vi của ESMP

Phạm vi của ESMP này tập trung vào các hợp phần công trình xây dựng của dự án được dự kiến là Rủi ro Trung bình (Bảng 3). Không có hoạt động nào được xác định cần phải tiến hành Đánh giá Tác động môi trường xã hội (ESIA). Kết quả đánh giá sơ bộ đã được lồng ghép vào các tài liệu chính sách an toàn của dự án. Bản vẽ thiết kế mẫu cho các hoạt động dưới đây được cung cấp trong Phụ lục 7.

Bảng 3: Các hoạt động được tiên lượng có mức độ rủi ro trung bình của dự án

Tỉnh	Huyện	Xã	Hoạt động 1.3: Ao mới (số lượng ao)	Hoạt động 1.3: Ao nâng cấp (số lượng ao)	Hoạt động 1.2: Kết nối đê cuối (m)
Đắk Nông	Cư Jut	Ea T'Ling	24	12	101.500
		Nam Đông	18	9	77.000
		Đắk Drông	14	7	65.800
		Tâm Thắng	16	8	69.300
		Cư Knia	5	2	168.700

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Tỉnh	Huyện	Xã	Hoạt động 1.3: Ao mới (số lượng ao)	Hoạt động 1.3: Ao nâng cấp (số lượng ao)	Hoạt động 1.2: Kết nối dặm cuối (m)
	Đắk Mil	Trúc Sơn	5	2	7.700
		Đắk Lao	2	4	6.300
		Đức Mạnh	3	6	18.900
		Long Sơn	2	4	12.600
		Đắk Sắk	7	14	46.900
		Thuận An	1	2	10.500
		Đức Minh	5	10	34.300
	Krông Nô	Đắk Sôr	6	13	
		Nam Xuân	5	10	110.600
		Đắk Drô	8	16	
		Nam Nung	9	19	
Đắk Lắk	Ea Hleo	TT. EaĐRăng	10	7	14.500
		EaSol	14	12	
		Dliê Yang	7	6	35.500
	Cư M'Gar	Quảng Tiến	4	3	19.250
	Ea Kar	Ea Sô	14	12	
		Ea Sar	25	21	
		Xuân Phú	4	4	15.050
	Krông Pắc	Krông Buk	20	23	118.300
		Ea Phê	15	17	22.750
		Ea Yông	7	9	144.500
Ea Kênh		12	14	27.500	
Bình Thuận	Hàm Thuận Nam	TT Thuận Nam	10	11	8.750
		Mỹ Thạnh	11	13	
		Hàm Cản	20	24	
		Tân Lập	9	11	
		Tân Thuận	5	6	21.350
		Tân Thành	5	6	4.900
	Đức Linh	Tân Hà	8	12	14.500
		Đông Hà	9	14	8.000
		Trà Tân	7	11	35.500
Ninh Thuận	Ninh Hải	Phương Hải			7.700
		Xuân Hải	7	6	47.950
		Tri Hải	11	4	19.600
		Nhơn Hải	8	3	58.100
	Ninh Sơn	Mỹ Sơn	34	19	
		Nhơn Sơn	5	3	99.400

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Tỉnh	Huyện	Xã	Hoạt động 1.3: Ao mới (số lượng ao)	Hoạt động 1.3: Ao nâng cấp (số lượng ao)	Hoạt động 1.2: Kết nối dặm cuối (m)
	Thuận Bắc	Phước Chiến	28	18	
		Phước Kháng	16	10	
		Lợi Hải	32	20	70.000
		Bắc Sơn	18	11	156.100
		Bắc Phong	4	2	33.950
	Bác Ái	Phước Tân	16	10	
		Phước Thắng	18	12	
		Phước Thành	20	13	
		Phước Trung	7	2	52.150
	Khánh Hòa	Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	0	1
Khánh Bình			6	10	
Khánh Đông			10	3	
Khánh Hiệp			2	7	
Khánh Nam			6	16	
Khánh Phú			15	23	
Khánh Thành			14	11	
Khánh Trung			2	20	
Sông Cầu			2	4	
Khánh Sơn		Thị trấn Tô Hạp	11	16	
		Ba Cùm Bắc	7	9	
		Ba Cùm Nam	22	8	
		Sơn Bình	28	27	
		Sơn Hiệp	15	24	
		Sơn Lâm	8	22	
		Sơn Trung	1	8	
		Thành Sơn	50	22	

Nguồn: Báo cáo tiền khả thi

1.2.4. Các hoạt động trong phạm vi ESMP

Các hoạt động 1.2.1 và 1.3.1 thuộc phạm vi của ESMP này với các tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình thi công xây dựng. Những hoạt động này được dự đoán là có mức Rủi ro Trung bình và **không có hoạt động nào trong số này yêu cầu ESIA (đánh giá tác động môi trường xã hội) hay EIA (đánh giá tác động môi trường)** do các hoạt động này thuộc danh mục III (Danh mục không thực hiện đánh giá tác động môi trường) theo quy định trong nước (theo Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam, 2020).

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 4: Các hoạt động có tiềm năng rủi ro trung bình cần được xem xét

STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Tác động môi trường tiềm ẩn
1	1.2.1. Thiết kế và xây dựng 3.733 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì các thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu	Di dời	Gián đoạn canh tác trong quá trình xây dựng Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình thi công
		Tác động xây dựng – ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất thải, an toàn cộng đồng	Việc xây dựng có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí và gây ra tiếng ồn Kết quả này chủ yếu là từ việc đào, san lấp mặt bằng, bốc xếp bằng phương tiện và các hoạt động liên quan đến xây dựng khác. Tác động tiềm tàng đến chất lượng không khí xung quanh, mùi hôi và khí thải
		Nước ngầm	Khả năng ô nhiễm nước ngầm do hoạt động xây dựng Khả năng ô nhiễm do phân bón trong quá trình vận hành các khu vực tưới tiêu
		Sức khỏe và an toàn lao động (Liên quan đến dự án WEIDAP)	Vận hành thiết bị bơm – yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có nguy cơ liên quan đến an toàn/sức khỏe.
		Bom mìn chưa phát lộ	Bom mìn chưa phát lộ – có nguy cơ gây thương tích cho con người
		Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng – việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng suy giảm chất lượng nước mặt.
		Sinh thái học	Tác động đến sinh thái do hoạt động của công nhân Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn quần thể thực vật độc nhất, quý hiếm hoặc bị đe dọa
		Sự bền vững	Thiếu cơ chế quản lý vận hành (O&M) có thể dẫn đến các sự cố
		Thiết kế không phù hợp	Các thiết bị điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu (SCADA) có thể thể hiện mô hình vận hành từ các hồ chứa không chuẩn xác
		Chất thải	Chất thải xây dựng – chất thải rắn sẽ tăng lên trong quá trình xây dựng, ví dụ như việc vận chuyển số lượng lớn và đóng gói chất thải, chất thải từ các trại xây dựng, hàng rào và phế liệu

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Tác động môi trường tiềm ẩn
		Rủi ro Sức khỏe và an toàn vệ sinh (OHS) cộng đồng	Vận hành thiết bị bơm – yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có liên quan đến các rủi ro về an toàn/sức khỏe
		Biến đổi khí hậu	Nguy cơ hạn hán và lũ lụt: Các sự kiện thiên tai thường xuyên xảy ra nhất là lũ lụt do mưa lớn, bão, lở đất, sóng nhiệt, gió giật và hạn hán. Hạn hán đang trở nên nghiêm trọng hơn và gây ảnh hưởng đến diện rộng hơn trước
2	1.3.1. Thành lập 218 nhóm quản lý ao để vận hành và bảo dưỡng (O&M), xây dựng các cơ cấu và thỏa thuận về cơ chế tài trợ tiềm năng	Tác động do chất thải	Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng
		Tác động do tiếng ồn và độ rung	Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng
		Tác động do phát thải khí ô nhiễm	Phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải tuân thủ các quy định của Việt Nam về giới hạn khí thải
		Chất thải	Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình đào ao
		Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Nước thải sinh hoạt của công nhân không được kiểm soát sẽ gây ô nhiễm nguồn nước
		Rủi ro OHS đối với cộng đồng	Gia tăng giao thông trong khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án Khu vực xây dựng có nguy cơ cao cần được rào tạm thời để giảm thiểu số lượng người ra vào trong thời gian thi công
		Sinh thái học	Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn một quần thể thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa Tác động sinh thái do hoạt động của công nhân và người lao động Rào chắn hoặc đập có thể ngăn chặn sự di cư của cá ở thượng nguồn
		Tác động do hệ thống thoát nước	Chất thải xây dựng không được kiểm soát sẽ làm tắc nghẽn đường ống thoát nước
		Tác động do rác thải sinh hoạt	Rác thải sinh hoạt của công nhân bị vứt bừa bãi ra bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân
		Gián đoạn các dịch vụ tiện ích	Gián đoạn hoạt động canh tác trong quá trình xây dựng

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Tác động môi trường tiềm ẩn
			Giảm thu nhập do gián đoạn canh tác trong quá trình xây dựng
		An toàn giao thông	Ảnh hưởng tới sự an toàn của người tham gia giao thông
		An toàn và phòng chống cháy nổ	Bảo trì kém hoặc sử dụng máy móc không đúng cách có thể dẫn đến các sự cố cháy nổ. Đầu nối nguồn điện tới khu sinh hoạt của công nhân không phù hợp
		Tác động đến thảm thực vật và tài nguyên sinh thái	Phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng sau khi xây dựng
		An toàn cho người lao động và cộng đồng	Lưu lượng giao thông cao hơn Không có biển cảnh báo độ sâu của ao cũng như biện pháp an toàn để phòng khả năng xảy ra đuối nước nguy hiểm đến tính mạng Không tuân thủ các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn lao động
		Quan hệ với cộng đồng địa phương	Mối quan hệ không tốt/thiếu hòa đồng giữa nhà thầu xây dựng và người dân địa phương sẽ dẫn đến những hiểu lầm không đáng có
		Thủ tục nếu phát hiện tài sản/di sản văn hóa	Trong quá trình đào hoặc xây dựng, phát hiện các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, tàn tích và đồ vật, bao gồm các khu mộ và/hoặc ngôi mộ đơn lẻ
		Quy trình rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh	Bom mìn chưa nổ có thể gây nguy hiểm đến tính mạng con người (Ví dụ: Vật liệu nổ còn sót lại trong chiến tranh)
		Phòng chống dịch bệnh COVID-19	Dịch Covid-19 nói riêng và các dịch bệnh khác nói chung có thể gây gián đoạn trong quá trình thi công

ESMP được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội liên quan đến các hoạt động xây dựng dự án. ESMP này được thiết kế để đáp ứng tất cả các yêu cầu giảm thiểu và rủi ro xây dựng tiềm ẩn, cung cấp thông tin chi tiết về những rủi ro về môi trường và xã hội tiềm ẩn này và đưa ra các biện pháp giảm thiểu, bao gồm thời điểm tiến hành và trách nhiệm đối với các hoạt động giảm thiểu.

Căn cứ vào bản chất của các tác động liên quan đến các hoạt động của dự án cũng như phạm vi địa lý của các hoạt động, nội dung chính của ESMP đưa ra các phương pháp, biện pháp quản

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

lý các vấn đề về môi trường và xã hội được áp dụng trong quá trình triển khai dự án. Điều này là tiền đề để phát triển các Kế hoạch hiện trường với từng địa điểm cụ thể để quản lý các vấn đề rủi ro môi trường và xã hội. Kế hoạch Hiện trường này sẽ là tài liệu đi kèm theo ESMP này và được thể hiện tại Phụ lục 2. Kế hoạch hiện trường sẽ được hoàn thiện dần trong quá trình thực hiện dự án, cụ thể ngay sau khi xác định được người hưởng lợi thì việc lựa chọn địa điểm thi công và thiết kế thi công được hoàn thành. Lúc này, Kế hoạch hiện trường sẽ được đính kèm với ESMP. Tất cả các kế hoạch hiện trường sẽ được UNDP xem xét và thông qua.

Để hỗ trợ các thành viên tham gia dự án xác định các tác động tiềm ẩn của từng địa điểm thi công cụ thể và áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã được nêu trong Phân Hệ sinh thái (Bảng 14). Các biện pháp giảm này đã được trình bày chi tiết dưới các đầu mục tương ứng theo bản chất của các tác động.

Các nhà thầu xây dựng thực hiện các hoạt động trong Bảng 3 cần chuẩn bị Kế hoạch Nhà thầu Xây dựng cụ thể để thể hiện các nhà thầu sẽ đáp ứng các yêu cầu của ESMP cũng như Kế hoạch hiện trường tại các địa điểm thi công do họ quản lý. Quy trình sàng lọc cấp hiện trường và việc xây dựng Kế hoạch Hiện trường do Cán bộ Môi trường và Xã hội (ESS) của PPMU được mô tả như sau:

- Tiến hành sàng lọc địa điểm thi công theo danh sách sàng lọc SESP tại mỗi xã và báo cáo cho PPMU;
- Xây dựng Kế hoạch hiện trường;
- Đảm bảo PPMU đã lồng ghép ESMP (và Kế hoạch hiện trường) vào các thiết kế kỹ thuật chi tiết, hồ sơ mời thầu xây dựng và các tài liệu liên quan đến hợp đồng;
- Đảm bảo PPMU thực hiện đúng trách nhiệm được quy định trong ESMP và giám sát điều khoản tham chiếu (TOR), các tài liệu đấu thầu và hợp đồng cho Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) và Tư vấn Quản lý Môi trường Nội bộ (IEMC);
- Cung cấp thông tin đầu vào phù hợp cho quá trình lựa chọn tư vấn;
- Xem xét các báo cáo do CSC và IEMC đệ trình;
- Tiến hành kiểm tra thực địa định kỳ;
- Giúp PPMU về các giải pháp xử lý các vấn đề xã hội của tiểu dự án; và
- Chuẩn bị phân giám sát môi trường và xã hội, tiến độ và chuẩn bị các báo cáo đệ nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT)/Phòng Tài nguyên và Môi trường ở cấp Huyện hoặc xã (nếu có) và CPO, UNDP.

Những yêu cầu này sẽ được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu được phát hành để lựa chọn nhà thầu xây dựng, và các nhà thầu sẽ được yêu cầu đưa vào hồ sơ dự thầu của họ. Các yêu cầu này cũng sẽ được quy định trong tất cả các hợp đồng ký kết với nhà thầu thi công. Trước khi tiến hành thi công, các Kế hoạch của Nhà thầu xây dựng sẽ được xem xét, phê duyệt và kiểm tra theo yêu cầu được nêu chi tiết trong ESMP này.

Các nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện ESMP trong quá trình thi công và có những hành động phù hợp khi cần thiết, bao gồm:

- Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



- Nước thải - chất thải rắn - chất thải sinh hoạt của công nhân và chất thải thi công theo Kế hoạch quản lý
- Kế hoạch quản lý tài nguyên sinh thái
- Kế hoạch quản lý các chất gây ô nhiễm bề mặt và nước ngầm, xói mòn, lũ lụt
- Kế hoạch quản lý an toàn giao thông
- Kế hoạch quản lý xã hội
- Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn
- Kế hoạch quản lý giao thông
- Sự tham gia của các bên liên quan (cộng đồng địa phương)

Để đánh giá hiệu quả của quá trình quản lý môi trường, cần phải lồng ghép các hoạt động với một chương trình giám sát có hệ thống. ESMP này cũng đề cập đến phương thức giám sát, báo cáo, xem xét và cập nhật.



2. KHUNG PHÁP LÝ VÀ THỂ CHẾ CHO CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

2.1. CHÍNH SÁCH VÀ KHUNG PHÁP LÝ

Các văn bản pháp lý chính sau đây có liên quan đến dự án :

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)
- Luật Đất đai (2014)
- Luật Khí tượng Thủy văn (2015)
- Luật Thủy lợi (2017)
- Luật Phòng chống thiên tai (2013)
- Luật Tài nguyên nước (2013)
- Luật Bảo vệ Môi trường (2020)
- Luật cưỡng chế trưng dụng tài sản (2008)
- Luật Bảo vệ và phát triển rừng (2017)
- Luật Quy hoạch đô thị (2009)
- Luật Đa dạng sinh học (2008)
- Luật Hợp tác xã (2023)
- Luật Tài nguyên nước (2013)
- Luật Bình đẳng giới (2007)

Các chính sách và chiến lược sau đây có liên quan đến dự án:

- Chiến lược quốc gia về Bảo vệ môi trường (NSEP) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2012)
- Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2022)
- Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới đến năm 2030 được phê duyệt năm 2021
- Chiến lược Khoa học và Công nghệ trong Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012)
- Chiến lược Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030
- Chiến lược Phát triển thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam tầm nhìn đến năm 2030
- Kế hoạch quốc gia Thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 10 năm (SEDS) và Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (2017)
- Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới (NTP NRD) 2020 - 2025
- Chương trình mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững (NTP SPR) 2020 - 2025
- Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2030 (2020)
- Kế hoạch tổng thể về Tái cơ cấu nền kinh tế
- Quy hoạch tổng thể Phát triển nuôi trồng thủy sản (2013)
- Kế hoạch Tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025
- Kế hoạch phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021-2025
- Kế hoạch hành động phát triển hệ thống tưới tiên tiến và tiết kiệm nước cho cây trồng cạn nhằm hỗ trợ tái cơ cấu ngành tài nguyên nước giai đoạn 2015-2020 và định hướng 2021-2025
- Thông tư 34/2017/TT-BTNMT về quy định thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ
- Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT về Ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam
- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025
- Nghị định số 09/VBHN-BTNMT ngày 25/10/2019 về quản lý chất thải và phế liệu
- Nghị định 08/2022/ND-CP về Đánh giá môi trường chiến lược, Đánh giá tác động môi trường và Cam kết bảo vệ môi trường
- Nghị định 38/2015/ND-CP về quản lý chất thải và phế liệu

2.2. TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA UNDP (SES)

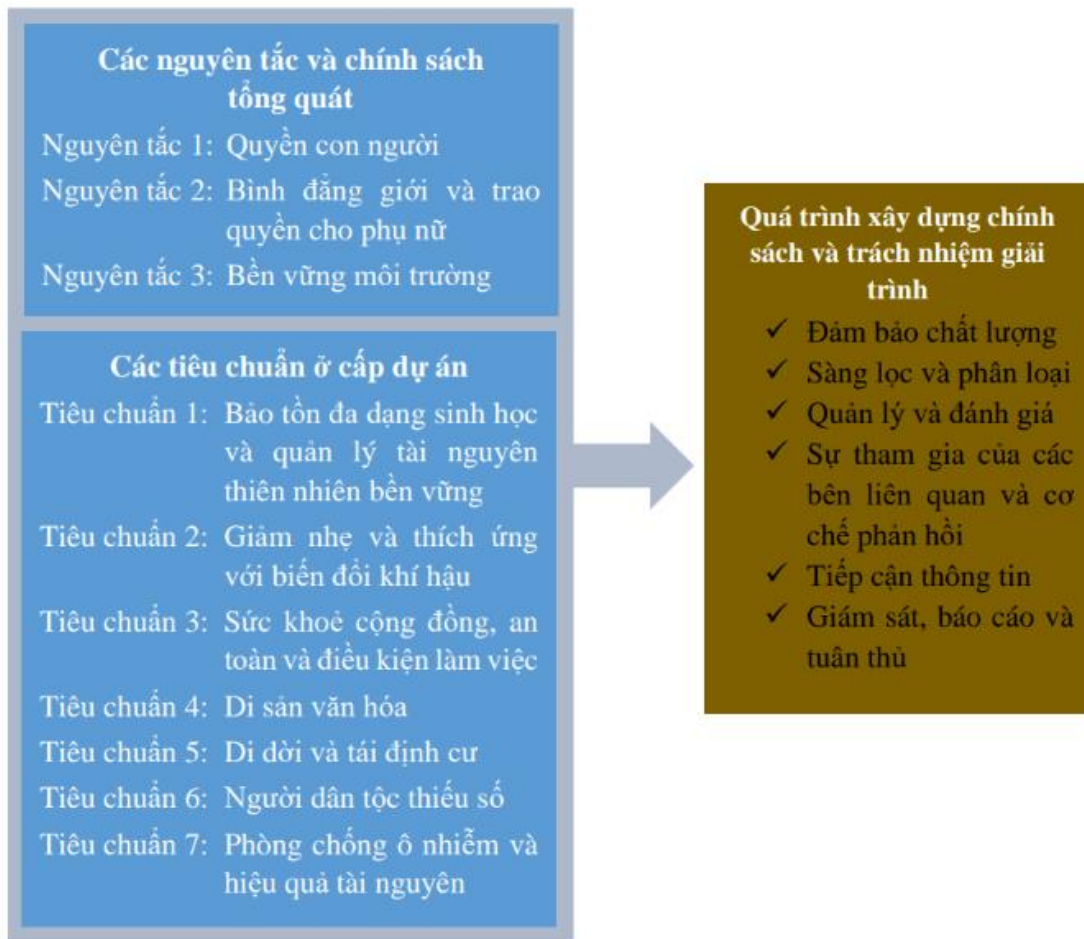
Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES) cam kết lồng ghép tính bền vững về môi trường và xã hội trong các chương trình và dự án để đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững. Mục tiêu của SES là:

- Tăng cường chất lượng chương trình dự án bằng cách đảm bảo cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc
- Tối đa hóa các cơ hội và lợi ích xã hội và môi trường
- Tránh tác động xấu đến con người và môi trường
- Giảm thiểu tối đa và quản lý các tác động bất lợi khi không thể tránh được
- Tăng cường năng lực của UNDP và đối tác để quản lý rủi ro xã hội và môi trường
- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, bao gồm thông qua cơ chế phản hồi khiếu nại của những người bị ảnh hưởng bởi dự án.

SES là một phần không thể thiếu trong quy trình đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro của UNDP trong xây dựng dự án. Điều này bao gồm Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường ở cấp dự án

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

(SESP). Sàng lọc và phân loại dự án là một trong những yêu cầu chính của Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội. Các yếu tố chính của Tiêu chuẩn Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES) được thể hiện trong hình dưới đây.



Hình 3. Các yếu tố chính trong Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES), UNDP 2015³

Mục tiêu của Quy trình sàng lọc môi trường và xã hội của UNDP (SESP) là:

- Tích hợp các Nguyên tắc SES để tối đa hóa các cơ hội và lợi ích về môi trường và xã hội, đồng thời tăng tính bền vững về môi trường và xã hội.
- Xác định các rủi ro xã hội và môi trường tiềm ẩn và tầm quan trọng của chúng.
- Xác định loại rủi ro của dự án (Thấp, Trung bình, Đáng kể, Cao); và,
- Xác định mức độ đánh giá và quản lý môi trường và xã hội cần thiết để giải quyết các rủi ro và tác động tiềm ẩn.

³ Lưu ý SES của UNDP đã được cập nhật vào năm 2019, tuy nhiên dự án SACCR đã được phê duyệt theo SES 2015

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Dự án đã được sàng lọc theo Quy trình Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP. Đánh giá rủi ro tác động được thực hiện bằng cách sử dụng Quy trình sàng lọc Môi trường và Xã hội của UNDP để đánh giá xác suất (dự kiến xảy ra, rất có thể xảy ra, có khả năng vừa phải, không có khả năng xảy ra) và tác động của rủi ro (cực kỳ nghiêm trọng, nghiêm trọng, trung bình, thấp, không đáng kể). Từ đó, dự án được coi là dự án có rủi ro trung bình (Loại B). Nội dung đánh giá tác động được thể hiện trong mẫu Sàng lọc Môi trường và Xã hội và SESP của UNDP, cung cấp cơ sở giải trình cho mức độ rủi ro trung bình của dự án.

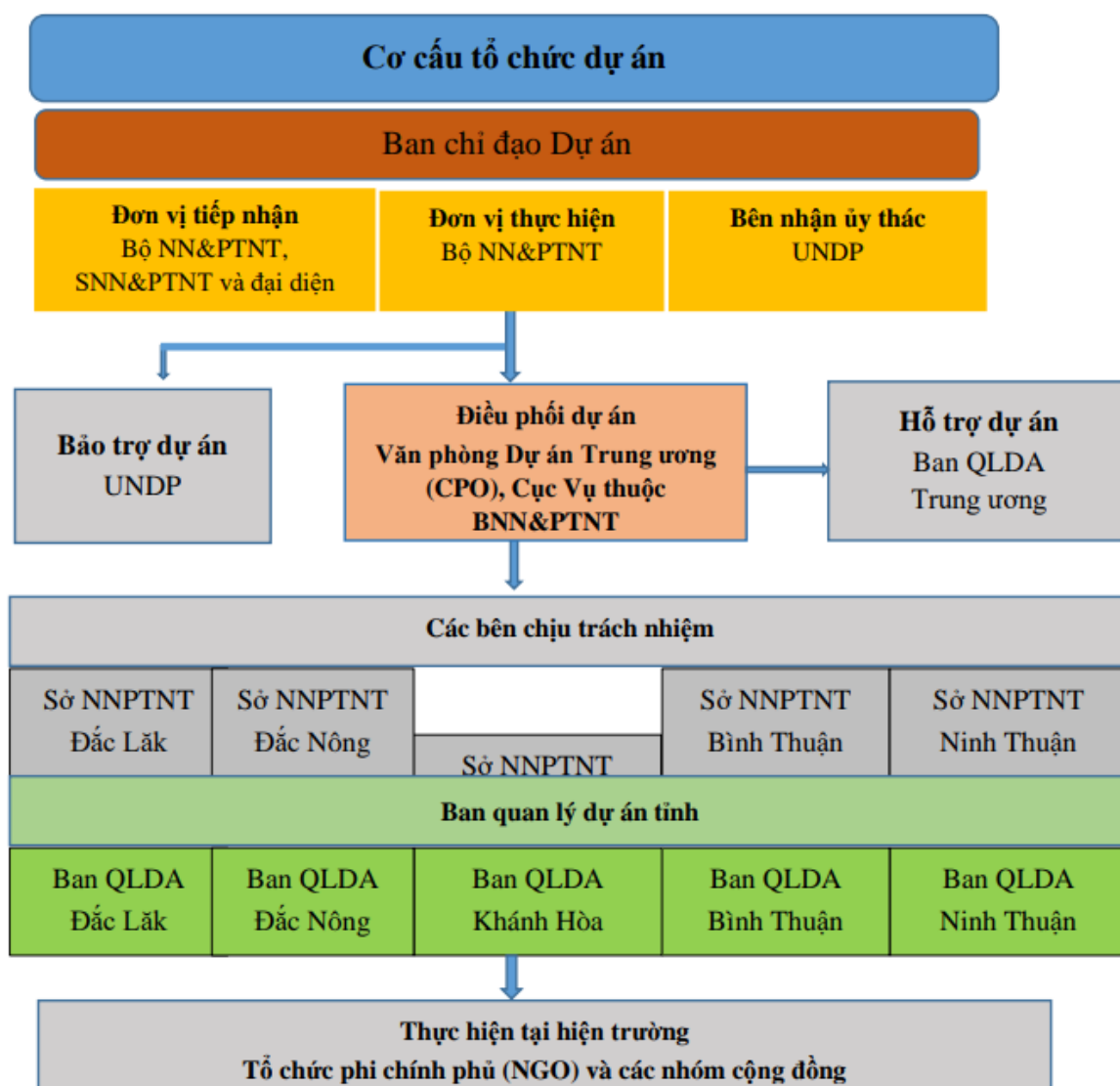
3. THỰC HIỆN VÀ VẬN HÀNH

3.1. CƠ CẤU QUẢN LÝ CHUNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Cơ quan thực hiện quốc gia của dự án này là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT). Trong Bộ NN & PTNT, Ban Quản lý Trung ương các Dự án thủy lợi (CPO) được giao nhiệm vụ điều phối dự án.

Trách nhiệm thực hiện tên phạm vi quốc gia được giao cho Ban Quản lý Dự án Trung ương (CPMU) thuộc CPO của Bộ NN&PTNT, trong khi ở các tỉnh, việc thực hiện được giao cho Ban Quản lý Dự án tỉnh (PPMU).

Cơ cấu tổ chức dự án được thể hiện trong Hình 4 dưới đây. Dự án được cơ cấu theo mô hình dự án ô theo thuật ngữ quản lý ODA của Chính phủ Việt Nam.

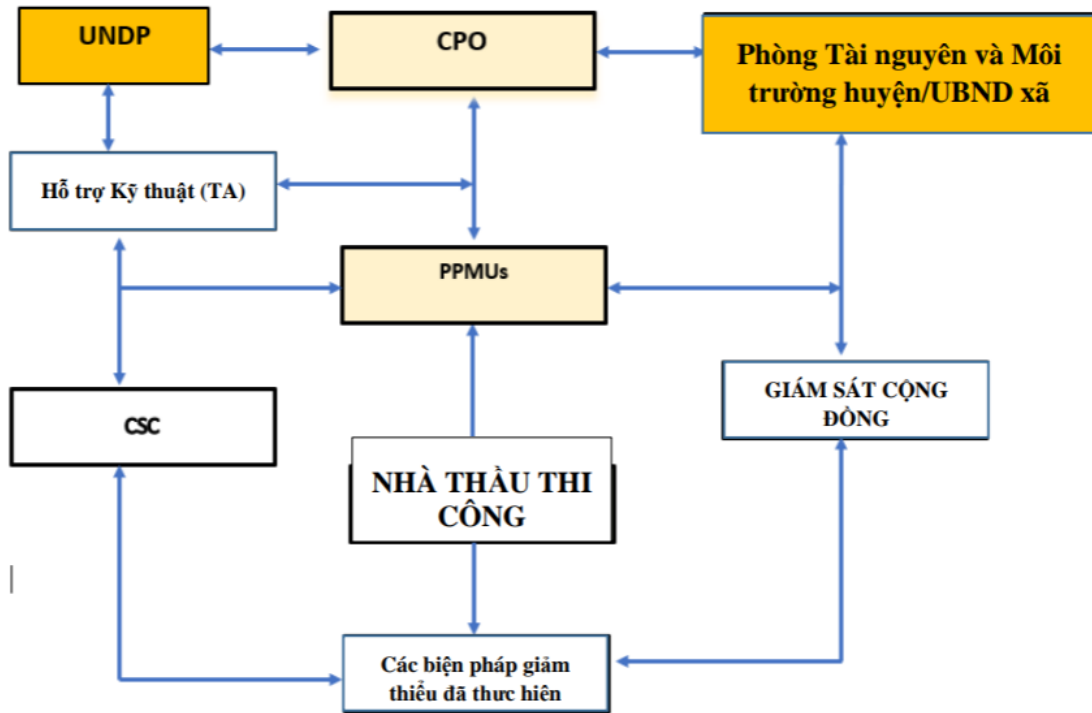


Hình 4. Cơ cấu tổ chức dự án

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Tương ứng với cơ cấu tổ chức Dự án, sơ đồ tổ chức thực hiện ESMP được thể hiện như trong Hình 4. Thông tin liên lạc của những người đầu mối phụ trách các vấn đề về chính sách an toàn trong mỗi tổ chức được nêu trong Bảng 2.

Hình 5 có thể áp dụng cho các hợp phần xây dựng, cho thấy cách tổ chức thực hiện ESMP, cùng với các Kế hoạch Hiện trường và Kế hoạch do các nhà thầu xây dựng.



Hình 5: Tổ chức Thực hiện ESMP

3.2. QUẢN LÝ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hình 5 ở trên trình bày cơ cấu thực hiện ESMP. Là cơ quan thực hiện, Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện ESMF và ESMP thông qua các đơn vị thực hiện.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả ESMP, các hành động sau sẽ được thực hiện:

- Trong quá trình thiết kế chi tiết và chuẩn bị hồ sơ mời thầu/hợp đồng cho từng gói thầu thuộc Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1, tư vấn thiết kế kỹ thuật chi tiết sẽ kết hợp các biện pháp giảm thiểu và trách nhiệm giám sát được cung cấp trong ESMP cùng với bất kỳ yêu cầu khác vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và tài liệu mua sắm tiêu chuẩn và tài liệu hợp đồng.
- Các PPMU sẽ thông báo cho các nhà thầu về các yêu cầu CSAT của dự án và yêu cầu sự cam kết tuân thủ. Việc giám sát chặt chẽ được đảm bảo từ các PPMU.
- Trách nhiệm của các bên liên quan sẽ được trình bày ở mục 3.1.1 dưới đây.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

3.2.1. Trách nhiệm của các bên liên quan

Các PPMU sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện tiểu dự án tổng thể, bao gồm cả việc tuân thủ môi trường của tiểu dự án. PPMU sẽ chịu trách nhiệm cuối cùng về việc thực hiện ESMP và hiệu quả môi trường của tiểu dự án trong giai đoạn xây dựng và vận hành. Cụ thể, PPMU sẽ:

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương với sự tham gia của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án;
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP, bao gồm việc kết hợp ESMP vào các thiết kế kỹ thuật chi tiết, hồ sơ đấu thầu và hợp đồng;
- Đảm bảo rằng hệ thống quản lý môi trường được thiết lập và hoạt động đúng chức năng;
- Phụ trách báo cáo việc thực hiện ESMP cho Sở TNMT/Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện nếu liên quan và UNDP.

Để đảm bảo hiệu quả trong quá trình thực hiện, PPMU sẽ cử Cán bộ Môi trường và Xã hội (ESS) trợ giúp về các khía cạnh môi trường của tiểu dự án – địa chỉ liên hệ của các nhân viên/cán bộ này có thể được tìm thấy trong Bảng 2. ESS có trách nhiệm giám sát việc thực hiện ESMP này các Kế hoạch Hiện trường nếu cần thiết. Các Kế hoạch Hiện trường sẽ được lập dựa trên công tác sàng lọc rủi ro tại các địa điểm cụ thể. Quy trình xây dựng Kế hoạch Hiện trường và đảm bảo sự tuân thủ của các nhà thầu được thể hiện trong mục 1.2.4.

Về phía **Nhà thầu**, dựa trên các thông số kỹ thuật môi trường (ECOP) đã được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm lập Kế hoạch cho từng khu vực công trường, trình kế hoạch cho PPMU và CSC (Tư vấn Giám sát Xây dựng) để xem xét và phê duyệt trước khi bắt đầu thi công. Ngoài ra, Nhà thầu phải có đầy đủ các giấy phép thi công theo các quy định hiện hành (kiểm soát và phân luồng giao thông, đào đất, an toàn lao động, v.v. trước khi thi công xây dựng).

Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) và ESS sẽ được nhà thầu chỉ định và chịu trách nhiệm giám sát thường xuyên tất cả các hoạt động xây dựng và đảm bảo rằng Nhà thầu tuân thủ các yêu cầu của hợp đồng và ECOP. Cụ thể hơn, CSC sẽ tuyển dụng đủ số lượng cán bộ đủ năng lực (ví dụ: Kỹ sư Môi trường) có kiến thức đầy đủ về bảo vệ môi trường và quản lý tiểu dự án xây dựng để thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu và giám sát hoạt động của Nhà thầu, đồng thời hỗ trợ thêm PPMU trong việc báo cáo và duy trì sự phối hợp chặt chẽ với cộng đồng địa phương. ESS sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội được đề xuất trong ESMP.

Nhà thầu cũng phải bổ nhiệm một cá nhân có năng lực làm Cán bộ An toàn và Môi trường (SEO) tại chỗ của Nhà thầu, người này sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo nhà thầu tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe và an toàn, các yêu cầu ESMP và các thông số kỹ thuật về môi trường (ECOP). SEO có những trách nhiệm sau:

- Thực hiện các hành động để giảm thiểu tất cả các tác động tiêu cực tiềm ẩn phù hợp với mục tiêu được mô tả trong ESMP.
- Tích cực trao đổi với người dân địa phương và có các hành động để ngăn chặn sự xáo trộn trong quá trình thi công.
- Đảm bảo rằng tất cả các cán bộ và công nhân hiểu rõ quy trình và nhiệm vụ của họ trong chương trình quản lý môi trường.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Báo cáo PPMU và CSC về bất kỳ khó khăn nào và đề xuất giải pháp.
- Báo cáo cho chính quyền địa phương, PPMU và CSC nếu xảy ra tai nạn môi trường và phối hợp với các cơ quan, các bên liên quan chính để giải quyết.

Cộng đồng địa phương: Theo thông lệ của Việt Nam, cộng đồng có quyền và trách nhiệm giám sát thường xuyên hoạt động môi trường trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng các quyền và sự an toàn của họ được bảo vệ đầy đủ và các biện pháp giảm thiểu được các nhà thầu và PPMU thực hiện một cách hiệu quả. Nếu xảy ra sự cố không mong muốn, họ sẽ báo cáo CSC và PPMU.

Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở TN&MT và Ủy ban nhân dân cấp huyện : Giám sát việc thực hiện tiêu dự án theo khuyến nghị của Sở TNMT/Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và các PPMU để đảm bảo tuân thủ chính sách và quy định của Chính phủ. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các yêu cầu về môi trường của Chính phủ.

3.2.2. Kế hoạch Hiện trường

Kế hoạch Hiện trường sẽ được xây dựng bởi cán bộ chính sách an toàn (ESS) của PPMU dựa trên các yêu cầu của ESMP này. Kế hoạch Hiện trường bao gồm các chi tiết cần thiết cho địa điểm hoặc hoạt động cụ thể và được yêu cầu tuân theo đối với tất cả các công trình xây dựng; điều này sẽ được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và hồ sơ hợp đồng thi công xây dựng.

Kế hoạch hiện trường được xây dựng theo cấp xã sẽ bao gồm thông tin về kết quả của quá trình sàng lọc, thông tin kinh tế xã hội của xã, sự hiện diện của người dân tộc thiểu số và các rủi ro liên quan, sự hiện diện của các khu vực được bảo vệ, kết quả tham vấn cộng đồng, địa điểm thi công công trình và các rủi ro liên quan cũng như các biện pháp giảm thiểu. Mẫu kế hoạch hiện trường cùng với bản mẫu được cung cấp trong Phụ lục 2.

3.2.3. Kế hoạch của Nhà thầu xây dựng

Nhà thầu xây dựng cần lập các kế hoạch tương ứng dựa trên yêu cầu của ESMP và hướng dẫn của ESS. Kế hoạch của Nhà thầu cần có các thông tin chi tiết của từng địa điểm hoặc hoạt động cụ thể và được yêu cầu tuân theo đối với tất cả các công trình xây dựng; điều này sẽ được quy định cụ thể trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng xây dựng công trình. Các yêu cầu đối với Kế hoạch của Nhà thầu Xây dựng sẽ được đưa vào hồ sơ mời thầu, quy trình đánh giá hồ sơ dự thầu và các hợp đồng đã ký với Nhà thầu.

3.2.4. Báo cáo sự cố môi trường

Đối với bất kỳ sự cố nào bao gồm các hành động không tuân thủ đối với quy trình ESMP cần phải ghi chép lại chi tiết vào sổ theo dõi. Đối với các sự cố gây ra hoặc có khả năng gây ra thiệt hại nghiêm trọng về vật chất hoặc môi trường, Cán bộ hiện trường phải thông báo cho Quản lý dự án càng sớm càng tốt. Tổ chức/nhà thầu giao trực tiếp thực hiện phải ngừng công việc cho đến khi hoàn thành việc khắc phục theo sự chấp thuận của PPMU.

3.2.5. Danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày và hàng tuần

Cán bộ hiện trường chịu trách nhiệm sẽ hoàn thành danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày tại mỗi địa điểm làm việc và duy trì việc ghi chép vào sổ theo dõi. Danh sách kiểm tra môi trường hàng tuần cũng phải được hoàn thành và sẽ bao gồm tham chiếu đến bất kỳ vấn đề nào

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

được xác định trong danh sách kiểm tra hàng ngày do các cán bộ hiện trường hoàn thành. Danh sách kiểm tra đã hoàn thiện sẽ được nộp cho PPMU/Sở NN & PTNT để xem xét và theo dõi nếu phát hiện có vấn đề.

3.2.6. Hành động sửa đổi

Mọi trường hợp không tuân thủ ESMP đều phải được ghi nhận trong các danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày (hoặc hàng tuần) và ghi chép vào sổ theo dõi. Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của việc không tuân thủ, cán bộ hiện trường có thể chỉ định hành động khắc phục trong báo cáo kiểm tra hiện trường hàng tuần. Tiến trình của tất cả các hành động khắc phục sẽ được theo dõi qua sổ theo dõi. Bất kỳ sự không tuân thủ nào và các hành động khắc phục phải được thông báo cho PPMU/Sở NN & PTNT.

3.2.7. Rà soát và đánh giá

ESMP là một tài liệu mở để xem xét và cập nhật thường xuyên nếu có:

- Thay đổi đáng kể trong dự án, ví dụ như thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc bối cảnh địa phương;
- Những thay đổi về điều kiện môi trường hoặc các thông lệ môi trường được chấp nhận chung;
- Các rủi ro môi trường mới hoặc trước đây chưa được xác định;
- Thông tin thu được từ các phương pháp giám sát và theo dõi dự án cho thấy các biện pháp kiểm soát hiện tại cần được điều chỉnh để đạt hiệu quả;
- Những thay đổi về luật môi trường có liên quan đến dự án; hoặc
- Có yêu cầu của cơ quan quản lý có liên quan;

Mọi thay đổi phải được xây dựng và thực hiện với sự tham vấn của Cán bộ UNDP và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Khi cập nhật, các cán bộ trên công trường cần phải được thông báo về việc điều chỉnh càng sớm càng tốt, có thể thông qua các cuộc họp hoặc thông báo bằng văn bản.

các cán bộ trên công trường cần phải được thông báo về việc điều chỉnh môi trường và xã hội và tư vấn an toàn môi trường và xã hội hỗ trợ quản lý tổng hợp theo chiều dọc các hoạt động ESMP và đảm bảo chúng tiếp tục phù hợp với mục tiêu chương trình và các hoạt động có thể thay đổi sau khi bắt đầu thực hiện chương trình. Các tài liệu ESMP sẽ được xem xét hàng năm hoặc trong các sự kiện nói trên.

3.2.8. Giám sát, đánh giá và báo cáo

3.2.8.1. Giám sát việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu

Việc giám sát hàng ngày sẽ được thực hiện dưới sự điều phối của nhóm môi trường do Nhà thầu thành lập.

Hoạt động xây dựng không chỉ phải tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm theo hợp đồng mà còn phải tuân thủ luật bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Nhà thầu phải trình tất cả các báo cáo về phương pháp thi công cho CSC và PPMU phê duyệt, xem liệu các chính sách an toàn môi trường và kiểm soát ô nhiễm đã được đưa vào hay chưa. CSC và PPMU cũng sẽ xem xét tiến độ và nội dung của các công việc để xác nhận các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường có liên quan không bị vi phạm và mọi khả năng vi phạm có thể được ngăn chặn. Cán bộ Môi trường sẽ hoàn thành việc này đồng thời với danh mục các chính sách an toàn.

Hoạt động giám sát bao gồm:

- Giám sát tuân thủ
 - Khi tất cả các yêu cầu về CSAT được đáp ứng theo các tuyên bố về chính sách bảo trợ;
 - Xây dựng và cập nhật danh sách kiểm tra thông tin và dữ liệu tiềm năng cần thu thập trong quá trình thực hiện;
- Bắt buộc giám sát chất lượng
 - Để đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của việc thực hiện ESMP;
 - Bao gồm các thông số giám sát;

Việc giám sát tuân thủ sẽ do PPMU và tư vấn giám sát xây dựng (CSC) thực hiện thường xuyên. PPMU và CSC sẽ chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày việc tuân thủ của nhà thầu với các biện pháp giảm thiểu đã thỏa thuận. Kết quả sẽ được phản ánh trong báo cáo tiến độ tháng.

Chính quyền và cộng đồng địa phương sẽ thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của Chính phủ, Nghị định số 84/2015/ND-CP - Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Ngoài ra, Cán bộ Môi trường của nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trên công trường và báo cáo cho PPMU và CSC.

Kế hoạch giám sát chi tiết sẽ được lập trong giai đoạn thiết kế.

Bất kỳ sự cố nào được phát hiện trong quá trình kiểm tra sẽ được ghi lại và đưa vào báo cáo hàng tháng. CPO và UNDP sẽ được thông báo ngay lập tức về bất kỳ sự cố hoặc tai nạn nào liên quan đến Dự án mà có khả năng gây ra tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường, cộng đồng và người lao động bị ảnh hưởng bao gồm nhưng không giới hạn các sự cố và tai nạn gặp phải trong quá trình thi công, sự cố rò rỉ chất thải ra môi trường, v.v. Sự cố hoặc tai nạn này sẽ được mô tả đầy đủ chi tiết và đi cùng với các biện pháp hoặc hành động khắc phục ngay lập tức được thực hiện hoặc được lên kế hoạch thực hiện để giải quyết vấn đề đó, khoản bồi thường sẽ được thanh toán và bất kỳ thông tin nào được cung cấp bởi nhà thầu và tư vấn giám sát nào thích hợp đều được ghi nhận. Báo cáo sự cố phải đảm bảo là phù hợp với các chính sách GCF/UNDP. Tất cả các sự kiện và sự không tuân thủ sẽ được báo cáo theo các tiêu chuẩn của dự án như được mô tả trong ESMP.

Kế hoạch giám sát trong quá trình thi công được trình bày như sau:

Bảng 5. Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công

Môi trường	Địa điểm	Tần suất	Các thông số cần theo dõi	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng
Quan trắc xói mòn, sụt lún, nứt nẻ	Tất cả các công trường	Trong quá trình thi công	Giám sát các vị trí đào và san lấp	Nghị định 15/2013/ND-CP quản lý chất lượng công

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Môi trường	Địa điểm	Tần suất	Các thông số cần theo dõi	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng
				trình xây dựng
Giám sát sự cố/rủi ro môi trường	Tất cả các công trường	Trong quá trình thi công	Sự kiện xảy ra sự cố môi trường (tức là nếu có sự cố xả nước thải ngẫu nhiên theo dòng nước đến tầng chứa nước)	Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công công trình. Thông tư 08/2017/TT-BXD về quản lý chất thải xây dựng

Bảng 6: Kế hoạch giám sát xã hội trong giai đoạn thi công

STT	Hình thức	Địa điểm	Tần suất	Cơ sở
Theo dõi sức khỏe				
1	Vệ sinh môi trường	Công trường <ul style="list-style-type: none"> Khu lán trại công nhân Khu vực tập kết vật liệu 	Hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> Số lượng và tình trạng dụng cụ vệ sinh Hộp sơ cứu Công trình y tế Số ca nhiễm trùng và ô nhiễm Kế hoạch truyền thông về sức khỏe cộng đồng
2	An toàn lao động	Công trường - Khu lán trại công nhân	Hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> PPE (thiết bị bảo hộ cá nhân) Biển báo an toàn Số vụ tai nạn

việc nhà thầu cung cấp số liệu quan trắc môi trường tại công trường được coi là công cụ đánh giá định lượng chất lượng môi trường xung quanh công trường. Từ đó, các chuyên gia tư vấn giám sát thi công yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi biện pháp thi công và các biện pháp giảm thiểu nhằm giảm thiểu tác động đến xã hội và môi trường.

3.2.8.2. Tổ chức thực hiện báo cáo

Các yêu cầu báo cáo ESMP được tóm tắt trong Bảng 7.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 7. Yêu cầu lập báo cáo thường xuyên

STT	Người lập báo cáo	Độ trình lên	Tần suất báo cáo
1	Nhà thầu trình Chủ đầu tư	PPMU	Nhà thầu có nghĩa vụ báo cáo (Một số vấn đề cần báo cáo ngay, và phần lớn cần báo cáo theo tháng) cho CSC
2	Tư vấn giám sát thi công (CSC)	PPMU	CSC được yêu cầu báo cáo (ngay lập tức hoặc hàng tháng) cho người sử dụng lao động hàng tuần và hàng tháng
3	Giám sát cộng đồng	PPMU	Khi cộng đồng có bất kỳ khiếu nại nào về việc thực hiện các CSAT của tiểu dự án
4	PPMU	CPO	PPMU phải báo cáo CPO sáu tháng một lần theo quy định của Chính phủ
5	CPO	UNDP	CPO được yêu cầu báo cáo cho UNDP sáu tháng một lần theo PIM.

Báo cáo của PPMU về hiệu quả hoạt động/tuân thủ môi trường của tiểu dự án phải được đưa vào báo cáo tiến độ và độ trình cho CPO và UNDP trước mỗi nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện tiểu dự án và phải bao gồm đầy đủ thông tin về:

- Chuẩn bị và công bố các công cụ bảo vệ môi trường cho các tiểu dự án;
- Kết hợp các ESMP của tiểu dự án mới trong các tài liệu đấu thầu và hợp đồng;
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP của nhà thầu, kỹ sư giám sát thi công và PC;
- Bất kỳ thách thức nào trong việc thực hiện biện pháp CSAT, các giải pháp và bài học kinh nghiệm.

3.3. ĐÀO TẠO

Các tổ chức thực hiện trực tiếp có trách nhiệm đảm bảo hệ thống được triển khai để các cán bộ, nhà thầu và công nhân khác có liên quan nhận thức được các yêu cầu về môi trường và xã hội đối với hoạt động xây dựng, bao gồm cả ESMP.

Tất cả cán bộ dự án sẽ tham dự buổi giới thiệu về các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, môi trường và văn hóa.

Tất cả công nhân tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây tổn hại nghiêm trọng đến môi trường (ví dụ: xử lý các vật liệu nguy hiểm) sẽ được đào tạo về môi trường cụ thể theo nhiệm vụ.

Chương trình đào tạo được đề xuất

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 8: Chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý và giám sát môi trường

I. Loại 1	Ban quản lý tiểu dự án tỉnh (PPMU)
Khóa đào tạo	Giám sát, quan trắc và báo cáo môi trường
Người tham dự	Cán bộ môi trường và cán bộ kỹ thuật
Tần suất đào tạo	Ngay sau khi tiểu dự án có hiệu lực nhưng ít nhất 1 tháng trước khi thi công hợp đồng đầu tiên. Việc đào tạo tiếp theo sẽ được lên kế hoạch khi cần thiết.
Thời gian	Bốn ngày đào tạo, hai lần một năm, được lặp lại hàng năm
Nội dung	<p>Quản lý môi trường chung liên quan đến tiểu dự án bao gồm các yêu cầu của GCF/UNDP, hợp tác với các doanh nghiệp liên quan</p> <p>Yêu cầu về giám sát môi trường;</p> <p>Giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu;</p> <p>Sự tham gia của cộng đồng trong giám sát môi trường</p> <p>Hướng dẫn và giám sát nhà thầu, CSC và đại diện cộng đồng trong việc thực hiện giám sát môi trường.</p> <p>Các biểu mẫu sử dụng trong giám sát môi trường;</p> <p>Ứng phó và kiểm soát rủi ro;</p> <p>Các lĩnh vực khác cần được xác định;</p> <p>Phương pháp tiếp nhận và gửi biểu mẫu.</p>
Trách nhiệm	CPO, với sự hỗ trợ của nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật để thực hiện các CSAT
II. Loại 2	CSC, nhà thầu, chính quyền xã/phường, đại diện cộng đồng
Khóa đào tạo	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu
Người tham dự	CSC; đội ngũ cán bộ quản lý thi công tại chỗ; cán bộ môi trường của nhà thầu; chính quyền xã/phường/thôn xóm
Tần suất đào tạo	Sau khi đấu thầu, cập nhật dựa trên yêu cầu
Thời gian	Ba ngày đào tạo cho CSC và các nhà thầu và hai ngày đào tạo cho những người khác cũng được lặp lại hai lần một năm hàng năm tùy theo nhu cầu
Nội dung	<p>Tổng quan về giám sát môi trường;</p> <p>Yêu cầu giám sát môi trường;</p> <p>Vai trò và trách nhiệm của nhà thầu và CSC</p> <p>Nội dung và phương pháp quan trắc môi trường;</p> <p>Ứng phó và kiểm soát rủi ro;</p> <p>Tuyên truyền các biểu mẫu giám sát và hướng dẫn cách điền biểu mẫu, báo cáo rủi ro;</p> <p>Các lĩnh vực khác cần được xác định;</p> <p>Lập và nộp báo cáo</p>
Trách nhiệm	CPO với sự hỗ trợ của nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật để thực hiện các CSAT
III. Loại 3	Cộng đồng và người lao động

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



I. Loại 1	Ban quản lý tiểu dự án tỉnh (PPMU)
Khóa đào tạo	OHS
Người tham dự	Đại diện của lãnh đạo cộng đồng và/hoặc công nhân (nếu thích hợp)
Tần suất đào tạo	Khi thích hợp
Thời gian	Một ngày thuyết trình và một ngày đào tạo thực tế tại nơi làm việc, được tổ chức sau một ngày làm việc trong năm, lặp lại tùy theo nhu cầu
Nội dung	Trình bày sơ bộ về bảo vệ môi trường và tổng quan về môi trường Các vấn đề chính đòi hỏi sự quan tâm của cộng đồng và người lao động để giảm thiểu rủi ro về an toàn (đường sá, thiết bị, máy móc, v.v.) và giảm ô nhiễm (bụi, khí thải, tràn dầu/mỡ, quản lý chất thải, v.v.) Quản lý an toàn, vệ sinh môi trường tại nơi làm việc và lán trại công nhân; Các biện pháp giảm thiểu tại công trường và khu lán trại; Các biện pháp an toàn về điện, cơ khí, giao thông, ô nhiễm không khí; Các lĩnh vực khác cần được xác định; Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp
Trách nhiệm	Nhà thầu, PPMU

3.4. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN

Các yêu cầu về CSAT của ESMP này phải được nhà thầu chuẩn bị và được PPMU và CPO kiểm tra như một phần của hồ sơ dự thầu. Tất cả các tài liệu do nhà thầu đệ trình đều được thẩm định theo yêu cầu của tiểu dự án do CPO, PPMU và CSC đệ trình để đảm bảo rằng không có công việc nào được thực hiện trừ khi kỹ sư giám sát/tư vấn giám sát đồng ý rằng nhà thầu có đề xuất phù hợp để quản lý rủi ro môi trường và xã hội của hoạt động phù hợp với yêu cầu của dự án. Mọi thay đổi trong tài liệu phải được cán bộ môi trường và CSC chấp nhận. Các tài liệu này sẽ thường xuyên được xem xét và cập nhật.

Kế hoạch giám sát chi tiết sẽ được chuẩn bị trong giai đoạn thiết kế chi tiết. Dự toán chi phí giám sát sẽ được tính vào chi phí thực hiện ESMP.

Dự toán thực hiện các hoạt động ESMP được trình bày trong Bảng 9

Bảng 9: Lịch trình thực hiện các hoạt động ESMP

STT	Mô Tả	2022		2023				2024				2025			
		III	IV	TÔI	II	III	IV	TÔI	II	III	IV	TÔI	II	III	IV
TÔI	1.2.1 hoạt động: Thiết kế và xây dựng 3.733 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu (Thi công kết nối từ công trình hạ tầng WEIDAP đến đồng ruộng của nông dân)⁴														

⁴ Hoạt động 1.2 sẽ không được triển khai tại Khánh Hòa theo những thay đổi đã được phê duyệt trong RP FP125-UNDP-13092023-RP

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



STT	Mô Tả	2022		2023				2024				2025			
		III	IV	TÔI	II	III	IV	TÔI	II	III	IV	TÔI	II	III	IV
1	Sự tham gia của các bên liên quan														
2	Đào tạo														
3	Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung														
4	Kế hoạch quản lý chất thải														
5	Kế hoạch quản lý giao thông														
6	Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn														
7	Báo cáo hàng tháng														
số 8	Báo cáo bán niên														
II	1.3.1. hoạt động: Xây dựng hoặc nâng cấp 1.507 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm, đào 849 ao mới và nâng cấp 658 ao hiện có)⁵														
1	Sự tham gia của các bên liên quan														
2	Đào tạo														
3	Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung														
4	Kế hoạch quản lý chất thải														
5	Kế hoạch quản lý giao thông														
6	Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn														
7	Báo cáo hàng tháng														
số 8	Báo cáo bán niên														

3.5. DỰ TOÁN

Kinh phí thực hiện ESMP bao gồm:

- lương của cán bộ chính sách an toàn và chuyên gia tư vấn của PPMU,
- chi phí cho Tư vấn quản lý môi trường (TA) bao gồm giám sát chất lượng môi trường,
- chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho việc đào tạo chính sách bảo trợ và dịch vụ kỹ thuật.
- chi phí tham vấn các bên liên quan
- Chi phí giám sát của CSC

Tất cả các chi phí sẽ được tính vào chi phí của tiểu dự án. Dự toán chi phí cho việc thực hiện ESMP được cung cấp trong bảng sau.

⁵ Hoạt động này được áp dụng cho cả 5 tỉnh dự án, trong đó có 2 huyện mới Khánh Sơn và Khánh Vĩnh của tỉnh Khánh Hòa.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 10: Dự toán tính chi phí thực hiện kế hoạch quản lý môi trường cho toàn bộ tiểu dự án

Các hoạt động	Nguồn tài trợ	Dự toán chi phí
(a). Biện pháp giảm thiểu của nhà thầu trong quá trình thi công	Bao gồm trong hợp đồng thi công	Bao gồm trong đề xuất tài chính của nhà thầu
(b). Giám sát an toàn của nhà thầu trong quá trình thi công	Bao gồm trong phạm vi công việc và giá trị hợp đồng của tư vấn giám sát thi công xây dựng	Bao gồm trong đề xuất tài chính của nhà thầu
(c). Cán bộ CSAT của PPMU trong quá trình xây dựng và thực hiện tổng thể dự án	Bao gồm trong chi phí quản lý dự án của tiểu dự án	Tổng chi phí 50.000 USD trong khung thời gian dự án cho mỗi PPMU x 5 PPMU = 250.000 USD
(d). Giám sát môi trường cho toàn bộ tiểu dự án trong quá trình xây dựng và thực hiện tổng thể dự án	Bao gồm trong chi phí quản lý dự án của tiểu dự án	Tổng chi phí 10.000 USD trong khung thời gian dự án cho mỗi PPMU x 5 PPMU = 50.000 USD
(e). Chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho đào tạo chính sách an toàn và dịch vụ kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình xây dựng và vận hành. Nội dung đào tạo bao gồm đào tạo năng lực về bảo vệ môi trường, đào tạo về quan trắc môi trường, đào tạo về an toàn lao động và các chính sách an toàn môi trường và chi phí tham vấn cho các bên liên quan.	Bao gồm trong phạm vi công việc và giá trị hợp đồng của TA	70.000 USD
(f) Ngân sách dự phòng cho việc điều tra/giải quyết vấn đề	Nguồn đối ứng từ chính phủ cho dự án SACCR	60.000 USD

4. TRUYỀN THÔNG

4.1. KẾ HOẠCH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kế hoạch tham gia của các bên liên quan (SEP) là một tài liệu riêng biệt được xây dựng để hướng dẫn trao đổi thông tin với các bên liên quan khác nhau của dự án.

Mặc dù là một kế hoạch riêng biệt, SEP là một phần không thể thiếu trong việc quản lý hiệu quả các vấn đề môi trường và xã hội và do đó được dẫn chiếu thường xuyên trong ESMP này.

Tham vấn về ESMF đã được thực hiện tại năm tỉnh trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 9 năm 2018 (tham khảo ESMF). Mục tiêu là để thông báo cho cộng đồng địa phương, công chúng, các cơ quan chủ chốt và các tổ chức xã hội dân sự địa phương về mục tiêu và phạm vi của Dự án cùng với các biện pháp đảm bảo an toàn cần thiết.

Các cuộc họp tham vấn được tổ chức trong quá trình chuẩn bị ESMP này: nhóm chính sách an toàn của dự án đã tiến hành tham vấn ở cấp xã và cộng đồng vào tháng 7 năm 2022 và tiến hành tham vấn bổ sung tại Khánh Sơn và Khánh Vĩnh vào tháng 8 năm 2022 và tháng 2 năm 2023 với mục đích tham vấn cộng đồng địa phương về các tác động tiềm ẩn đối với môi trường và xã hội (cả tích cực và tiêu cực) cũng như các biện pháp giảm thiểu được đề xuất để đưa vào ESMP. Kết quả cho thấy hầu hết các cơ quan ban ngành và người dân địa phương tại 8 cộng đồng được lựa chọn tham vấn đều hoàn toàn ủng hộ dự án. Mọi quan tâm của cộng đồng địa phương và các biện pháp giảm thiểu nếu có đã được ghi nhận và lồng ghép vào ESMP này. Có 125 người (trong đó có 70 nữ) tham gia tham vấn tại 8 cộng đồng (Bảng 11).

Bảng 11: Các cuộc họp tham vấn tại các xã dự án trong quá trình chuẩn bị ESMP này

Tỉnh	Thời gian	Xã	Người tham gia	Giới tính	
				Nữ	Nam
Ninh Thuận	7/7/2022	Xuân Hải	16	14	2
	7/7/2022	Phước Thành	16	8	8
Bình Thuận	7/8/2022	Mỹ Thành	14	7	7
	7/9/2022	Trà Tân	16	7	9
Đắk Nông	7/11/2022	Tâm Thắng	16	9	7
	7/11/2022	Đức Minh	16	8	8
Đắk Lắk	7/12/2022	Ea Sar	17	7	10
	7/13/2022	Krông Buk	14	10	4
Khánh Hòa	17/8/2022	Khánh Nam	17	10	7
	18/8/2022	Khánh Bình	16	9	7
	15/02/2023	Tô Hấp	17	9	8
	16/02/2023	Ba Cùm Nam	15	8	7

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Sau cuộc họp tham vấn tại cộng đồng, một hội thảo tham vấn đã được tổ chức tại Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk với sự tham gia của 48 đại biểu đến từ 5 tỉnh Khánh Hòa (bao gồm đại diện cộng đồng và chính quyền các huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh), Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông và Đắk Lắk. Những người tham gia bao gồm những người hưởng lợi đủ điều kiện, các hộ gia đình, đại diện cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, PPMU và các chuyên gia tư vấn. Sau đó, các cuộc họp tiếp theo đã được nhân viên PPMU tiến hành tại 68 xã trong thời gian từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 2 năm 2023.

Nhóm đã trình bày các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội của dự án, dự thảo ESMP tổng thể, bao gồm các biện pháp giảm thiểu và kế hoạch thực hiện. Các vấn đề lịch sử, xã hội và môi trường của địa phương cũng được thảo luận để hiểu rõ hơn về bối cảnh địa phương.

Trọng tâm của tham vấn cộng đồng và công bố thông tin là cung cấp thông tin cần thiết cho chính quyền và cộng đồng địa phương để hiểu thêm về tiêu dự án, các tác động tiêu cực tiềm ẩn của việc thực hiện tiêu dự án và các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực và đảm bảo sự tham gia của chính quyền địa phương và người dân trong khu vực dự án trong việc chuẩn bị và thực hiện ESMP.

Kết quả của quá trình tham vấn là cộng đồng địa phương và chính quyền ở tất cả các địa điểm dự án đã bày tỏ sự đánh giá cao đối với dự án được đề xuất, khẳng định sự phù hợp và lợi ích mong đợi của các biện pháp can thiệp của dự án, đồng thời khẳng định sự đồng thuận của họ trong việc tham gia vào các hoạt động của dự án. Các thành viên cộng đồng và chính quyền ở mỗi địa điểm dự án đều khẳng định hiểu biết của họ về những tác động tiềm ẩn phát sinh từ việc thực hiện dự án và sự đồng thuận của họ trong việc hỗ trợ thực hiện dự án. Các cuộc tham vấn cộng đồng cũng xác nhận rằng dự kiến sẽ không cần phải bồi thường hoặc tái định cư vì cộng đồng đã xác nhận sự hỗ trợ đầy đủ và đóng góp tự nguyện của họ trong việc thực hiện dự án.

Tham vấn sắp tới: Việc tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác sẽ được thực hiện liên tục trong giai đoạn thi công. Báo cáo của mỗi cuộc tham vấn phải được chuẩn bị cùng với hồ sơ tham dự và chữ ký của tất cả những người tham gia. Các cuộc tham vấn trong tương lai được liệt kê trong Bảng 12.

Bảng 12: Các cuộc tham vấn sắp tới

Tham vấn	Phương pháp	Trách nhiệm thực hiện	Mốc thời gian
Tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng về các hoạt động, tác động, biện pháp giảm thiểu, GRM, tiến độ thi công và kế hoạch làm việc của dự án	Họp mở	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO	Giai đoạn thiết kế và thi công
Phổ biến các biện pháp phòng ngừa và an toàn sức khỏe cộng đồng với các cộng đồng bị ảnh hưởng	Họp mở	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO	Giai đoạn thi công
Các cuộc họp đột xuất khi cần thiết trong trường hợp có những thay đổi đáng kể hoặc xung đột phát sinh do	Họp, thảo luận nhóm tập trung và phỏng vấn sâu	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO	Giai đoạn thi công

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Tham vấn	Phương pháp	Trách nhiệm thực hiện	Mốc thời gian
tai nạn, hiểu lầm hoặc các nguyên nhân khác.			

4.2. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) do dự án thiết lập như được mô tả trong Phần 4.2.2 của ESMF sẽ áp dụng cho ESMP này. Cơ chế giải quyết khiếu nại đã được ban hành, sử dụng và công khai tại tất cả các địa điểm thực hiện dự án.



5. RỦI RO MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vì dự án này được UNDP hỗ trợ với vai trò là Đơn vị ủy thác của GCF công nhận, nên dự án đã được sàng lọc bằng Quy trình Sàng lọc Môi trường và Xã hội của UNDP. Quá trình sàng lọc đã xem xét cả các hoạt động được đề xuất sẽ được thực hiện như một phần của dự án GCF và các yếu tố liên quan của dự án WEIDAP. Dự án được coi là có xếp hạng rủi ro tổng thể là “Trung bình”.

ESMF đã được xây dựng dựa trên kết quả của SESP, và sau đó được cập nhật để phản ánh những thay đổi đã được GCF phê duyệt nhằm đáp ứng RP FP125-UNDP-13092023-RP. Bản cập nhật (ESMF Rev1)⁶ xác định một loạt rủi ro được coi là có thể xảy ra. ESMP này được xây dựng dựa trên ESMF (Rev1) và bao gồm đánh giá chi tiết hơn về các hoạt động được đề xuất đã được thực hiện, đồng thời mở rộng các rủi ro và các biện pháp giảm nhẹ tiềm năng.

5.1. RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Bảng 13 liệt kê các rủi ro được xác định cho toàn bộ dự án. Bảng này có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo để hỗ trợ các thành viên trong nhóm dự án xác định các rủi ro có thể áp dụng cho các địa điểm cụ thể. Lưu ý, Hoạt động 1.2.1 sẽ được thực hiện ở 4 tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận và Bình Thuận và không được triển khai ở Khánh Hòa theo những thay đổi đã được GCF phê duyệt trong RP FP125-UNDP-13092023-RP.

Hoạt động 1.3.1 sẽ được thực hiện ở tất cả 5 tỉnh dự án, trong đó có 2 huyện mới Khánh Sơn và Khánh Vĩnh của tỉnh Khánh Hòa.

⁶Đã gửi cùng với ESMP cập nhật

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 13: Rủi ro môi trường tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
Kết quả đầu ra 1: Tăng cường an ninh nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp của hộ sản xuất nhỏ để bị ảnh hưởng trong bối cảnh biến động về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu						
<i>1.2.1. Thiết kế và xây dựng 3.733 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì các thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu</i>						
Di dời	<p>Gián đoạn canh tác trong quá trình xây dựng</p> <p>Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình thi công</p>	<p>Tham vấn sớm với nông dân để tối ưu hóa việc lập kế hoạch trồng và thu hoạch nhằm hạn chế gián đoạn</p> <p>Hoàn thiện việc thi công ở một khu vực trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo</p> <p>Tìm cách giảm thiểu diện tích cần thiết khi thi công.</p>	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Tác động xây dựng – ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất thải, an toàn cộng đồng	<p>Việc xây dựng có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí và tạo ra tiếng ồn.</p> <p>Kết quả này chủ yếu là từ việc đào, san lấp mặt bằng, bốc xếp phương tiện và các hoạt động liên quan đến xây dựng khác.</p> <p>Tác động tiềm tàng đến chất lượng không khí xung quanh, mùi hôi và khí thải</p>	<p>Không đốt chất thải tại chỗ.</p> <p>Thời gian thi công được giới hạn trong khoảng từ 7 giờ sáng đến 6 giờ chiều</p> <p>Máy móc phải được lắp đặt các thiết bị giảm thiểu tiếng ồn và khí thải theo yêu cầu và ở tình trạng hoạt động tốt. Thiết bị trên công trường cần được bố trí để giảm thiểu tác động đến các khu vực nhạy cảm</p> <p>Hoạt động đào đất cần được thực hiện vào những thời điểm trong năm khi độ ẩm đất cao để hạn chế tối đa bụi bẩn, làm ướt đất nếu cần thiết.</p> <p>Lực lượng lao động phải được cấp PPE và đào tạo thích hợp.</p>	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		Các địa điểm làm việc có nguy cơ cao phải được rào lại để hạn chế sự tiếp cận của người dân.				
Nước ngầm	Khả năng ô nhiễm nước ngầm do hoạt động xây dựng Khả năng ô nhiễm do phân bón trong quá trình vận hành các khu vực tưới tiêu	Cần có chương trình phổ biến kiến thức và đào tạo về cách bón phân và tưới tiêu phù hợp Hạn chế sử dụng phân bón hóa học	Trong giai đoạn vận hành	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
OHS (Liên quan đến dự án WEIDAP)	Vận hành thiết bị bơm – yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có nguy cơ về an toàn/sức khỏe.	Các trạm bơm phải được đảm bảo an toàn, không cho người dân tiếp cận. Tổ chức vận hành tư nhân được đào tạo về vận hành bơm cao áp Tổ chức vận hành cần được đào tạo về vận hành máy bơm cao áp	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Bom mìn chưa phát lộ	Bom mìn chưa phát lộ – có nguy cơ gây thương tích cho con người	Rà phá bom mìn trước khi bàn giao mặt bằng	Tiền thi công	Vừa	PPMU	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng – việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng suy giảm chất lượng nước mặt.	Khu vực cần được hạn chế tối đa. Ví dụ hoàn thành từng khu vực nhỏ trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo. Tránh đào đất khi dự báo có mưa lớn. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý lưu vực	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
Hệ sinh thái	Tác động đến sinh thái do hoạt động của người lao động và công nhân xây dựng Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn đối với quần thể thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa	Người lao động và công nhân xây dựng sẽ bị cấm thu hái các loài bản địa trong suốt thời gian hợp đồng.	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Sự bền vững	Thiếu cơ chế quản lý vận hành O&M có thể dẫn đến các sự cố	Ủy ban quản lý thủy lợi (IMC) sẽ được thành lập. Xây dựng năng lực cho IMC và thành lập quỹ O&M Các thiết kế có tính đến O&M và tìm cách giảm thiểu chi phí/yêu cầu.	Tiền thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Thiết kế không phù hợp	Hệ thống SCADA có thể dẫn đến các chế độ xả nước không chính xác từ các hồ chứa	Xem xét công việc thiết kế kỹ thuật chi tiết	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Chất thải	Chất thải xây dựng – chất thải rắn sẽ tăng lên trong quá trình xây dựng, ví dụ như chất thải từ đóng gói và vận chuyển vật liệu, chất thải từ các lán trại xây dựng, phế liệu và vật liệu thừa.	Hoàn thiện việc thi công ở một khu vực trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo	Trong quá trình xây dựng	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Rủi ro OHS cộng đồng	Vận hành thiết bị bơm – yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có nguy cơ về an toàn/sức khỏe.	Các trạm bơm phải được đảm bảo an toàn, không cho người dân tiếp cận. Người vận hành tư nhân phải được đào tạo về vận hành bơm cao áp. Người vận hành phải được đào tạo về vận hành máy bơm cao áp.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
Biến đổi khí hậu	<p>Nguy cơ hạn hán và lũ lụt:</p> <p>Các sự kiện thiên tai thường xuyên nhất là lũ lụt do mưa lớn, bão, lở đất, nắng nóng, gió giật và hạn hán.</p> <p>Hạn hán ngày càng nghiêm trọng hơn và ảnh hưởng đến diện rộng hơn trước</p>	<p>Áp dụng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu</p>	<p>Giai đoạn tiền thi công</p> <p>Giai đoạn thi công</p> <p>Giai đoạn vận hành</p>	Thấp	Nhà thầu thi công và hộ hưởng lợi	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Rủi ro xã hội tiềm ẩn	<p>Phụ nữ và người dân tộc thiểu số không được tiếp cận thông tin về dự án nên không nắm được tiêu chí để đăng ký tham gia.</p> <p>Tỷ lệ phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia hoạt động tham vấn về thiết kế kết nối dặm cuối chưa đạt yêu cầu về đại diện giới (50% phụ nữ) do phụ nữ không được mời tham vấn vì các địa phương thường chỉ mời nam giới tham gia họp và định kiến rằng nam giới biết rõ hơn phụ nữ.</p> <p>Một bộ phận hộ do phụ nữ làm chủ hộ (trụ cột của hộ) thuộc hộ nghèo, cận nghèo có người phụ thuộc và đủ điều kiện đầu nối dặm cuối (với khoảng cách không quá xa kênh cấp nước) không nằm trong vào danh sách hộ hưởng lợi.</p> <p>Hộ gia đình có phụ nữ làm chủ hộ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ dân</p>	<p>Thông tin về dự án và tiêu chí tham gia dự án cần được phổ biến rộng rãi hơn trên hệ thống loa truyền thanh của xã và thôn.</p> <p>Thông tin về dự án cũng cần được phổ biến trong các cuộc họp cấp thôn, lồng ghép trong các cuộc họp của hội phụ nữ thôn để nhiều phụ nữ và cộng đồng người DTTS có thể tiếp cận thông tin của dự án.</p> <p>Chọn danh sách các hộ hưởng lợi có cả tên vợ và chồng. Sau đó thay đổi cách mời tham dự các cuộc họp tham vấn. Thư mời tư vấn thiết kế có tên đầy đủ của phụ nữ trong hộ</p> <p>Thông báo cho cộng đồng về ưu tiên cao nhất của lợi ích trong kết nối chặng cuối dành cho tất cả các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ/trụ cột của hộ nghèo và cận nghèo và các hộ gia đình dân tộc thiểu số nếu họ đủ điều kiện kết nối.</p>	<p>Sau khi WEIDAP hoàn thành việc thiết kế kênh tưới tiêu trong vùng.</p>	Vừa	<p>PPMU, cán bộ chính sách xã hội thực hiện việc lựa chọn người hưởng lợi với sự hỗ trợ của chính quyền xã và thôn.</p> <p>Nhân viên kỹ thuật chịu trách nhiệm thiết kế kết nối chặng cuối.</p>	Cán bộ chính sách xã hội và giới của PPMU

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	tộc thiểu số có thể thiếu tài chính đóng góp để có thể nhận được hỗ trợ từ kết nối.	Công khai danh sách người hưởng lợi tại nơi công cộng tại UBND xã, (nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn) trong 10 ngày để người dân trong thôn biết về danh sách này. Các nhóm hưởng lợi có thể xây dựng nguyên tắc hỗ trợ lẫn nhau khi hộ gia đình phụ nữ gặp khó khăn hoặc họ có thể nhờ đến sự giúp đỡ của các hiệp hội cộng đồng trong thôn bản của họ.				
Kết quả đầu ra 1: Tăng cường an ninh nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp của hộ sản xuất nhỏ để bị ảnh hưởng trong bối cảnh biến động về lượng mưa và hạn hán do biến đổi khí hậu						
<i>1.3.1. Xây dựng hoặc nâng cấp 1.507 ao có khả năng chống chịu khí hậu (dựa trên thiết kế cụ thể theo địa điểm, xây dựng 849 ao mới và nâng cấp 658 ao hiện có)</i>						
Tác động của chất thải	Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng	Thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi để đảm bảo giảm thiểu phát sinh bụi và hạn chế sự bất tiện cho người dân địa phương, duy trì môi trường làm việc an toàn: Phun nước rửa đường đất do phương tiện vận chuyển, di chuyển đến công trường; Che chắn kho chứa vật liệu (có thể xây kè) Đất cát và các địa điểm tập kết vật liệu ngoài trời phải được che chắn tránh gió.	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Tác động của tiếng ồn và độ rung	Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình thi công	Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>Nam về mức độ phát sinh tiếng ồn và độ rung</p> <p>Tất cả các phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải có “Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo quy định tại Thông tư 55/2014/TT-BGTVT; để tránh tiếng ồn quá mức do bảo dưỡng máy móc không đầy đủ.</p> <p>Giảm thiểu việc vận chuyển hoặc xử lý vật liệu xây dựng trong khu dân cư (ví dụ như trộn bê tông trong khu dân cư)</p> <p>Hạn chế hoạt động thi công vào ban đêm. Khi cần thiết, việc thi công vào ban đêm phải được lên kế hoạch chi tiết và những người xung quanh phải được thông báo đầy đủ để có biện pháp xử lý cần thiết.</p>				
Tác động do phát thải khí ô nhiễm	Phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải tuân thủ các quy định của Việt Nam về giới hạn khí thải.	<p>Phương tiện vận tải và máy móc, thiết bị hoạt động trên công trường phải có đầy đủ giấy chứng nhận đăng ký chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Thông tư 55/2014/TT-BGTVT;</p> <p>Không đốt chất thải xây dựng, chất thải nguy hại trên công trường</p>	Trong quá trình xây dựng	Rất có triển vọng	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Rác thải	Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình đào ao	Tái sử dụng làm vật liệu đắp	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		Dùng làm vật liệu lấp ruộng để nâng lên Nhà thầu cần xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải trong quá trình đào				
Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Nước thải sinh hoạt của công nhân không được kiểm soát sẽ gây ô nhiễm nguồn nước	Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận Tại công trường phải có nhà vệ sinh tạm thời hợp vệ sinh cho công nhân thi công. Nước thải từ nhà vệ sinh cũng như nước thải từ nhà bếp, nhà tắm, bồn rửa... phải được chứa trong bể để đưa ra khỏi công trường; không được phép xả trực tiếp vào bất kỳ nguồn nào. Nước thải phải được xử lý đạt ngưỡng cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của Việt Nam trước khi thải ra môi trường. Khi hoàn thiện các hạng mục công trình, các bể chứa nước, bể phốt sẽ được lấp đầy và niêm phong cẩn thận để trả lại mặt bằng.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Rủi ro OHS đối với cộng đồng	Gia tăng giao thông trong khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án Khu vực xây dựng có nguy cơ cao cần được rào lại để giảm thiểu số lượng người ra vào	Lái xe trong khu vực dự án cần được đào tạo về an toàn và địa hình dự án.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
Sinh thái học	Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên. Mất hoặc xáo trộn một quần thể thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa, Tác động sinh thái do hoạt động của người lao động và công nhân Rào chắn hoặc đập có thể ngăn chặn sự di cư của cá ở thượng nguồn	Cần đảm bảo không làm tổn hại đến các loài quý hiếm trong quá trình thi công Công nhân và người lao động không được phép thu hái các loài bản địa trong quá trình thực hiện/thi công các hoạt động. Cần có những nghiên cứu cụ thể và biện pháp hợp lý để ngăn chặn hiện tượng này xảy ra	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Tác động của ô nhiễm nguồn nước	Chất thải xây dựng không được kiểm soát sẽ làm tắc nghẽn đường ống thoát nước.	Nhà thầu phải đảm bảo chất thải rắn và hóa chất độc hại (nếu có) không bị tràn gây tắc nghẽn và ô nhiễm môi trường xung quanh, đảm bảo hệ thống thoát nước luôn thông thoáng	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Tác động của rác thải sinh hoạt	Rác thải sinh hoạt của công nhân bị vứt bãi ra bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân	Tại nơi làm việc, nhà thầu sẽ bố trí thùng chứa rác nhỏ, thùng rác và phương tiện thu gom rác. Chất thải rắn có thể được tập kết tạm thời trên công trường đến khu vực riêng được Tư vấn giám sát xây dựng và chính quyền địa phương chấp thuận trước khi thu gom và tiêu hủy. Dụng cụ chứa rác phải có nắp đậy, che chắn, tránh mưa nắng và không bị chim, thú xâm nhập. Không đốt, chôn, đổ chất thải rắn tại công trường.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>Trong mọi trường hợp, nhà thầu thi công không được thải bỏ bất kỳ vật liệu nào ở những khu vực nhạy cảm với môi trường như khu vực môi trường sống tự nhiên hoặc trên sông.</p> <p>Nhà thầu phải có phương án thu gom rác thải thi công và rác thải sinh hoạt trong quá trình thi công.</p>				
Gián đoạn các dịch vụ tiện ích	<p>Gián đoạn hoạt động nông nghiệp trong quá trình xây dựng</p> <p>Thu nhập giảm do hoạt canh tác bị gián đoạn trong quá trình xây dựng</p>	<p>Thông báo sớm cho nông dân để tối ưu hóa việc trồng và lập kế hoạch thu hoạch để giảm thiểu sự gián đoạn</p>	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
An toàn giao thông	Ảnh hưởng tới sự an toàn của người tham gia giao thông	<p>Trước khi thi công cần tham khảo ý kiến của chính quyền và cộng đồng địa phương.</p> <p>Lưu lượng xe cộ gia tăng đáng kể phải được dự báo trong quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt trước đó.</p> <p>Việc định tuyến, đặc biệt là đối với các phương tiện nặng cần phải được tính toán để tránh những vị trí nhạy cảm như trường học.</p> <p>Việc lắp đặt hệ thống chiếu sáng vào ban đêm phải được thực hiện nếu cần thiết để đảm bảo lưu thông an toàn.</p> <p>Đặt các biển báo xung quanh khu vực thi công để giúp giao thông và đi lại thuận lợi, có biển chỉ dẫn đến</p>	Trong quá trình thi công	Cao	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>các phần khác nhau của công trình và có biển cảnh báo an toàn.</p> <p>Sử dụng các biện pháp kiểm soát giao thông an toàn bao gồm biển báo đường/đường sông và có người mang cờ cảnh báo các trường hợp nguy hiểm.</p> <p>Tránh vận chuyển nguyên liệu, vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.</p> <p>Đặt các biển báo thích hợp cho các tuyến đường khi cần thiết.</p>				
An toàn và phòng chống cháy nổ	<p>Các phương tiện, máy móc sử dụng có thể gây ra sự cố cháy nổ</p> <p>Kéo điện phục vụ sinh hoạt và thi công cũng là nguyên nhân gây ra sự cố - Theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy</p>	<p>Chuẩn bị phương án ứng phó khẩn cấp để kiểm soát hỏa hoạn.</p> <p>Trang bị đủ bình chữa cháy tại khu vực thi công.</p> <p>Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện có nguy cơ cháy nổ.</p>	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Tác động đến thảm thực vật và tài nguyên sinh thái	Phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng sau khi xây dựng	<p>Các khu vực tập kết nguyên vật liệu, khu vực tạm chiếm trong quá trình thi công các công trình dự án sẽ phải được phục hồi cảnh quan và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng</p> <p>Cần thống nhất với tư vấn giám sát để xác định vị trí các khu vực tạm thời này</p>	Sau quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
An toàn cho người lao động và cộng đồng	<p>Lưu lượng giao thông cao hơn</p> <p>Không có biển cảnh báo về độ sâu của ao cũng như biện pháp an toàn về</p>	Đào tạo người lao động về các quy định an toàn lao động và trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	<p>khả năng xảy ra đuối nước nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>Không tuân thủ các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn lao động,</p>	<p>theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Xây hàng rào bảo vệ, gắn biển báo trên hàng rào xung quanh ao. Cảnh báo đến người dân, đặc biệt là trẻ em về nguy cơ đuối nước, các điểm dừng, cấm biển cảnh báo/khu vực cấm xung quanh khu vực thi công để cảnh báo người dân về những nguy cơ tiềm ẩn.</p> <p>Đặt biển báo quy định về an toàn tại các khu vực thi công.</p> <p>Nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn như dựng hàng rào bảo vệ, chốt cảnh báo nguy hiểm, cung cấp hệ thống chiếu sáng để tránh tai nạn giao thông cũng như các mối nguy hiểm khác cho người dân và khu vực nhạy cảm.</p>				
Quan hệ với cộng đồng địa phương	Mối quan hệ không tốt/thiếu hòa đồng giữa nhà thầu thi công và người dân địa phương sẽ dẫn đến những hiểu lầm không đáng có.	<p>Nhà thầu có trách nhiệm:</p> <p>Thông tin cho chính quyền và người dân địa phương về tiến độ xây dựng và kế hoạch thực hiện....</p> <p>Quy tắc Thực hành Môi trường (bản tiếng Việt) và các tài liệu CSAT môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho cộng đồng địa phương và công nhân tại công trường.</p>	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>Phổ biến thông tin dự án đến các bên bị ảnh hưởng (ví dụ: chính quyền địa phương, doanh nghiệp, hộ gia đình bị ảnh hưởng, v.v.) thông qua các cuộc họp với cộng đồng trước khi bắt đầu thi công dự án.</p> <p>Cung cấp đầu mối liên lạc với cộng đồng để các bên liên quan có thể nhận được thông tin về các hoạt động tại địa điểm, tiến độ dự án và kết quả thực hiện dự án.</p> <p>Các bảng thông báo sẽ được dựng tại tất cả các công trường nhằm cung cấp thông tin về dự án cũng như thông tin liên hệ của ban quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ an toàn và sức khỏe, số điện thoại và các thông tin khác để người dân bị ảnh hưởng có kênh bày tỏ quan tâm và đề xuất của mình.</p>				
Thủ tục cần tiến hành nếu phát hiện tài sản/di sản văn hóa	Trong quá trình khai quật hoặc xây dựng, phát hiện các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, di tích và hiện vật, bao gồm các khu mộ và/hoặc ngôi mộ đơn lẻ.	<p>Trong quá trình đào hoặc xây dựng, nếu nhà thầu thi công phát hiện ra các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, tàn tích và hiện vật, bao gồm cả khu mộ và/hoặc ngôi mộ đơn lẻ, Nhà thầu sẽ:</p> <p>Dừng hoạt động thi công tại các vị trí có phát hiện các vật thể;</p> <p>Khoanh vùng địa điểm hoặc khu vực được phát hiện;</p>	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>Bảo vệ hiện trường để tránh hư hỏng hoặc mất mát các đồ vật có thể di chuyển được. Đối với cổ vật có thể di chuyển được hoặc di tích dễ hư hỏng, phải bố trí người trực đêm cho đến khi chính quyền địa phương hoặc Sở Văn hóa - Thông tin đến tiếp quản;</p> <p>Thông báo cho Tư vấn giám sát thi công để tư vấn thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý trung ương về Di sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24 giờ);</p> <p>Chính quyền địa phương hoặc trung ương sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và bảo tồn địa điểm trước khi đưa ra quyết định về các thủ tục thích hợp tiếp theo. Thủ tục này yêu cầu đánh giá sơ bộ các địa điểm được phát hiện. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện này cần được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau về di sản văn hóa; Các tiêu chí này bao gồm các tiêu chí về giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, giá trị khoa học hoặc nghiên cứu, giá trị kinh tế, xã hội.</p> <p>Các quyết định về cách xử lý những phát hiện này sẽ được đưa ra bởi các cơ quan có thẩm quyền. Quyết định này có thể bao gồm những thay đổi về cách bố trí (ví dụ như khi phát hiện một di tích quan trọng</p>				

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>về mặt văn hóa hoặc kiến trúc), bảo tồn, bảo trì, phục hồi và khôi phục;</p> <p>Nếu các địa điểm, di tích văn hóa có giá trị cao được các chuyên gia khuyến nghị bảo tồn và được cơ quan quản lý di sản văn hóa yêu cầu thì Chủ dự án sẽ phải thay đổi thiết kế để đáp ứng yêu cầu đó và bảo tồn di tích;</p> <p>Các quyết định về việc quản lý địa điểm có phát hiện phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản;</p> <p>Công trình thi công chỉ có thể được tiếp tục sau khi có sự cho phép chính quyền địa phương chịu trách nhiệm bảo vệ công trường.</p>				
Thủ tục rà soát bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	Vật liệu chưa nổ có thể gây nguy hiểm đến tính mạng con người (Ví dụ: Vật liệu nổ còn sót lại trong chiến tranh)	Đối với mặt bằng để thi công các hạng mục công trình cần rà phá bom, mìn, vật nổ và có biên bản rà phá bom mìn, vật nổ tại hiện trường, đảm bảo mặt bằng sạch để thi công.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Phòng chống dịch bệnh COVID-19	Dịch Covid-19 nói riêng và các bệnh khác nói chung có thể gây ra những bất lợi trong quá trình thi công	<p>Nhà thầu có trách nhiệm bố trí các điểm rửa tay tại các vị trí quan trọng, thuận tiện trên toàn bộ công trường, bao gồm cổng ra/vào công trường, nơi có nhà vệ sinh, nơi ăn uống, chỗ ngủ, chỗ đổ rác, tại các cửa hàng, và các cơ sở tại xã.</p> <p>Mỗi công trường xây dựng phải có nguồn cung cấp nước sạch, xà</p>	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		<p>phòng và khăn giấy (để lau khô tay) và thùng rác (để đựng khăn giấy đã qua sử dụng) được đồ thường xuyên và đưa đến cơ sở xử lý rác thải được phê duyệt (không nên chỉ mang đến bãi rác). Ở những nơi không bố trí được điểm rửa tay (ví dụ tại các công trường xây dựng ở vùng sâu vùng xa) thì phải cung cấp cồn để khử trùng tay.</p> <p>Nhà thầu nên có kế hoạch cho các hành động cụ thể trong trường hợp người lao động có nguy cơ nhiễm bệnh COVID-19 tại công trường, bao gồm:</p> <p>Nêu rõ các biện pháp sắp xếp đưa người lao động vào phòng/khu vực để cách ly với những người khác tại cơ sở, hạn chế số người tiếp xúc với người đó và liên hệ với cơ quan y tế địa phương;</p> <p>Xác định những người có nguy cơ cao (ví dụ: do mắc các bệnh lý từ trước như tiểu đường, bệnh tim và phổi hoặc tuổi cao) và các biện pháp hỗ trợ; tránh kỳ thị và phân biệt đối xử tại nơi làm việc.</p>				
Nước ngầm	Tăng lượng dinh dưỡng và ô nhiễm nước ngầm do sử dụng phân bón không được kiểm soát	Áp dụng các kỹ thuật nông nghiệp hiệu quả để sử dụng đúng liều lượng phân bón, tránh tác động dư thừa của phân bón đến nguồn nước mặt và nước ngầm.	Sau thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	Việc tưới tiêu không được quản lý hợp lý có thể dẫn đến việc khai thác quá mức tài nguyên nước	Cải thiện và nâng cao hệ thống quan trắc khí tượng để dự báo và quản lý hiệu quả tài nguyên nước Thực hiện đánh giá thủy văn để xác định lưu lượng và sự biến đổi lưu lượng của nguồn nước Tăng cường các chương trình hiện có để có thêm thông tin về khí hậu và tài nguyên nước				
Sự bền vững	Lượng mưa không đủ cung cấp nước so với sức chứa của ao Kích thước ao không phù hợp với nhu cầu nước Vận hành và Bảo trì (O&M) không được áp dụng hoặc duy trì	Thiết kế chi tiết phù hợp Triển khai O&M, đào tạo, thiết lập cơ chế tài trợ bền vững	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
	Việc tưới tiêu có thể dẫn đến việc khai thác nước quá mức nếu nguồn nước không được quản lý hợp lý.	Cải thiện hệ thống giám sát khí hậu để cho phép dự báo và quản lý tài nguyên nước tốt hơn Thực hiện đánh giá thủy văn để xác định dòng chảy và sự thay đổi nguồn nước trong/ giữa các năm Nâng cấp các chương trình hiện có để nâng cao hiệu quả sử dụng nước/chống chịu khí hậu	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
OHS (An toàn và sức khỏe nghề nghiệp)	Rủi ro OHS của cộng đồng - Gia tăng sự di chuyển của phương tiện xung quanh và trong khu vực	Các địa điểm làm việc có nguy cơ cao phải được rào chắn trong quá trình hoạt động để giảm thiểu sự tiếp cận của người dân	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		Lái xe sẽ được đào tạo để đảm bảo hiểu biết về các yêu cầu của công trường. Lái xe không tuân thủ sẽ được tự động thay thế				
Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng - việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng suy giảm chất lượng nước mặt	Biện pháp kiểm soát trầm tích và xói mòn sẽ được áp dụng (các biện pháp áp dụng được nêu ở Mục 6) Tránh đào đất khi dự báo có mưa lớn.	Trong quá trình thi công	Vừa	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Thiết kế/tính bền vững	Lượng mưa không đủ để lấp đầy ao Kích thước ao không phù hợp với nhu cầu nước	Phân tích và thiết kế kỹ thuật chi tiết	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
OHS	Rủi ro OHS thi công	Đào tạo và áp dụng các thực hành OHS, thực hiện các biện pháp áp dụng được nêu ở Mục 6	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
	Rủi ro về sức khỏe và an toàn, ví dụ: nguy cơ đuối nước (ao lưu trữ nước)	Rào ao trữ nước ở nơi thích hợp				
Sự bền vững	O&M không được chấp nhận hoặc duy trì	Vận hành O&M, đào tạo, thiết lập cơ chế tài trợ bền vững	Trong quá trình thi công	Thấp	Nhà thầu thi công	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường
Khí hậu thay đổi	Nguy cơ hạn hán, lũ lụt: Các sự kiện thiên tai thường xuyên xảy ra, nhất là lũ lụt do mưa lớn, bão, lở đất, nắng nóng, gió giật và hạn hán. Hạn hán ngày càng nghiêm trọng hơn và ảnh hưởng đến diện rộng hơn trước	Áp dụng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu	Giai đoạn tiền thi công Giai đoạn xây dựng Giai đoạn vận hành	Thấp	Nhà thầu thi công và hộ hưởng lợi	PPMU, cán bộ chính sách an toàn môi trường

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
Rủi ro xã hội tiềm ẩn	<p>Hộ nghèo, cận nghèo do phụ nữ làm chủ và số hộ DTTS chưa được tiếp cận thông tin đăng ký tham gia nhóm hưởng lợi từ các gói hỗ trợ ao từ nhà nước và tư nhân.</p> <p>Số hộ nghèo, cận nghèo do phụ nữ làm chủ và số hộ DTTS nhận được hỗ trợ thiết yếu để tiếp cận ao thích ứng với biến đổi khí hậu thấp hơn tỷ lệ đại diện quy định trong GAP (30% phụ nữ nghèo và cận nghèo là trụ cột gia đình và 20% hộ gia đình DTTS nhận được hỗ trợ thiết yếu).</p> <p>Phụ nữ được mời tư vấn về vị trí ao và thiết kế ao không đáp ứng được tỷ lệ tư vấn yêu cầu (50% số người được hỏi là phụ nữ) vì họ thường bị đánh giá là không có hiểu biết bằng nam giới.</p> <p>Mâu thuẫn giữa một số hộ gia đình trong cộng đồng có thể xảy ra trong quá trình xây dựng ao, có thể ảnh hưởng đến các hộ xung quanh/liền kề. Các hộ phụ nữ nghèo, cận nghèo thường yếu thế trong việc thương lượng với các hộ lân cận nếu có mâu thuẫn.</p> <p>Một số xã có thể không tìm đủ số lượng ao để đăng ký làm chỉ tiêu đưa ra vì một số hộ dân lo ngại về tình trạng sử dụng ao chung và số tiền</p>	<p>Công khai thông tin minh bạch về tiêu chí lựa chọn hộ hưởng lợi ao tại các địa điểm công cộng (nhà văn hóa thôn/nhà cộng đồng) để mọi người biết tiêu chí và đăng ký tham gia.</p> <p>Tổ chức bình chọn công khai, ưu tiên cho nữ trụ cột gia đình hộ nghèo, cận nghèo, hộ người dân tộc thiểu số nếu số người đủ điều kiện đăng ký nhiều hơn hạn mức ao mà Dự án cấp.</p> <p>Nhà thầu tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu về giới trong việc tổ chức các hoạt động tham vấn xác định ao. Đối với các hộ hưởng lợi, khuyến khích cả vợ và chồng của các hộ hưởng lợi tham gia tham vấn lựa chọn vị trí ao và thiết kế ao.</p> <p>Nếu có vướng mắc/xung đột khi chuẩn bị thi công ao với các hộ lân cận, người trụ cột/hộ dân tộc thiểu số có thể nhờ người hòa giải trong cộng đồng, như trưởng thôn và cán bộ CSAT của PPMU để hỗ trợ giải quyết</p> <p>Theo chính sách của UNDP, PPMU mỗi tỉnh có thể điều phối, chuyển giao tiêu chí ao chung từ các xã có ít nhóm đăng ký ao chung sang các xã có nhiều nhóm có nhu cầu đăng ký ao chung nhiều hơn. Và các chỉ tiêu về giới vẫn bắt buộc áp dụng ở</p>	<p>Trước và trong quá trình lựa chọn đối tượng hưởng gói hỗ trợ ao và trong quá trình xây dựng ao.</p>	Thấp	PPMU/ Cán bộ xã hội giám sát hoạt động của nhà thầu CPO-01 trên cơ sở tham vấn với người hưởng lợi về việc lựa chọn vị trí ao và thiết kế ao.	Cán bộ chính sách xã hội và giới của PPMU

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	<p>góp vốn đối ứng khi tham gia nhóm ao xã.</p> <p>Điều này có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia hưởng lợi trong nhóm ao chung và các hoạt động liên kết với nhóm ao sau này.</p>	<p>những xã nhận tiêu chí bổ sung ao chung.</p> <p>Trong trường hợp số chỉ tiêu ao chung tại các tỉnh vẫn còn và các xã trong tỉnh không còn đăng ký nhóm ao chung, PPMU cần báo cáo thông tin này lên CPMU và UNDP để có biện pháp khắc phục kịp thời .</p>				
Sức khỏe	<p>Nguy cơ mắc các bệnh do muỗi và côn trùng truyền bệnh. Các nguồn nước hờ, chẳng hạn như ao hồ, có thể cung cấp nơi sinh sản cho côn trùng như muỗi. Bệnh do muỗi và côn trùng truyền bệnh như sốt rét và sốt xuất huyết hiện đang là mối nguy hiểm đối với sức khỏe cộng đồng ở hai huyện này. Mặc dù các ao thích ứng với khí hậu được xây dựng thông qua hỗ trợ của dự án trong Hoạt động 1.3 dự kiến sẽ không làm tăng tổng diện tích mặt nước của mỗi huyện đến mức có thể làm thay đổi đáng kể nguy cơ mắc bệnh do muỗi và côn trùng truyền bệnh nói chung của huyện, nhưng chúng có thể làm tăng nguy cơ cho các hộ gia đình sống gần ao.</p>	<p>Sở Y tế tỉnh (DOH) phối hợp với các cơ quan y tế huyện và xã đang thực hiện các chương trình kiểm soát liên tục các bệnh do muỗi và côn trùng truyền bệnh thường xuyên tại hai huyện này, đặc biệt là trong các giai đoạn có nguy cơ cao trong năm. Các chương trình này bao gồm truyền thông về nguy cơ y tế công cộng, khuyến khích sử dụng màn tẩm thuốc diệt muỗi và các biện pháp phòng ngừa khác; đồng thời nâng cao năng lực phát hiện sớm, ứng phó và điều trị. Dự án sẽ phối hợp với cơ quan y tế cấp tỉnh, huyện và xã để thông tin về việc xây dựng các ao thích ứng, nhằm tích hợp vào các chương trình phòng chống và kiểm soát bệnh do muỗi và côn trùng truyền bệnh đang diễn ra tại các địa điểm dự án.</p> <p>Thông tin về các chiến lược quản lý muỗi và côn trùng truyền bệnh sẽ</p>	<p>Giai đoạn tiền thi công</p> <p>Giai đoạn thi công</p> <p>Giai đoạn vận hành</p>	Vừa	Nhà thầu PPMU	Cán bộ PPMU

Khía cạnh Môi trường/xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất xảy ra rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
		được đưa vào khóa đào tạo trước khi xây dựng cho những người hưởng lợi ao và vào các khóa đào tạo FFS dành cho nông dân như một phần của khóa đào tạo về quản lý dịch hại tổng hợp (IPM).				

5.2. NGƯỜI BẢN ĐỊA/DÂN TỘC THIỂU SỐ

5.2.1. Áp dụng SES của UNDP đối với người dân tộc thiểu số trên địa bàn dự án

Như được nêu trong Phần 1.3.5 của ESMF, mục đích của ESMP này và trong tất cả các tài liệu CSAT liên quan của dự án, thuật ngữ “dân tộc thiểu số” (DTTS) được sử dụng thay thế thuật ngữ “dân tộc bản địa” đối chiếu đến các hạng mục liên quan đến dự án và bối cảnh Việt Nam.

5.2.2. Kết quả tham vấn tại địa điểm dự án với người dân và cộng đồng người DTTS

Khảo sát đánh giá tại 8 xã thí điểm và hội thảo về các chính sách an toàn xã hội đã được tiến hành vào tháng 7 năm 2022 và tại 4 xã bổ sung thuộc hai huyện mới là Khánh Sơn (15-16 tháng 2 năm 2023) và Khánh Vĩnh (17-18 tháng 8 năm 2022). Các cuộc tham vấn này đã xác nhận thông tin phân bố của người DTTS tại các địa điểm dự án và người DTTS cũng là những người được hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp cùng với những người được hưởng lợi khác của dự án. Nhiều lợi ích tích cực cho người dân tộc thiểu số đã được xác định thông qua các hoạt động của dự án phù hợp với thiết kế và mục tiêu của dự án, bao gồm tăng khả năng tiếp cận nguồn nước tưới, lợi ích từ việc áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tưới tiết kiệm nước tiên tiến, cũng như khả năng liên kết và tiếp cận thị trường tốt hơn, và nâng cao năng lực sinh kế.

Một số tác động tiêu cực tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động dự án được đề cập trong ESMP này cũng đã được người DTTS xác định trong quá trình tham vấn. Những vấn đề này chỉ mang tính tác động nhất thời trong quá trình xây dựng như liên quan đến bụi, tiếng ồn, phát sinh chất thải và khả năng gián đoạn tạm thời đối với các hoạt động canh tác.

Kết quả của các cuộc tham vấn sơ bộ này đã xác nhận sự cần thiết phải xây dựng Kế hoạch Người Dân tộc thiểu số (IPP) cho dự án, dựa trên sự cư trú đáng kể của người DTTS tại các địa điểm dự án, bao gồm cả những người được hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp, cũng như các tác động tích cực và tiêu cực dự kiến của dự án đối với người DTTS.

Tiếp theo 12 hội thảo tham vấn ban đầu tại các xã được lựa chọn, các PPMU tiếp tục tiến hành các hội thảo tham vấn ở tất cả các xã dự án, áp dụng phương pháp tiếp cận tương tự. Kết quả của các hội thảo tham vấn được đưa vào bằng chứng về quy trình FPIC C, được lưu trữ và thể hiện trong IPP. Cả tài liệu IPP và bộ tài liệu bằng chứng về FPIC được cung cấp cho GCF theo quy định tại điểm 10.02(j) của Thỏa thuận tài trợ (FAA).

5.2.3. Cơ chế kiểm soát để đảm bảo nhà thầu tuân thủ IPP

PPMU có trách nhiệm đảm bảo rằng các yêu cầu của IPP được đưa vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng xây dựng cho tất cả các công trình xây dựng theo Hoạt động 1.2.1 và Hoạt động 1.3.1, đảm bảo rằng không có nhà thầu nào bắt đầu bất kỳ hoạt động xây dựng trước khi IPP phê duyệt, đồng thời tiến hành giám sát việc tuân thủ IPP trong quá trình triển khai các hoạt động xây dựng.

6. CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phần này xác định chiến lược môi trường và xã hội được xác định cho dự án và vạch ra các mục tiêu quản lý tương ứng, các tác động tiềm ẩn, các hoạt động kiểm soát và tiêu chí môi trường để làm cơ sở đánh giá (kiểm toán kỹ thuật).

6.1. KHÍ HẬU

Vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ đều nằm trong đới khí hậu xanh nhiệt đới nhưng có một số tiểu vùng khí hậu cục bộ do địa hình đa dạng: vùng cao hoặc miền núi nhìn chung ẩm ướt hơn, vùng đồng bằng và ven biển khô hơn, và cao nguyên các vùng Tây Nguyên nằm ở giữa.

Lượng mưa hàng năm ở Tây Nguyên dao động từ 1400mm đến 2000mm. Lượng mưa hàng tháng cao nhất từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80% lượng hàng năm. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa vượt quá 200mm và đạt cực đại vào tháng 8 và tháng 9.

Lượng mưa hàng năm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ dao động từ 700 đến 800mm ở vùng đồng bằng đến 1.300mm ở vùng cao, trong đó 90% lượng mưa được cung cấp vào mùa mưa. Phần cực bắc của vùng là một trong những vùng ẩm ướt nhất ở Việt Nam, trong khi phần phía nam – với Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận – là vùng khô hạn nhất. Lượng mưa tháng ở 3 tỉnh cao nhất từ tháng 5 đến tháng 11. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa khoảng 200-350mm và đạt cực đại vào tháng 9-10. Một số khu vực khô hạn nhất có từ 6 đến 9 tháng khô mỗi năm với lượng mưa hàng năm dưới 500 mm.

Việt Nam có đặc điểm là có khí hậu cận nhiệt đới ẩm với bốn mùa rõ rệt – xuân, hạ, thu, đông ở phía bắc và khí hậu nhiệt đới hoang mạc chỉ có hai mùa khô và ẩm ở phía nam. Khí hậu chịu ảnh hưởng mạnh của hai đợt gió mùa là gió mùa Đông Bắc (tháng 12-tháng 3) và gió mùa mùa hè Tây Nam (tháng 6-9), mang theo gió mạnh, lượng mưa tăng cường và xuất hiện mưa lớn.

Tác động của biến đổi khí hậu do dự án mang lại rất ít xảy ra. Tuy nhiên, để đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu đòi hỏi các nhà thầu phải áp dụng các biện pháp không phát thải khí nhà kính.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

6.2. HỆ SINH THÁI

6.2.1. Thông tin cơ sở

Từ kết quả tham vấn kết hợp đánh giá dữ liệu hiện có, các hoạt động của dự án sẽ không diễn ra ở bất kỳ khu bảo tồn nào, ví dụ như vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Các công trình xây dựng sẽ được thực hiện chủ yếu trên đất nông nghiệp. Mức độ xáo trộn không đáng kể.

Bảng 14: Danh sách các khu bảo tồn lân cận tại 5 khu vực dự án đối với các xã mục tiêu

Địa điểm	Các khu vực được bảo vệ lân cận
Tỉnh Khánh Hòa	
Huyện Khánh Vĩnh	
Thị trấn Khánh Vĩnh	Không
Khánh Bình	Không
Khánh Đông	Không
Khánh Hiệp	Không
Khánh Nam	Không
Khánh Phú	Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà
Khánh Thành	Không
Khánh Trung	Không
Sông Cầu	Không
Huyện Khánh Sơn	
Tô Hạp	Không
Ba Cùm Bắc	Không
Ba Cùm Nam	Không
Sơn Bình	Không
Sơn Hiệp	Không
Sơn Lâm	Không
Sơn Trung	Không
Thành Sơn	Không
Tỉnh Ninh Thuận	
Huyện Ninh Hải	
Phương Hải	Không
Xuân Hải	Không
Tri Hải	Không
Nhơn Hải	Vườn quốc gia Núi Chúa
Huyện Ninh Sơn	
Mỹ Sơn	Không
Nhơn Sơn	Không
Huyện Thuận Bắc	
Phước Chiến	Không
Phước Kháng	Không

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Địa điểm	Các khu vực được bảo vệ lân cận
Lợi Hải	Không
Bắc Sơn	Không
Bắc Phong	Không
Huyện Bắc Ái	
Phước Tân	Không
Phước Thắng	Không
Phước Thành	Không
Phước Trung	Không
Tỉnh Bình Thuận	
Huyện Hàm Thuận Nam	
Thị trấn Thuận Nam	Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Cú
Mỹ Thạnh	khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông
Hàm Cần	Không
Tân Lập	Không
Tân Thạnh	Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Cú
Tân Thuận	Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Cú
Huyện Đức Linh	
Tân Hà	Không
Đông Hà	Không
Trà Tân	Không
Tỉnh Đắk Lắk	
Huyện Ea Hleo	
Ea DRăng	Không
Ea Sol	Không
Dlie Yang	Không
Huyện Cư M'Gar	
Quảng Tiến	Không
Huyện Ea Kar	
Ea So	Khu bảo tồn thiên nhiên Ea So
Ea Sar	Không
Xuân Phú	Không
Huyện Krông Pắc	
Krông Buk	Không
Ea Phê	Không
Ea Yong	Không
Ea Kênh	Không
Tỉnh Đắk Nông	
Huyện Cư Jút	
Ea T'Ling	Không
Nam Đông	Không
Đăk Drông	Không

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Địa điểm	Các khu vực được bảo vệ lân cận
Tâm Thắng	Không
Cư Knia	Không
Trúc Sơn	Không
Huyện Đắk Mil	
Đắk Lao	Không
Đắc Mạnh	Không
Long Sơn	Không
Đắk Sak	Không
Thuận An	Không
Đức Minh	Không
Huyện Krông Nô	
Đắk Sor	Không
Nam Xuân	Không
Đắk Dro	Không
Nam Nung	Không

Dự án đã thông báo cho các PPMU và các đối tác liên quan rằng các công trình xây dựng của dự án sẽ không được phép nằm trong khu bảo tồn. Điều này sẽ được xác nhận trong quá trình xác định vị trí ao, lựa chọn người hưởng lợi và tham vấn cộng đồng với người dân và chính quyền địa phương.

Nhóm 465 ao đầu tiên được xác định đã được chính quyền địa phương và PPMU xác nhận rằng vị trí những ao này không nằm trong khu vực được bảo vệ.

Các loài bị đe dọa ở Việt Nam

Các loài sau đây xuất hiện trong Sách đỏ của IUCN về các loài bị đe dọa⁷:

- Chim sẻ xanh Việt Nam (*Chloris monguilloti*) – Ít quan tâm - *Carduelis monguilloti* là loài đặc hữu của cao nguyên Đà Lạt, Việt Nam, là loài phổ biến tại địa phương.
- Ếch com Việt Nam (*Microhyla annamensis*) – Bị đe dọa - Loài này phân bố ở độ cao từ 1.000 - 2.000 m trên Cao nguyên Langbian ở phía nam Tây Nguyên Việt Nam (Smith 1923, Poyarkov et al. 2014).
- Ếch hút Việt Nam (*Odorrana chapaensis*) – Bị đe dọa - Loài này được biết đến ở các huyện Hà Khẩu và Lục Xuân ở phía nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (nơi Zhao và Adler (1993) gọi là *Amolops macrorhynchus*), từ Sa Pa ở cực miền bắc Việt Nam (Bourret 1942), và từ vùng cực bắc dãy Trường Sơn (S. Swan pers. comm.) của Việt Nam.
- Thằn lằn Việt Nam (*Psuedocalotes brevipes*) – Ít quan tâm - Loài thằn lằn này được biết đến ở vùng Đông Bắc Việt Nam và Quảng Tây, Trung Quốc.
- Ếch bay Việt Nam (*Rhacophorus calcaneus*) – Sắp bị đe dọa - Loài này được biết đến ở cao nguyên Kon Tum ở miền nam và miền trung Việt Nam, vùng đá vôi của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân miền Trung Lào, và vùng núi Trường Sơn và Tam Đảo (dựa trên

⁷ Sách đỏ của IUCN về các loài bị đe dọa.. Phiên bản 2017-3. <http://www.iucnredlist.org> truy cập ngày 15/5/2018

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

mẫu ếch non được ghi nhận), miền bắc Việt Nam (Inger et al. 1999, Stuart 1999). Chúng chỉ sinh sống trong các rừng mưa thường xanh chưa bị tàn phá và thường được bắt gặp trên thảm thực vật ven suối.

- Cheo cheo Việt Nam (*Tragulus versicolor*) – Thiếu dữ liệu - Không có thông tin về phạm vi hoặc tình trạng quần thể hiện tại của *T. versicolor* do thiếu công tác khảo sát thích hợp về loài này tại các khu vực thích hợp của Việt Nam.

Những môi trường sống của các loài có nguy cơ tuyệt chủng này không nằm gần khu vực mục tiêu của dự án.

6.2.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho việc thi công dự án:

- Không phát quang thảm thực vật ngoài ranh giới phát quang được chỉ định;
- Không gây hại đối với động vật bản địa do hoạt động phát quang;
- Không có tác động xấu đến môi trường nước và môi trường trên cạn;
- Không làm xuất hiện các loài cỏ dại mới do hoạt động thi công; Và
- Không làm gia tăng sự phát triển của cỏ dại hiện có trong hoặc ngoài phạm vi dự án do các hoạt động thi công.

Các thủ tục giám sát và báo cáo sẽ đảm bảo phát hiện sớm các trường hợp cần đến các biện pháp giảm thiểu cụ thể và sẽ cung cấp thông tin về tiến độ cũng như kết quả giảm thiểu.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 15: Các biện pháp quản lý động thực vật

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Hoạt động thi công	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo ⁸	
FF1. Mất môi trường sống và xáo trộn hệ động vật	FF1.1 Hạn chế phát quang thảm thực vật và giảm thiểu xáo trộn môi trường sống thông qua việc bảo vệ và quản lý đầy đủ thảm thực vật được giữ lại.	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép	
	FF1.2: Giảm thiểu mức độ tiếng ồn và tia lửa điện trong quá trình thi công và vận hành ở khu vực gần bất kỳ địa điểm nhạy cảm nào.	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ	
	FF1.3: Đảm bảo tất cả nhân viên tại công trường nhận thức được về các khu vực động/thực vật nhạy cảm và các yêu cầu bảo vệ các khu vực này.	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF1.4 Giảm thiểu sự xáo trộn đối với động vật tại chỗ và phục hồi và cứu hộ bất kỳ động vật bị thương hoặc mồ côi nào trong quá trình thi công và vận hành.	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ, báo cáo
	FF1.5. Trong trường hợp có sự xuất hiện của các loài bị đe dọa, cần lập kế hoạch quản lý các loài bị đe dọa (đây có thể là một phần trong nội dung Kế hoạch Hiện trường)	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ, báo cáo
FF2. Các loài thực vật và cỏ dại du nhập	FF2.1: Thực hiện biện pháp môi trường để giảm sự lây lan của cỏ dại do xói mòn và trầm tích xâm nhập vào bất kỳ tuyến đường thủy nào và lan rộng.	Trước và trong quá trình thi công	1.3.1 hoạt động	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép	
	FF2.2: Trồng lại thảm thực vật ở các khu vực bị xáo trộn bằng cách sử dụng các loài bản địa và đặc hữu địa phương có giá trị môi trường sống cao.	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Theo yêu cầu và cập nhật hồ sơ
	FF2.3: Giảm thiểu sự xáo trộn đối với thảm thực vật trưởng thành còn sót lại, đặc biệt là các cây có tán.	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	FF2.4: Hạt giống không được lẫn cỏ dại	Vận hành	Vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF2.5: Kiểm soát cỏ dại trong khu vực thi công			Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1		
	FF2.6: Cần kiểm soát cỏ dại và cỏ dại độc hại trong khu vực dự án	đường ống/ao	đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ

⁸Lưu ý: Sở NN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào gây tổn hại vật chất hoặc nghiêm trọng đến môi trường hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

6.3. NƯỚC NGẦM

6.3.1. Thông tin cơ sở

Nguồn tài nguyên nước ngầm ở Việt Nam rất dồi dào – với tổng trữ lượng tiềm năng có thể khai thác của các tầng chứa nước trong nước ước tính gần 60 tỷ m³ mỗi năm. Nguồn tài nguyên sẵn có rất đa dạng, từ nguồn tài nguyên dồi dào ở Đồng bằng sông Cửu Long đến nguồn tài nguyên có phần hạn chế ở khu vực Bắc Trung Bộ. Ở Tây Nguyên nước ngầm được khai thác rất nhiều để tưới tiêu cho cây trồng dẫn đến tình trạng thiếu nước ở nhiều nơi trong vùng này⁹.

Dự án sẽ sử dụng nước mặt, thu hoạch và lưu trữ trong các đập và hồ chứa, sau đó được phân phối qua đường ống của dự án. Nước ngầm sẽ không được sử dụng cho hoạt động của dự án; dự án thậm chí được thiết kế nhằm mục đích giảm bớt sự phụ thuộc của nông dân vào nguồn nước ngầm.

Tác động tiềm tàng tới nước ngầm là do ô nhiễm do các hoạt động xây dựng, ví dụ như tràn dầu hoặc lắng cặn, hoặc ô nhiễm trong quá trình vận hành, ví dụ như tràn nhiên liệu/dầu hoặc bón phân quá mức.

6.3.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho dự án:

- Chất lượng và số lượng nước ngầm không bị suy giảm đáng kể do kết quả của các hoạt động thi công và vận hành gần các dự án;
- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích (EDSCP) tại từng địa điểm cụ thể và các biện pháp khác để bảo vệ nước ngầm.

Bằng cách tuân theo các biện pháp quản lý được nêu trong ESMP, dự án sẽ không có tác động đáng kể đến chất lượng nước trên phạm vi rộng hơn.

⁹<http://www.wepa-db.net/policies/state/vietnam/groundwater.htm>

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 16: Các biện pháp quản lý nước ngầm

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo ¹⁰
GW 1: Gia tăng tổng lượng chất ô nhiễm, hydrocarbon, kim loại và các chất ô nhiễm hóa học khác vào môi trường nước ngầm và/hoặc nước mặt.	GW1.1: Tiến hành giám sát chất lượng nước ngầm và nước mặt thường xuyên ở vị trí nơi nước ngầm có khả năng bị ảnh hưởng, bao gồm đánh giá những thay đổi đối với chất lượng nước ngầm.	Giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và theo yêu cầu khi báo cáo cho Sở NN&PTNT và UNDP
	GW1.2: Ngăn chặn nước mặt bị ô nhiễm xâm nhập vào các tầng chứa nước thông qua các lỗ khoan và giếng - bảo vệ khỏi dòng chảy và lũ lụt, đồng thời giữ khu vực xung quanh luôn sạch sẽ.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng tuần
	GW1.3: Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền chống thấm, được nén chặt và viền quanh để ngăn chặn bất kỳ sự cố tràn nào. Việc tiếp nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng tuần có báo cáo cho Sở NN&PTNT và UNDP
	GW1.4: Kiểm tra tất cả các phương tiện, thiết bị và khu vực chứa vật liệu hàng ngày để phát hiện khả năng rò rỉ nhiên liệu, dầu và hóa chất. Thực hiện tiếp nhiên liệu tại những nơi được chỉ định cách xa hệ thống nước.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	GW 1.5: Giảm thiểu việc sử dụng thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và các hóa chất khác và chỉ sử dụng thuốc diệt cỏ có khả năng phân hủy sinh học có tác động tối thiểu đến chất lượng nước và hệ động vật. Chỉ sử dụng theo hướng dẫn	Tất cả các giai đoạn	đào tạo	Tất cả nhân sự	Báo cáo hàng tuần cho Sở NN & PTNT và UNDP

¹⁰Lưu ý: Sở NN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào gây tổn hại vật chất hoặc nghiêm trọng đến môi trường hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

6.4. NƯỚC MẶT

6.4.1. Thông tin cơ sở

Dự án liên quan đến việc thu và lưu trữ nước trong các hồ chứa, sau đó được chuyển qua kênh và đường ống đến các bể và ao nhỏ hơn để phân phối cho các khu ruộng. Nghiên cứu khả thi đã bao gồm các bản đồ về mạng lưới nước mặt, cả tự nhiên và nhân tạo.

Như đã thảo luận ở Phần 5.1, lượng mưa hàng năm ở Tây Nguyên dao động từ 1400mm đến 2000mm. Lượng mưa tháng cao nhất từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa vượt quá 200mm và đạt cực đại vào tháng 8, tháng 9.

Lượng mưa hàng năm ở duyên hải Nam Trung Bộ dao động từ 700 - 800mm ở vùng đồng bằng và đến 1.300mm ở vùng cao, trong đó 90% lượng mưa tập trung vào mùa mưa. Phần cực bắc của vùng là một trong những vùng ẩm ướt nhất ở Việt Nam, trong khi phần phía nam – với Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận – là vùng khô hạn nhất. Lượng mưa tháng ở 3 tỉnh cao nhất từ tháng 5 đến tháng 11. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa khoảng 200-350mm và đạt cực đại vào tháng 9-10. Một số khu vực khô hạn nhất có từ 6 đến 9 tháng khô mỗi năm với lượng mưa hàng năm dưới 500 mm.

Chế độ mưa khác nhau tùy theo khu vực. Các bản đồ và biểu đồ về lượng mưa có trong Nghiên cứu khả thi. Mức độ nghiêm trọng của lượng mưa có thể ảnh hưởng đến nguy cơ lũ lụt và xói mòn, do đó phải được xem xét trong mọi kế hoạch xây dựng và vận hành.

Việc có được nguồn nước có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng là rất quan trọng. Chất lượng nước có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng, sức khỏe vật nuôi, chất lượng đất, thiết bị nông nghiệp và sinh hoạt của người dân. Chất lượng của nguồn nước cũng thay đổi tùy theo thời tiết và các yếu tố đầu vào bên ngoài.

Sự bốc hơi làm tăng nồng độ muối trong khi xả nước làm loãng muối nhưng có thể dẫn đến tăng trầm tích và chảy tràn phân bón, phân và chất dinh dưỡng.

6.4.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho dự án:

- Chất lượng nước không bị suy giảm đáng kể do hoạt động thi công và vận hành;
- Chất lượng nước phải tuân theo các tiêu chuẩn của UNDP, Sở NN&PTNT và/hoặc các cơ quan chính phủ khác quy định, hoặc trong trường hợp không có các điều kiện đó thì phải tuân theo phương pháp luận “không làm xấu đi so với điều kiện cơ sở”; Và
- Triển khai hiệu quả các biện pháp EDSCP theo địa điểm cụ thể.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 17: Các biện pháp quản lý chất lượng nước

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Trách nhiệm	Áp dụng cho	Giám sát và báo cáo ¹¹
W1: Tăng chất rắn lơ lửng và các chất gây ô nhiễm khác trong hệ thống nước mặt.	W1.1: Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm soát xói mòn, thoát nước và bồi lắng (EDSCP) cụ thể tại công trường để giải quyết vấn đề kiểm soát thoát nước, kiểm soát bồi lắng và xói mòn cũng như dự trữ vật liệu bao gồm cả đất trong quá trình xây dựng tất cả các hợp phần của dự án. Các biện pháp EDSCP cần được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tất cả các thiết bị đều hoạt động hiệu quả.	Trước công tác đất	SEO	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Thiết lập ban đầu và sau đó theo yêu cầu báo cáo cho Sở NN & PTNT và UNDP
	W1.2: Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền chống thấm, được nén chặt và viền quanh để ngăn chặn bất kỳ sự cố tràn nào. Việc tiếp nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	Tất cả nhân sự	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Báo cáo hàng tuần cho Sở NN & PTNT và UNDP
	W1.3: Tiến hành giám sát chất lượng nước ngầm và nước mặt thường xuyên ở vị trí nơi nước ngầm có khả năng bị ảnh hưởng, bao gồm cả việc đánh giá những thay đổi về chất lượng nước ngầm.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	SEO	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Báo cáo hàng tuần và theo yêu cầu cho Sở NN & PTNT và UNDP
	W1.4: Lập kế hoạch thực hiện công việc theo từng giai đoạn để đảm bảo rằng các khu vực bị ảnh hưởng được phủ xanh và ổn định dần dần và sớm nhất có thể sau khi hoàn thành công trình.	Tránh thực hiện công việc đào đất số lượng lớn trong mùa mưa	SEO và Sở NN&PTNT	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	W1.5: Vật liệu xây dựng sẽ không được dự trữ gần môi trường nước do có nguy cơ thải ra môi trường. Thiết bị xây dựng sẽ được di dời khỏi khu vực gần môi trường nước vào cuối mỗi ngày làm việc hoặc nếu dự đoán có lượng mưa lớn	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	SEO	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

¹¹Lưu ý: Sở NN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào gây tổn hại vật chất hoặc nghiêm trọng đến môi trường hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

6.5. CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

6.5.1. Thông tin cơ sở

Các khu vực dự án chủ yếu ở nông thôn. Chất lượng không khí hiện tại phản ánh những môi trường đó, với bụi là nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm không khí, nhưng khói và khí thải động cơ cũng có thể gây ra ảnh hưởng tới chất lượng không khí.

Tất cả các hoạt động thi công đều có khả năng gây ảnh hưởng đến chất lượng không khí. Người lao động tham gia vào các hoạt động thi công và vận hành cần nắm rõ các phương pháp giảm thiểu tác động của chất lượng không khí có hại và các quy trình thi công thay thế theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc thông lệ quốc tế.

6.5.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

- Việc thải bụi /vật chất hạt không được gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường;
- Luôn thực hiện các biện pháp để hỗ trợ giảm thiểu tác động đến chất lượng không khí liên quan đến các hoạt động thi công và vận hành; Và
- Hành động khắc phục để giải quyết các khiếu nại và/hoặc phản hồi phải được thực hiện trong vòng 48 giờ.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 18: Các biện pháp quản lý chất lượng không khí

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
A.1 Tăng mức bụi tại các điểm nhạy cảm	A1.1: Thực hiện các biện pháp quản lý bụi hiệu quả ở mọi khu vực trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành.	Trước và trong khi xây dựng	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.2: Hạn chế tốc độ trên đường và đường mòn.	Trong quá trình xây dựng	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.3: Quản lý các hoạt động phát sinh bụi/hạt để đảm bảo khí thải không gây phiền toái cho môi trường tại bất kỳ địa điểm nhạy cảm nào	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.4: Hoạt động xây dựng cần giảm thiểu rủi ro liên quan đến các hiện tượng khí hậu (kiểm tra dự báo).	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.5: Thực hiện lập kế hoạch/phân giai đoạn các công việc được đề xuất để đảm bảo giảm thiểu sự xáo trộn thảm thực vật và công tác đào đắp.	Toàn bộ công trình	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.6: Xác định vị trí các khu vực dự trữ vật liệu càng xa các điểm nhạy cảm càng tốt. Che chắn nếu cần.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.7: Cung cấp đủ nước có chất lượng phù hợp cho các hoạt động ngăn chặn bụi tuân thủ các quy định hạn chế về nước.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A1.8: Lập kế hoạch cho các hoạt động phục hồi để đảm bảo sự tồn tại tối ưu của các loài thực vật.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ
	A1.9: Thùng đựng rác phải được đậy kín và đặt càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ
A2. Tăng lượng khí thải xe cộ/máy móc	A2.1 Đảm bảo tắt phương tiện/máy móc khi không sử dụng.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A2.2 Đảm bảo chỉ những phương tiện cần thiết để thực hiện công việc được vận hành tại chỗ.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	A2.3 Đảm bảo tất cả các phương tiện thi công, nhà máy và máy móc được bảo trì và vận hành phù hợp với các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật thiết kế.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A2.4 Thi công và thực hiện chương trình giới thiệu cho tất cả nhân viên tại công trường, trong đó tối thiểu bao gồm bản phác thảo các yêu cầu tối thiểu về quản lý môi trường liên quan đến địa điểm.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A2.5 Xác định vị trí khu vực lưu trữ phương tiện/nhà máy/thiết bị thi công càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ
	A2.6 Khí thải trực tiếp của nhà máy di động cách xa mặt đất.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ

6.6. TIẾNG ÒN VÀ ĐỘ RUNG

6.6.1. Thông tin cơ sở

Tất cả các hoạt động thi công và vận hành đều có khả năng lớn gây phiền toái về tiếng ồn. Cư dân gần đó và sinh cảnh nhạy cảm có thể bị ảnh hưởng bởi độ rung được gây ra thông qua việc sử dụng thiết bị rung. Dự án không sử dụng biện pháp nổ mìn.

Việc sử dụng máy móc hoặc đưa vào sử dụng các phương tiện tạo tiếng ồn có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và người dân nếu không được quản lý phù hợp.

Các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng phải nắm rõ các phương pháp kiểm soát tiếng ồn của máy móc và các quy trình thi công thay thế được quy định trong luật pháp cụ thể của Việt Nam hoặc trong trường hợp chưa có quy định hiện hành, có thể áp dụng thông lệ quốc tế.

Các nguồn tiếng ồn tiềm ẩn trong quá trình thi công và vận hành có thể bao gồm:

- Máy móc thi công hạng nặng;
- Dụng cụ điện và máy nén;
- Xe vận chuyển;
- Máy bơm;
- Máy móc nông nghiệp.

6.6.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

- Tiếng ồn từ hoạt động thi công và vận hành không được gây ảnh hưởng tới môi trường tại các địa điểm nơi nhạy cảm;
- Luôn thực hiện các biện pháp hỗ trợ giảm thiểu tiếng ồn liên quan đến hoạt động thi công;
- Không gây thiệt hại tài sản bên ngoài công trường do độ rung từ hoạt động xây dựng và vận hành; Và
- Hành động khắc phục để giải quyết các khiếu nại và/hoặc phản hồi phải được thực hiện trong vòng 48 giờ.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 19: Các biện pháp quản lý tiếng ồn và độ rung

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
N1: Tăng mức độ tiếng ồn	N1.1: Lựa chọn nhà máy móc, thiết bị và phương pháp thiết kế cụ thể để đảm bảo giảm thiểu phát thải tiếng ồn trong quá trình thi công và vận hành bao gồm tất cả các thiết bị bơm.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.2: Các thiết bị giảm tiếng ồn cụ thể như bộ giảm thanh và bộ giảm âm phải được lắp đặt phù hợp với nhà máy và thiết bị tại công trường.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.3 Giảm thiểu nhu cầu và hạn chế phát thải nếu có thể nếu các công trình xây dựng gây tiếng ồn được thực hiện ngoài giờ: 7 giờ sáng - 6 giờ chiều	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.4: Tham vấn người dân gần đó trước khi thực hiện các hoạt động xây dựng, đặc biệt nếu các hoạt động xây dựng gây tiếng ồn được thực hiện ngoài giờ 'ban ngày': 7 giờ sáng - 6 giờ chiều.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.5 Các chiến lược kiểm soát thay thế phải được thực hiện, theo đó các hạng mục thiết bị tạo ra tiếng ồn quá mức tại chỗ sẽ được thay thế bằng các giải pháp khác.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.6 Lắp các rào cản tiếng ồn xây dựng tạm thời dưới dạng vật liệu thi công kiên cố ở những nơi có thể có tác động đến một số cư dân cụ thể.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.7 Tất cả các sự cố, khiếu nại và không tuân thủ liên quan đến tiếng ồn phải được báo cáo theo quy trình báo cáo sự cố tại hiện trường và được tóm tắt trong nhật ký công trường.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo

N1: Độ ồn tăng	N1.8 Nhà thầu cần tiến hành đào tạo nhân viên và người vận hành để nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải giảm thiểu tiếng ồn quá mức trong quá trình thi công thông qua việc thực hiện các biện pháp.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
N2. Rung động do thi công	N2.1: Xác định các đặc tính, cơ cấu và vị trí môi trường sống sẽ nhạy cảm với tác động rung động do việc xây dựng và vận hành dự án.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.2: Thiết kế có tính đến các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung tạm thời và lâu dài do tác động của độ rung khi thi công và vận hành.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.3: Tất cả các sự cố, khiếu nại và không tuân thủ liên quan đến độ rung phải được báo cáo theo quy trình báo cáo sự cố tại hiện trường và được tóm tắt trong nhật ký công trường.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.4: Trong quá trình thi công, phải thực hiện biện pháp tiêu chuẩn để xác định vị trí và bảo vệ các dịch vụ ngầm khỏi các tác động của độ rung trong xây dựng và vận hành.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.7. KIỂM SOÁT XÓI MÒN, THOÁT NƯỚC VÀ TRẦM TÍCH

6.7.1. Thông tin cơ sở

Các địa điểm có địa hình và loại đất khác nhau. Dự án tập trung vào canh tác thích ứng với khí hậu, bao gồm sử dụng tốt hơn tài nguyên nước và đất, do đó việc quản lý thoát nước và xói mòn là rất quan trọng. Các biện pháp can thiệp cần xem xét cả tác động ngắn hạn và dài hạn, cũng như các hiện tượng tự nhiên như lũ lụt nằm ngoài tầm kiểm soát của dự án.

Rủi ro xói mòn tồn tại cả trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành.

6.7.2. Địa hình

Về địa hình, Tây Nguyên hình thành phần phía đông của một loạt các cao nguyên tiếp giáp với độ cao 500m đến 1.500m so với mực nước biển. Khu vực cao nguyên được bao quanh bởi dãy núi Nam Trường Sơn.

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có địa hình phức tạp với những vùng đất thấp, đồi núi quanh co, rừng rậm, cồn cát và đất đá pha cát. Những ngọn núi cao nhất ở phía Nam giáp Tây Nguyên có thể đạt tới 1000m.

Các khu vực mục tiêu của dự án thường nằm trên các tầng thung lũng bằng phẳng hơn, với một số hoạt động canh tác tưới bằng nước trời diễn ra dọc theo các lè dốc. Các khu vực dốc hoặc nhiều đá không nằm trong phạm vi của dự án.

6.7.3. Đất

Xói mòn đất phụ thuộc vào một số thông số như loại đất, độ dốc, thảm thực vật, tính chất địa hình và cường độ mưa. Sự mất ổn định của đất và xói mòn đất có thể xảy ra do việc loại bỏ thảm thực vật và nhiều hoạt động xây dựng, có thể làm mất độ phì của đất và gây mất ổn định mái dốc. Việc chuẩn bị đất cho dự án có thể dẫn đến tắc nghẽn hoặc thay đổi đường dẫn dòng chảy tự nhiên gây ra những thay đổi trong mô hình thoát nước trong khu vực. Các biện pháp giảm thiểu hiệu quả và tiết kiệm chi phí không chỉ có thể giảm thiểu tác động mà còn có thể cải thiện các điều kiện so với tình trạng hiện có.

Lượng mưa có thể có tác động đáng kể đến khả năng quản lý các tác động môi trường, đặc biệt là về quản lý hệ thống thoát nước, xói mòn và bồi lắng. Do đó, các hoạt động liên quan đến sự xáo trộn đáng kể của đất hoặc vận hành đường thoát nước và đường dẫn nước nên được lên kế hoạch thực hiện trong những tháng khô hạn nhất. Điều quan trọng nữa là phải đảm bảo rằng tất cả các cơ chế kiểm soát xói mòn và bồi lắng cần thiết đều được thực hiện trước khi mùa mưa bắt đầu.

Các hoạt động có khả năng gây xói mòn nên được thực hiện với sự cân nhắc các điều kiện thời tiết có thể xảy ra.

6.7.4. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho các dự án:

- Không tích tụ trầm tích trong môi trường nước và/hoặc nước mặt và/hoặc nước ngầm do hoạt động xây dựng và vận hành;
- Không làm suy giảm chất lượng nước trong hoặc ngoài khu vực của tất cả các dự án;
- Nước trong khu vực dự án và/hoặc vào các hệ thống nước ngầm phải được qua các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích thực hành tốt nhất; và
- Triển khai hiệu quả EDSCP cho từng địa điểm cụ thể.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 20: Các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
E1: Tồn thất vật liệu đất và bồi lắng trên bề mặt và/hoặc hệ thống nước ngầm từ công trường do các hoạt động đào đắp	E1.1: Xây dựng và triển khai EDSCP cho mọi công trình bề mặt, công trình kè và đào, giao cắt nước và đường dẫn nước mưa.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Duy trì hồ sơ
	E1.2: Đảm bảo lắp đặt, kiểm tra và bảo trì các thiết bị kiểm soát xói mòn và trầm tích theo yêu cầu.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Duy trì hồ sơ
	E1.3: Lịch trình/giai đoạn làm việc nhằm giảm thiểu các khu vực đã được dọn sạch và đất phát lộ ra mọi lúc.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.4: Kết hợp thiết kế và vị trí của các biện pháp EDSC tạm thời và lâu dài cho tất cả các khu vực lộ thiên và đường thoát nước. Những điều này sẽ được thực hiện trước các hoạt động tiền thi công và sẽ được duy trì tại chỗ trong suốt quá trình làm việc.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.5: Các công việc đề xuất trong lịch trình/giai đoạn để đảm bảo rằng các hoạt động đào đắp và xáo trộn thảm thực vật được thực hiện trong thời gian có lượng mưa và tốc độ gió thấp hơn.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.6: Tách và dự trữ lớp đất mặt để sử dụng trong quá trình tái canh tác và/hoặc san lấp đất đã đào lại trên đất nông nghiệp.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.7: Tiến độ/giai đoạn thực hiện nhằm giảm thiểu thời gian dự trữ vật liệu đất mặt. Dự trữ thực vật nếu cần bảo quản trong thời gian dài.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Duy trì hồ sơ
	E1.8: Bố trí khu tập kết cách xa đường thoát nước, đường thủy và các khu vực nhạy cảm.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
E1: Tồn thất vật liệu đất và bồi lắng trên bề mặt và/hoặc hệ thống nước ngầm từ công trường do các hoạt động đào đắp	E1.9: Thiết kế các biện pháp quản lý nước mưa để giảm tốc độ dòng chảy và tránh tập trung dòng chảy mặt	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.10: Lắp đặt các đập kiểm tra vào đường thoát nước khi cần thiết để giảm tốc độ dòng chảy và lọc trầm tích. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các đập kiểm tra.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Duy trì hồ sơ
	E1.11: Lớp phủ sẽ được sử dụng như một hình thức kiểm soát xói mòn và trầm tích và được sử dụng ở bất kỳ độ dốc nào (tùy thuộc vào việc lựa chọn tại chỗ), bao gồm thêm hàng rào trầm tích khi có lượng mưa lớn.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Duy trì hồ sơ

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	E1.12: Rào chắn các đường nước hoặc xung quanh hàng hóa nhạy cảm/nguy hiểm khi cần thiết	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.13: Cân bố trí các dải đệm bằng cỏ khi cần thiết trong quá trình thi công để giảm vận tốc nước.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.14: Hàng rào bùn hoặc các công trình tương tự để tránh gi tang lượng vật liệu bồi lắng.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.15: Trầm tích dư trong tất cả các công trình kiểm soát xói mòn và bồi lắng (ví dụ như bề trầm tích, đập kiểm tra) phải được loại bỏ khi cần thiết để có đủ khả năng chứa.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
E2: Ô nhiễm đất	E2.1: Nếu phát hiện hoặc nghi ngờ ô nhiễm (bên ngoài phạm vi dự án), cần tiến hành điều tra ô nhiễm sơ bộ tại địa điểm Giai đoạn 1. Nhà thầu nên ngừng công việc nếu gặp phải sự ô nhiễm chưa được xác định trước đó và kích hoạt các quy trình quản lý cũng như xin ý kiến/giấy phép/phê duyệt (theo yêu cầu).	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E2.2: Tuân thủ các biện pháp thực hành tốt nhất để loại bỏ và xử lý đất/vật liệu bị ô nhiễm khỏi công trường (nếu cần), bao gồm cả đất bị ô nhiễm trong khu vực dự án.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E2.3: Các biện pháp kiểm soát thoát nước để đảm bảo dòng chảy không tiếp xúc với các khu vực bị ô nhiễm (bao gồm cả vật liệu ô nhiễm trong phạm vi dự án) và được chuyển hướng đến các khu vực ổn định để xả bỏ.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E2.4: Tránh sử dụng đất đắp mua từ bên ngoài có thể dẫn đến ô nhiễm tại công trường và thiếu chứng nhận/tài liệu đi kèm. Trường hợp không đủ đất đắp tại chỗ, đất thay thế cần được thử nghiệm phù hợp với các thông số địa kỹ thuật.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
E3: Xử lý đất/bùn dư thừa	E3.4: Vật liệu thải nên được tái sử dụng một cách hữu ích, ví dụ như làm phân hữu cơ để bón ruộng.	Giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu/Người vận hành	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.8. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

6.8.1. Thông tin cơ sở

Là cơ quan quản lý nhà nước, Sở NN&PTNT chủ trương thực hành tốt quản lý chất thải. Hệ thống phân cấp quản lý chất thải được ưu tiên và các nguyên tắc để đạt được quản lý tốt chất thải như sau:

1. Tránh tạo ra chất thải (tránh sử dụng vật liệu không cần thiết cho dự án);
2. Tái sử dụng chất thải (tái sử dụng vật liệu và giảm thải bỏ);
3. Tái chế chất thải (tái chế vật liệu như lon, chai, v.v.); và
4. Xử lý chất thải (tất cả chất thải có thể phân hủy và/hoặc chất thải bị ô nhiễm sẽ được đổ tại các bãi chôn lấp đã được phê duyệt).

Các dòng chất thải chính phát sinh trong quá trình xây dựng có thể bao gồm trầm tích còn sót lại và chất thải xây dựng như:

- Chất thải đào không thể tái sử dụng trong quá trình đào đắp;
- Chất thải từ thi công và bảo trì thiết bị khoan. Nhiều loại xe hạng nặng và thiết bị thi công sẽ được sử dụng trong suốt giai đoạn thi công. Chất thải nguy hại dạng lỏng từ quá trình vệ sinh, sửa chữa và bảo trì thiết bị có thể được tạo ra. Tương tự như vậy, sự rò rỉ hoặc tràn nhiên liệu/dầu trong khu vực cần phải được quản lý và xử lý thích hợp;
- Chất thải lỏng không nguy hại sẽ được tạo ra thông qua việc công nhân sử dụng các tiện nghi như nhà vệ sinh; Và
- Chất thải thông thường bao gồm phế liệu và chất thải có khả năng phân hủy sinh học.

Các dòng chất thải chính được tạo ra trong quá trình hoạt động có thể bao gồm:

- Trầm tích đào (chủ yếu là bồi lắng cát, có thể được sử dụng để rải trên các khu vực thích hợp)
- Phân bón chảy tràn
- Chất thải động thực vật
- Bao bì; Và
- Dầu và phụ tùng máy móc đã qua sử dụng.

Người lao động tham gia vào các hoạt động thi công và vận hành cần phải nắm rõ các phương pháp giảm thiểu tác động của việc dọn sạch thảm thực vật để giảm thiểu dấu vết cần thiết cho công trình và phục hồi các khu vực bị xáo trộn. Bằng cách thực hiện các hoạt động này, các công trường sẽ giảm thiểu tác động của chất thải do dự án tạo ra.

6.8.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho việc thi công các công trình:

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Giảm thiểu phát sinh chất thải thông qua việc thực hiện hệ thống phân cấp chất thải (tránh, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế)
- Không có rác thải được quan sát trong khu vực dự án hoặc khu vực xung quanh;
- Không nhận được khiếu nại nào liên quan đến việc phát sinh và quản lý chất thải;
- Bất kỳ chất thải nào từ các thiết bị vệ sinh di động tại chỗ sẽ được nhà thầu được cấp phép xử lý chất thải; Và
- Dầu thải sẽ được thu gom và xử lý hoặc tái chế tại chỗ.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 21: Các biện pháp quản lý chất thải

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
WT1: Tạo ra chất thải và sử dụng tài nguyên quá mức	WT1.1: Ưu tiên những vật liệu có thể sử dụng để xây dựng nhằm giảm chất thải trực tiếp và gián tiếp phát sinh.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.2: Việc xử lý chất thải hàng ngày phải được thực hiện trừ khi có hợp đồng với bên quản lý chất thải bên ngoài.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.3: Việc sử dụng vật liệu xây dựng phải được tối ưu hóa và áp dụng chính sách tái chế nếu có thể.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.4: Các dòng chất thải cần tách riêng, ví dụ chất thải sinh hoạt chung, chất thải xây dựng và chất thải gây ô nhiễm. Dành vị trí cụ thể trên công trường để quản lý tạm thời các dòng chất thải khác nhau.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.5: Mọi chất thải bị ô nhiễm phải được xử lý tại cơ sở được cho phép.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.6: Chất thải có thể tái chế (bao gồm dầu và một số chất thải xây dựng) phải được thu gom riêng và xử lý đúng cách.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.7: Các bãi thải phải được che phủ đầy đủ để đảm bảo động vật hoang dã không thể tiếp cận.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày
	WT1.8: Việc xử lý chất thải phải được thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.9: Rò rỉ nhiên liệu và chất bôi trơn từ phương tiện và nhà máy phải được khắc phục ngay lập tức.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu / SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
WT1: Sản xuất chất thải và sử dụng quá mức tài nguyên	WT1.10: Việc bảo trì và sửa chữa lớn phải được thực hiện bên ngoài công trường bất cứ khi nào có thể.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	WT1.11: Nếu có thể, việc lưu trữ và xử lý nhiên liệu và hóa chất phải được thực hiện tại các cơ sở lưu trữ nhiên liệu và hóa chất trung tâm, ví dụ như trạm xăng dầu.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.12: Việc lưu trữ nhiên liệu và hóa chất tại chỗ phải được giữ ở mức tối thiểu.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày, cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép và báo cáo mọi sự cố
	WT1.13: Mọi loại dầu thải và chất bôi trơn đều phải được thu gom và vận chuyển đến cơ sở tái chế hoặc địa điểm xử lý được chỉ định càng sớm càng tốt.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.14: Hàng nguy hiểm được lưu giữ tại chỗ phải được lưu giữ theo quy định của Việt Nam.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.9. QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI

6.9.1. Thông tin cơ sở

Việt Nam có 54 dân tộc anh em cư trú, trong đó dân tộc Kinh (dân tộc đa số) chiếm tới 85,3% dân số (TCTK, 2010). Các dân tộc còn lại (53) chiếm khoảng 14,7% dân số. Các dân tộc đông đứng sau dân tộc Kinh là dân Tày, Thái, Mường, H'Mông và Khmer, mỗi dân tộc chiếm chưa đến 2% dân số Việt Nam, phản ánh sự chênh lệch đáng kể về quy mô dân số giữa dân tộc đa số và người dân tộc thiểu số (EM).

Ở các vùng nông thôn Việt Nam, nhiều phụ nữ (63% phụ nữ đi làm) tham gia sản xuất nông nghiệp nhiều hơn nam giới (57% nam giới đi làm), tuy nhiên phụ nữ chủ yếu làm các công việc phi chính thức hoặc nông nghiệp tự cung tự cấp, khiến họ gặp nhiều rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng đối với nông nghiệp. Gần một nửa phụ nữ nông dân (45%) thuộc diện lao động tự do, do đó không đủ điều kiện nhận phúc lợi an sinh xã hội và không được tiếp cận với bảo hiểm. Phụ nữ đặc biệt bị ảnh hưởng nặng nề bởi các tác động của biến đổi khí hậu và các thảm họa liên quan đến khí hậu dẫn đến khan hiếm tài nguyên vì họ phải dành thêm thời gian để lấy nước, thực phẩm và nhiên liệu – những công việc vốn được coi là trách nhiệm của phụ nữ.

Bất bình đẳng trong việc tiếp cận và kiểm soát đất đai và tài sản sản xuất, đào tạo, thông tin, công nghệ, dịch vụ khuyến nông và tiếp cận tài chính đã hạn chế cơ hội và khả năng phục hồi của phụ nữ. Rất ít phụ nữ nông thôn ở Việt Nam có thể tiếp cận đào tạo nghề, dịch vụ khuyến nông, tài chính, công nghệ, thị trường và mạng lưới thương nhân (29%) so với nam giới (40%) và việc đào tạo dành cho phụ nữ thường ngắn hạn và tập trung vào các kỹ năng “truyền thống” của phụ nữ như sản xuất và chế biến thủ công, ít sử dụng kỹ thuật. Chủ hộ, thường là nam giới, được mời tham dự các cuộc họp cộng đồng để chia sẻ thông tin về thiên tai và khí hậu nhưng thông tin được chia sẻ trong các cuộc họp thường không được chuyển đến phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình.

Vai trò của phụ nữ cũng có thể khác nhau giữa các nhóm dân tộc khác nhau. Trong các hộ gia đình người Kinh cũng như các nhóm DTTS cư trú ở miền Bắc Việt Nam, chủ hộ thường là nam giới. Ngược lại, một số nhóm DTTS ở Việt Nam vẫn duy trì chế độ xã hội mẫu hệ, đặc biệt là các nhóm DTTS ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, trong đó có các dân tộc như Chăm, Jarai, Êđê, Raglai và Chu Ru, và các dân tộc thuộc ngữ hệ Môn-Khmer như Bana, K'Ho và Mnong. Do đó, việc ra quyết định thường được giao cho người chồng trong hộ gia đình người Kinh, Tày, Nùng, Thái, Mường và Hmông và cho người vợ trong các hộ gia đình DTTS nói trên.

Nam giới chủ yếu đảm nhiệm những công việc sản xuất nặng nhọc hơn, trong khi phụ nữ dành nhiều thời gian hơn cho các công việc nội trợ không được trả lương như chăm sóc con cái, nấu ăn, dọn dẹp... Trong sản xuất nông nghiệp, công việc và trách nhiệm nội bộ trong gia đình thường do người chồng có trách nhiệm việc làm đất, tưới nước, vận hành các thiết bị cơ giới còn người vợ chịu trách nhiệm thu hoạch. Ở các cặp vợ chồng trẻ, xu hướng chia sẻ việc nhà ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa truyền thống bảo thủ, nhiều phụ nữ trẻ vẫn phải gánh trách nhiệm nội trợ.

Những thách thức chính mà nông dân nữ phải đối mặt liên quan đến quyền sở hữu hạn chế đối với tài sản sản xuất và khả năng tiếp cận kiến thức, công nghệ, dịch vụ và thị trường bị hạn

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

ché. Mặc dù những khó khăn này cũng gặp phải đối với nông dân quy mô nhỏ là nam giới, nhưng đối với nông dân nữ thì chúng càng trở nên trầm trọng hơn.

Trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung, phụ nữ đã kết hôn cho biết họ chỉ tham gia tập huấn khuyến nông khi chồng tạm thời vắng mặt. Họ cũng thường đề cập đến những xung đột về công việc nhà và trách nhiệm chăm sóc như một lý do để không tham gia.

Dự án được thiết kế với sự hỗ trợ của các bên liên quan, bao gồm phụ nữ và các nhóm DTTS, nhằm mục đích mang lại lợi ích cho cộng đồng rộng lớn hơn. Mặc dù vậy, như với bất kỳ dự án nào liên quan đến xây dựng, một số sự không hài lòng có thể xảy ra và xung đột có thể nảy sinh. Điều quan trọng là các khu vực tiềm ẩn căng thẳng phải được nhận biết sớm và có những hành động thích hợp để tránh hoặc giảm thiểu xung đột.

Như đã nêu ở trên, cả năm tỉnh mục tiêu đều có dân tộc thiểu số bản địa như người Chăm, Raglai và Châu Ro ở duyên hải Nam Trung Bộ và người Ê Đê, Jarai (hoặc Giarai), Mnông (hoặc M'Nông), K'Ho và Chu Ru ở Tây Nguyên. Các dân tộc bản địa sống trong hệ thống xã hội mẫu hệ. Tây Nguyên cũng có một phần lớn các nhóm dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Thái, Mường, H'Mông và các nhóm DTTS khác đã di cư từ miền Bắc Việt Nam từ những năm 1980, theo hình thức di cư lao động do Chính phủ hỗ trợ hoặc di cư tự do trong nước. Các nhóm này cũng như nhóm dân tộc Kinh theo chế độ phụ hệ.

Mặc dù cả 5 tỉnh mục tiêu đều có các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau nhưng tỷ lệ DTTS trong tổng dân số của các tỉnh này cao nhất là ở Đắk Nông (29%), Ninh Thuận (23,1%) và Đắk Lắk (19,6%). Tỷ lệ nghèo của người dân tộc thiểu số đặc biệt cao ở các vùng cao vùng sâu vùng xa và ở các xã có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao hơn.

Nhu cầu, rào cản, ưu tiên và thách thức mà các nông hộ nghèo và cận nghèo phải đối mặt thường trở nên trầm trọng hơn đối với nhóm dân tộc thiểu số. Các biện pháp giảm thiểu dưới đây áp dụng cho tất cả các bên liên quan, nhưng một số biện pháp cụ thể hơn cho nhóm dân tộc thiểu số (như đã nêu).

6.9.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho dự án:

- Cộng đồng đồng thuận trên nguyên tắc được thông tin và báo trước về các can thiệp của dự án; đảm bảo sự tham vấn và tham gia đầy đủ thông tin của họ trong suốt dự án;
- Đảm bảo sự tham gia và đại diện của các bên liên quan;
- Tránh các tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương trong quá trình thi công và vận hành và nếu không thể tránh hoàn toàn thì giảm thiểu, khôi phục hoặc bồi thường cho những tác động này;
- Di sản văn hóa không bị ảnh hưởng tiêu cực;
- Sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng được bảo vệ cũng như các lợi ích phúc lợi tổng thể thu được từ dự án;
- Cơ chế khiếu nại, tố cáo được thiết lập và quản lý chủ động; Và
- Đạt được lợi ích xã hội lâu dài.

Các bên liên quan ở địa phương và các thành viên cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện và giám sát dự án.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Việc tham vấn với các bên liên quan sẽ tiếp tục. Điều này sẽ giúp đảm bảo rằng các bên liên quan tiếp tục nhận thức được dự án, tiến độ của dự án và bất kỳ thay đổi nào trong dự án. Nó cũng sẽ hỗ trợ xác định bất kỳ vấn đề nào khi có phát sinh.

Sở NN&PTNT sẽ chịu trách nhiệm hỗ trợ tư vấn và cung cấp các dịch vụ khuyến nông cho những người hưởng lợi ở địa phương cùng với trách nhiệm phân phối vật tư đầu vào và cung cấp đào tạo kỹ thuật cũng như hỗ trợ trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 22: Các biện pháp quản lý xã hội

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
SM1: Sử dụng đất cộng đồng	SM 1.1: Tiến hành tham vấn cộng đồng về mục đích và lợi ích của việc thay đổi mục đích sử dụng đất	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.2: Nhận được sự đồng tình của cộng đồng khi có bất kỳ thay đổi nào trong việc sử dụng đất.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.3: Đảm bảo tuân thủ quy trình Cơ chế giải quyết khiếu nại	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.4: Cần thực hiện FPIC (và IPP)	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM2: Phiền toái công cộng do các hoạt động xây dựng/vận hành gây ra (ví dụ: tiếng ồn, bụi, v.v.)	SM 2.1: Tiến hành tham vấn cộng đồng trước khi thực hiện các hoạt động	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 2.2: Thực hiện các kế hoạch quản lý phù hợp (tham khảo phần Tiếng ồn, Không khí, ESCP và Chất thải của ESMF)	Thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Người giám sát hiện trường và Sở NN & PTNT	Hàng ngày và cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 2.3: Đảm bảo tuân thủ quy trình Cơ chế giải quyết khiếu nại	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM3: Bình đẳng xã hội	SM3.1 Đại diện một cách bình đẳng - đảm bảo sự đại diện của người DTTS trong các hoạt động của dự án, bao gồm trao quyền cho họ như những nguồn lực chính để thực hiện dự án, từ thiết kế hệ thống nước đến đánh giá nhu cầu dịch vụ khí hậu cho các nhóm DTTS hoặc hỗ trợ các kế hoạch sinh kế cho những người hưởng lợi mục tiêu.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.2: Các nhóm phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ tích cực tham gia trong giai đoạn thiết kế chi tiết để xác định tuyến đường ống và vị trí dẫn nước lấy nước từ các đường ống chôn lấp.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM3: Bình đẳng xã hội	SM3.3: Đảm bảo phụ nữ chiếm ít nhất 50% số người tham gia các cuộc họp tham vấn và chia sẻ thông tin về khung kế hoạch/phân bổ nước để ưu tiên phân bổ nước (đặc biệt khi nước tưới được sử dụng cho mục đích sinh hoạt/hộ gia đình).	Tiền thi công/Thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Lưu trữ hồ sơ/báo cáo hàng năm

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 22: Các biện pháp quản lý xã hội

	SM3.4: Phân bổ và lập kế hoạch cấp nước - Khung kế hoạch/phân bổ nước phải đảm bảo rằng các hộ gia đình có chủ hộ là nam và nữ ở các khu vực chỉ huy được tiếp cận bình đẳng với chương trình cấp nước/tưới đồng thời công nhận ưu tiên phân bổ cho các loại cây trồng có giá trị cao (so với lúa gạo).	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.5: Hỗ trợ viên cộng đồng (là cư dân của các cộng đồng khu vực chỉ huy địa phương) sẽ tham gia phổ biến thông tin về khung quy hoạch/phân bổ nước và các ưu tiên liên quan đối với cây trồng và các hoạt động khác. Khi thích hợp, ít nhất 30% điều hành viên cộng đồng là người dân tộc thiểu số và 30% là phụ nữ.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.5: Tài liệu truyền thông, đào tạo và giới được sử dụng để phổ biến thông tin phải phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ địa phương, đặc biệt đối với người DTTS.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT / Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.6: Thực hiện Kế hoạch hành động về giới và Kế hoạch Hành động DTTS, hãy phát triển IPP và đạt được FPIC trước khi bắt đầu các hoạt động có khả năng ứng dụng UNDP SES trên EM. Nếu cần thiết, phải xây dựng Kế hoạch về Người DTTS (IPP) và dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC) trước khi tiến hành các hoạt động có thể liên quan đến Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SES) của UNDP đối với người DTTS (EM).	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.7: Người DTTS thường có cách học tập, chia sẻ thông tin và ứng dụng kiến thức riêng. Hỗ trợ và đào tạo Tập huấn tiểu giáo viên cho những người uy tín trong các nhóm dân tộc (người lớn tuổi, người đứng đầu được đề cử, v.v.) để tăng cường cơ hội học tập cho người DTTS. Thành lập và tạo điều kiện cho các nhóm học tập đồng đẳng thông qua các chuyến thăm quan trao đổi và học hỏi giữa các DTTS, thôn và xã.	Giai đoạn thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Hồ sơ đào tạo
SM3: Công bằng xã hội	SM3.8: Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, ưu tiên cho cán bộ thuộc nhóm DTTS, sau đó những cán bộ này sẽ chuyển giao kiến thức, kỹ thuật và kinh nghiệm cho các cộng đồng lớn hơn.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

Bảng 22: Các biện pháp quản lý xã hội

SM5: Kết nối công trình và kinh tế	SM5.1: Đảm bảo các nhóm Phụ nữ và DTTS là đối tượng hưởng lợi mục tiêu của dự án và được ưu tiên cao trong quá trình lựa chọn đối tượng hưởng lợi.	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép/đánh giá hàng năm
	SM5.2: Hỗ trợ thành lập các nhóm cùng sở thích để thúc đẩy việc trồng cùng loại cây trồng và chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi để nâng cao chất lượng, năng suất và thương lượng giá cả chung	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.3: Giới thiệu cách mua bán tập thể, hộ nghèo, cận nghèo và nhóm DTTS để tăng sức mua/bán.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Đánh giá hàng năm
	SM5.4: Nâng cao khả năng tiếp cận của người DTTS đối với nguồn tín dụng có khả năng chi trả thông qua phối hợp với các chương trình tín dụng vi mô đang triển khai, thành lập Chương trình giảm nghèo quốc gia, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân (# 135).	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM5: Kết nối công trình và kinh tế	SM5.5: Là một phần của đánh giá và lập kế hoạch sinh kế trong dự án, cần tìm hiểu các phương án nhằm thúc đẩy các cơ hội kinh tế và tạo thu nhập mới.	Giai đoạn thiết kế	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.6: Khuyến khích lồng ghép các giải pháp xanh dựa vào thiên nhiên nhằm tạo cơ hội sinh kế mới cho thanh niên và phụ nữ DTTS kết hợp với đào tạo nghề cho các nhóm người DTTS sử dụng ngôn ngữ của họ	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.7: Chương trình sinh kế cần được thiết kế tập trung vào các mặt hàng nông nghiệp bản địa và có giá trị cao. Thúc đẩy kiến thức DTTS về cách cải thiện quy trình chế biến sau thu hoạch, đóng gói và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đó.	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.8: Giới thiệu các sáng kiến cho quan hệ đối tác khu vực tư nhân để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm DTTS.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Sở NN & PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.10. DI SẢN VĂN HÓA VÀ KHẢO CỔ

6.10.1. Thông tin cơ sở

Theo kết quả đánh giá trong giai đoạn thiết kế ban đầu/khả thi không có địa điểm khảo cổ hoặc di sản văn hóa nào bị ảnh hưởng do sự hiện diện của dự án. Dự án đã xác định một số di tích lịch sử được công nhận là di tích chính thức nằm gần các địa điểm dự án, cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 23: Các di tích lịch sử và di tích được chính thức công nhận

Tỉnh	Huyện	Xã	Di tích lịch sử
Khánh Hòa	Khánh Sơn	Tô Hấp	Căn cứ cách mạng Tô Hấp
	Khánh Vĩnh	Khánh Đông	Căn cứ cách mạng Hòn Dù
Ninh Thuận	Ninh Hải	Tri Hải	Đình Tri Thủy (thế kỷ 19); chùa Khánh Hội
	Ninh Sơn	Nhon Sơn	Chùa Đăk Nhon (thế kỷ 18)
	Thuận Bắc	Bắc Phong	Di tích Hòa Lai (di tích Chăm xây dựng vào thế kỷ thứ 9 sau Công nguyên)
	Bác Ái	Phước Thành	Đá Ba Cái ("Ba hòn đá") - nơi phát tích linh thiêng của người Raglai

Quy trình phát hiện vật thể phát lộ

Nếu phát hiện ra một nguồn tài nguyên văn hóa vật thể, ví dụ: các địa điểm khảo cổ, di tích lịch sử, hài cốt và đồ vật, hoặc một nghĩa trang và/hoặc các ngôi mộ riêng lẻ trong quá trình khai quật hoặc thi công, các bước sau cần phải thực hiện:

1. Dừng mọi công việc xung quanh khu vực tìm thấy, cho đến khi tìm được giải pháp bảo quản các vật phát lộ này, hoặc nhận được lời khuyên từ các cơ quan hữu quan;
2. Thông báo ngay cho trưởng ca, trưởng ca sẽ thông báo cho Giám đốc Thi công và Cán bộ Môi trường và Quản lý Môi trường;
3. Ghi lại các chi tiết trong Báo cáo sự cố và chụp ảnh phát hiện;
4. Xác định vị trí hoặc khu vực được khám phá; bảo vệ hiện trường để ngăn chặn bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát các bộ phận có thể tháo rời. Trong trường hợp có cổ vật di dời hoặc di

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

vật nhạy cảm, phải bố trí người canh gác trực đêm cho đến khi chính quyền địa phương có trách nhiệm tiếp quản;

5. Đánh giá sơ bộ của các phát hiện bởi các nhà khảo cổ học. Nhà khảo cổ học phải đánh giá nhanh về địa điểm hoặc tìm thấy để xác định tầm quan trọng của nó. Dựa trên đánh giá này, chiến lược thích hợp có thể được thực hiện. Ý nghĩa và tầm quan trọng của phát hiện cần được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau liên quan đến di sản văn hóa như giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học hoặc nghiên cứu, xã hội và kinh tế của phát hiện;
6. Các vị trí có ý nghĩa chưa được xác định là đáng kể (ví dụ các đặc điểm biệt lập hoặc không rõ ràng và các phát hiện biệt lập) cần được nhà khảo cổ ghi lại ngay lập tức, do đó sẽ gây ra sự gián đoạn tối thiểu cho tiến độ công việc của Nhà thầu. Kết quả của khảo cổ phải được báo cáo cho Bộ/Cơ quan sau khi hoàn thành;
7. Trong trường hợp tìm thấy vật phát lộ quan trọng, Cơ quan/Bộ (Cơ quan Bảo vệ Di sản Quốc gia hoặc Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học, sau đây gọi là Đội Di sản) phải được thông báo ngay lập tức và bằng văn bản trong vòng 7 ngày kể từ ngày tìm thấy (sửa đổi luật bảo vệ di sản);
8. Nhà khảo cổ học tại chỗ cung cấp cho nhóm Di sản các bức ảnh và thông tin khác có liên quan để xác định và đánh giá tầm quan trọng của các di sản.
9. Bộ ngành có liên quan phải điều tra thực địa trong vòng 2 tuần kể từ ngày thông báo và trả lời bằng văn bản;
10. Các quyết định về cách xử lý phát hiện sẽ do cơ quan có trách nhiệm đưa ra. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (chẳng hạn như khi tìm thấy di tích không thể di dời có tầm quan trọng về văn hóa hoặc khảo cổ học) bảo tồn, bảo tồn, phục hồi và trục vớt;
11. Công trình thi công chỉ có thể tiếp tục sau khi được cấp phép từ cơ quan có trách nhiệm;
12. Trong trường hợp không nhận được phản hồi trong khoảng thời gian 2 tuần nêu trên thì coi như được ủy quyền để tiến hành đình chỉ thi công công trình. Một trong những yêu cầu chính của thủ tục là lưu trữ hồ sơ. Mọi vật thể tìm thấy phải được đăng ký. Ảnh chụp, bản sao trao đổi với cơ quan ra quyết định, kết luận và khuyến nghị/hướng dẫn, báo cáo thực hiện - được lưu giữ.

Dự án đã xác định được một số di sản văn hóa phi vật thể được công nhận tại các địa phương dự án như sau:

- Lễ cải táng Vidhi Atou (Bố Mạ) của người Raglai ở tỉnh Khánh Hòa
- Nghề gốm của người M'ông (huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông)
- Lễ trưởng thành Mpu Toh Kông của người Ê Đê (Đăk Lăk, Đăk Nông) được tổ chức khi thanh niên tròn 15 tuổi
- Nghề làm gốm truyền thống của người Chăm (Ninh Thuận, Bình Thuận)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Trường ca sử thi của dân tộc Ê Đê, Banar

Các biện pháp sau đây về di sản văn hóa phi vật thể sẽ được dự án SACCR tuân thủ và giám sát:

- Tham vấn và xác định các di sản văn hóa phi vật thể ở các khu vực thuộc vùng dự án trong giai đoạn khởi động dự án cũng như kinh nghiệm và kiến thức truyền thống đặc biệt về các hoạt động nông nghiệp;
- Tham vấn cộng đồng về kinh nghiệm, kiến thức và di sản văn hóa phi vật thể truyền thống của họ và các biện pháp/hành động để đảm bảo sự tôn trọng và cân nhắc của di sản văn hóa vật thể trong các can thiệp của dự án;
- Đạt được sự đồng ý với các cộng đồng về giao thức tôn trọng di sản văn hóa phi vật thể.
- Nhà thầu xây dựng các quy trình làm việc liên quan đến việc tôn trọng và xem xét các giá trị văn hóa
- Thông báo danh sách di sản văn hóa phi vật thể này cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà thầu
- Tổ chức đào tạo trước khi bắt đầu công việc thực địa về các hành động cần thiết để tôn trọng và xem xét các giá trị văn hóa
- Tham vấn thực địa/sự kiện/hoạt động thực địa sẽ không được tổ chức trong những ngày diễn ra nghi lễ/lễ hội địa phương
- Sử dụng GRM của dự án để tiếp nhận phản hồi về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể nếu có
- Xác định kinh nghiệm canh tác và kiến thức của cộng đồng địa phương
- Các chuyên gia nông nghiệp cần tham khảo ý kiến xem mô hình CRA mới có phù hợp với các giá trị và thông lệ địa phương dựa trên sự đồng thuận hay không

6.10.2. Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho các vấn đề di sản văn hóa liên quan đến dự án:

- Sẽ không có tác động đến bất kỳ địa điểm Di sản Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Di sản Văn hóa quan trọng nào;
- Có biện pháp quản lý phù hợp các địa điểm Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Văn hóa quan trọng (các địa điểm quan trọng);

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 24: Di sản văn hóa và khảo cổ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
CHI: Ảnh hưởng hoặc xáo trộn đối với Di sản Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Văn hóa quan trọng trong quá trình xáo trộn trái đất và các hoạt động khai phá đất	CHI.1: Nếu phát hiện bất kỳ địa điểm Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Di sản Văn hóa quan trọng nào, cần ngừng hoạt động ngay lập tức trong khu vực mà địa điểm đã được quan sát và tham khảo ý kiến của Bảo tàng/nhóm chủ sở hữu truyền thống có liên quan, UNDP, Sở NN&PTNT và nhà khảo cổ học hiện diện để thực hiện trong quá trình xây dựng.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày, lưu giữ hồ sơ và thông báo ngay cho UNDP và Sở NN & PTNT về bất kỳ phát hiện nào
	Quy trình xử lý vật thể phát lộ (xem 6.10.1)	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Thông báo ngay cho UNDP và Sở NN & PTNT về bất kỳ phát hiện nào
Sự hiện diện của di sản văn hóa	Xác nhận rằng không có Di sản văn hóa nào được biết đến tồn tại trong phạm vi dự án	Giai đoạn thiết kế	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Thông báo ngay cho UNDP và Sở NN & PTNT về bất kỳ phát hiện nào

6.11. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ KHẨN CẤP

Trong trường hợp xảy ra các hành động có thể dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe, an toàn và môi trường (thiên tai), các hành động ứng phó khẩn cấp hoặc dự phòng sẽ được thực hiện càng sớm càng tốt để hạn chế mức độ thiệt hại môi trường

Đơn vị thực hiện trực tiếp sẽ cần đưa các ứng cứu khẩn cấp vào dự án tuân thủ các yêu cầu theo Chính sách về nghề nghiệp, sức khỏe và an toàn của tổ chức thực hiện trực tiếp và luật pháp Việt Nam có liên quan, Thông tư số 01/2011/TTLT-BLĐTĐBXH-BYT và Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình thi công.

Tiêu chí thực hiện

Các tiêu chí thực hiện sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

- Không để xảy ra sự cố cháy nổ;
- Không có sự cố của các công trình giữ nước;
- Không có sự cố tràn nhiên liệu hoặc hóa chất lớn;
- Không có tai nạn lao động hoặc công nghiệp có thể ngăn ngừa được;
- Phản ứng tức thời và hiệu quả đối với các sự cố có nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng, an toàn hoặc môi trường; Và
- Giảm thiểu tác hại đến môi trường do những sự cố không lường trước được.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Bảng 25: Các biện pháp quản lý khẩn cấp

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
E1. Các chiến lược phòng ngừa và quản lý hòa hoãn và khẩn cấp được thực hiện	E1.1: Khu vực chứa/bảo quản chất lỏng dễ cháy, dễ cháy được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.2: Phải có sẵn bình chữa cháy tại chỗ	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.3: Không được phép đốt lửa ngoài trời trong khu vực dự án	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.4: Thiết bị liên lạc và quy trình khẩn cấp phải được thiết lập trước khi bắt đầu hoạt động xây dựng.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO / Nhà thầu	Duy trì hồ sơ
	E1.5: Đào tạo tất cả nhân viên về khả năng chuẩn bị và ứng phó với tình huống khẩn cấp (bao gồm sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc). Phối hợp với NDMO.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.6: Kiểm tra và bổ sung Bộ sơ cứu	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.7: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

Phụ lục

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH KIỂM TRA SÀNG LỌC – SESP¹²

Bảng Sàng lọc Xã hội và Môi trường (SESP) đã hoàn thành cho toàn bộ dự án hiện có tại:

https://pims.undp.org/attachments/6117/215904/1719432/1752789/FP-UNDP-070220-6117-Annex%20VI_a_%20-%20SESP%20_CLEAN_.docx

SESP cũng cung cấp tài liệu tham khảo chính để hoàn thành Kế hoạch hiện trường theo mẫu được cung cấp trong Phụ lục 2 bên dưới.

¹²Bất kỳ danh sách kiểm tra chi tiết bổ sung nào của dự án cụ thể

PHỤ LỤC 2. MẪU KẾ HOẠCH HIỆN TRƯỜNG/HOẠT ĐỘNG

Tên hiện trường/hoạt động:

Ngày:

Tên địa điểm/Hoạt động:

Vị trí:

1. Thông tin chi tiết về Người đề xuất

Thông tin chi tiết về người đề xuất/xã: tên, địa chỉ và chi tiết liên hệ

2. Vị trí và quy mô dự án

Tỉnh/Xã/Thôn:

Tọa độ GPS:

Bản đồ hoặc quy hoạch của vị trí:

3. Đất

Quyền sở hữu hợp pháp đối với đất được sử dụng cho dự án, bao gồm quyền sở hữu, chứng thư hoặc tài liệu, hợp đồng thuê hoặc ủy quyền khác được mô tả

Bất kỳ quyền đất đai hoặc quyền về tài nguyên nước nào có thể bị ảnh hưởng bởi dự án đề xuất

4. Thông tin chi tiết dự án

4.1. Tính chất của dự án

Mô tả ngắn gọn về dự án (ví dụ: ao, đường ống, đập nước...)

4.2. Các thành phần và hoạt động cần thiết để hoàn thành dự án

(ví dụ: hoạt động thi công (đào, thi công, phục hồi thảm thực vật, v.v.)

4.3. Bản vẽ kỹ thuật

Sơ đồ, bản vẽ kỹ thuật hoặc bản phác thảo của dự án

5. Tham vấn cộng đồng

Theo SEP

6. Rủi ro môi trường và xã hội đã xác định

Dựa trên các danh mục cuối cùng được xác định trong ESMP, mục tiêu là có một loạt hộp kiểm về các lĩnh vực rủi ro chính khác nhau có thể được xác định và lựa chọn nhanh chóng để tạo ra một nhóm nhỏ các rủi ro được xác định trong ESMP cho toàn bộ dự án.

Loại rủi ro	Loại rủi ro
Khí hậu/Thời tiết	Hư hỏng
Mất/xáo trộn sinh cảnh	Chất thải
Sâu bọ gây hại	Đất cộng đồng
Ô nhiễm nước ngầm	
Ô nhiễm nước mặt	
Bụi	
Khí thải từ máy móc	
Tiếng ồn	
Rung	
Xói mòn	
Ô nhiễm đất	

6.11.1. Ví dụ Mẫu kế hoạch hiện trường

Ngày: 28 tháng 11 năm 2022

Tên Địa điểm/Hoạt động: Xây dựng ao - Giai đoạn 1

Vị trí: xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

1. Thông tin chi tiết về đề xuất

Ban quản lý dự án tỉnh Ninh Thuận (PPMUs) được thành lập bởi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT) Ninh Thuận theo Quyết định số 376/QĐ-SNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2021. PPMU Ninh Thuận được chỉ định phụ trách và quản lý các hoạt động SACCR tại tỉnh Ninh Thuận. PPMU bao gồm một giám đốc, phó giám đốc, kế toán, cán bộ M&E, tư vấn thủy lợi, chuyên gia nông nghiệp, cán bộ an toàn và cán bộ mua sắm.

Địa chỉ: Văn phòng PPMU SACCR Ninh Thuận, Sở NN & PTNT Ninh Thuận, số 134 đường 21/8, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Bính – Giám đốc PPMU

Email: nvbinhsonn@gmail.com ;

ĐT: 0913197982

Dự án SACCR tại Ninh Thuận được triển khai trên địa bàn 15 xã của 4 huyện như sau:

	Huyện Ninh Hải	Huyện Ninh Sơn	Huyện Thuận Bắc	Huyện Bác Ái
Xã	Phước Hải Xuân Hải Tri Hải Nhơn Hải	Mỹ Sơn Nhơn Sơn	Phước Chiến Phước Kháng Lợi Hải Bắc Sơn Bắc Phong	Phước Tân Phước Thắng Phước Thành Phước Trung

Kế hoạch hiện trường sẽ tập trung vào các hoạt động xây dựng ao tại xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc.

2. Địa điểm và quy mô của các hoạt động dự án được đề cập trong Kế hoạch hoạt động/hiện trường này

Tỉnh/Xã/Thôn: Xã Phước Khang, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

Dựa trên số liệu của chính phủ và cơ sở dữ liệu của Dự án SACCR, tính đến năm 2020, xã Phước Kháng có 9.020 hộ gia đình, trong đó 99,3% là người dân tộc thiểu số Raglai. Số còn lại là người dân tộc Kinh (nhóm chiếm đa số ở Việt Nam). Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 44,3%. Các hộ gia đình ở Phước Kháng chủ yếu sống dựa vào sản xuất nông nghiệp là hoạt động sinh kế chính. Các loại cây trồng chủ lực là xoài, hạt điều, nho, ngô, lúa và sắn. Tổng diện tích của xã Phước Kháng là 4.686 ha với 0,8% diện tích đất trồng lúa, 6% diện tích cây nông nghiệp hàng năm, 0,7% diện tích cây lâu năm và còn lại là đất thổ cư và đất lâm nghiệp sản xuất.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Nhiệt độ trung bình ở khu vực này là 26-28 độ C. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 9 đến tháng 11, với lượng mưa trung bình hàng năm từ 700 – 800mm. Sự khan hiếm nước là mối lo ngại lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, hạ tầng thủy lợi ở Phước Khánh chưa đáp ứng đủ nhu cầu tưới tiêu.



Hình 6: Vị trí xã Phước Khánh (màu xanh)

Thông tin về dân tộc Raglai: Dân tộc Raglai có dân số hơn 146.000 người, sống chủ yếu ở các vùng có độ cao trên 500 mét thuộc phía Nam tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận trong nhiều thế hệ. Một số người Raglai còn sống ở tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng. Họ còn được gọi là Raglay, Krai, Orang Glai, Noa Na và La Vang. Ngôn ngữ của họ thuộc nhóm Malayo-Polynesian. Người Raglai có truyền thống theo chế độ mẫu hệ và hệ thống mẫu hệ, chồng sống với nhà vợ, con cái theo họ mẹ. Đối với các công trình cộng đồng, các Po Pa-palay (già làng) thường giữ vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của cộng đồng. Họ có mối quan hệ chặt chẽ với dân tộc Chăm về ngôn ngữ và phong tục.

Người Raglai sống thành từng pa-lay (làng) tách biệt trên địa hình cao, bằng phẳng, gần nguồn nước. Nhà sàn truyền thống của người Raglai có khoảng cách từ mặt đất đến sàn nhà không

quá một mét. Họ từng sống du canh du cư; tuy nhiên, gần đây họ đã chuyển đến định cư lâu dài với tập quán canh tác thâm canh.

(Xem thêm mô tả chi tiết về dân tộc Raglai ở Mục 5.1.1 của ESMP)

3. Đất đai

Chính quyền xã đã lập danh sách người hưởng lợi theo tiêu chí do dự án đặt ra. Tổng số người hưởng lợi trực tiếp tại Phước Khang là 358 hộ. Tất cả hộ đều là người Raglai. 272/358 là hộ nghèo/cận nghèo và 7/358 là hộ do phụ nữ làm chủ kinh tế. Diện tích đất nông nghiệp trung bình là 0,6 ha/hộ. Không có xung đột về quyền sở hữu đất đai đã được xác định. Toàn bộ diện tích đất canh tác đều được đăng ký với địa chính xã. Có một số trường hợp cho thuê đất nông nghiệp có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa bên cho thuê và bên thuê. Các trường hợp khác, người dân được thừa kế đất đai nhưng chưa đăng ký ranh giới. Danh sách các diện tích đất được lập dựa trên thông tin do người hưởng lợi cung cấp và đã được phòng địa chính xã xem xét. Danh sách người hưởng lợi được niêm yết tại Văn phòng UBND xã và Nhà sinh hoạt cộng đồng trong 14 ngày để tiếp nhận phản ánh, khiếu nại nếu có. Không có phản hồi, khiếu nại nào liên quan đến danh sách người hưởng lợi được niêm yết công khai này trong thời gian này và danh sách người hưởng lợi dặm cuối đã được UBND xã Phước Kháng xác nhận tại Văn bản số 98/GM-UBND của UBND xã Phước Kháng ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Giai đoạn đầu xây dựng ao, quy hoạch 4 ao, với 6 đối tượng hưởng lợi (3 ao lẻ và 1 ao chung phục vụ 3 hộ dân). PPMU và công ty thiết kế đã tiến hành tham vấn với những người hưởng lợi và đạt được thỏa thuận bằng văn bản xác nhận rằng những người hưởng lợi đồng ý với thiết kế ao và không có yêu cầu bồi thường đất. Vị trí của 4 ao trong giai đoạn đầu tiên có quyền sở hữu đất rõ ràng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tức là Sổ đỏ). Văn phòng địa chính xã đã xác nhận rằng không có mâu thuẫn nào được biết đến về quyền sở hữu đất đai liên quan đến các địa điểm này. Các vị trí ao này không nằm dưới hoặc liền kề với khu vực tự nhiên được bảo vệ và các di tích lịch sử/văn hóa.

Kết quả tham vấn cộng đồng cũng chỉ ra rằng các quyền về sử dụng đất và nước của người dân địa phương sẽ không bị ảnh hưởng bởi dự án.

Không có khu bảo tồn nào gần xung quanh khu vực xã Phước Khang (như nêu trong Bảng 14 của ESMP).

4. Chi tiết về các hoạt động của dự án được đề cập trong Kế hoạch Hiện trường/Hoạt động này

4.1. Bản chất của các hoạt động dự án

Dự án SACCR sẽ cung cấp một số biện pháp can thiệp tại xã Phước Kháng, bao gồm việc xây dựng các hệ thống kết nối dặm cuối và ao; và các khóa tập huấn cho nông dân về quản lý sử dụng nước, quản lý đất và sinh khối cũng như các gói nông nghiệp chống chịu khí hậu (CRA) thông qua việc thành lập và vận hành Lớp học đồng tuồng.

Trong phạm vi của ESMP này (tập trung vào các công trình xây dựng), các hợp phần xây dựng bao gồm:

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Hoạt động SACCR 1.2.1 Hệ thống kết nối dặm cuối: các hạng mục này sẽ được xây dựng vào năm 2024 vì cần có vị trí và thiết kế chính xác về cơ sở hạ tầng của WEIDAP
- Hoạt động SACCR 1.3.1 Ao: Tổng cộng có 14 ao được quy hoạch xây dựng ở Phước Kháng. Vì thiết kế ao phải gắn liền với nhu cầu nước của cây trồng và các gói CRA của dự án nên công trình được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn 1 với 4 ao và Giai đoạn 2 với 10 ao.

Dự án đã xác định được địa điểm và đối tượng hưởng lợi của 4 ao đầu tiên. Các thiết kế đã được thực hiện và việc xây dựng dự kiến sẽ bắt đầu vào tháng 1 năm 2023. Các quy trình tương tự sẽ được thực hiện cho giai đoạn thứ hai (10 ao). Việc đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp giảm thiểu được thực hiện có tính đến các yếu tố xã hội và môi trường tại xã Phước Kháng và sẽ được áp dụng cho tất cả 14 ao.

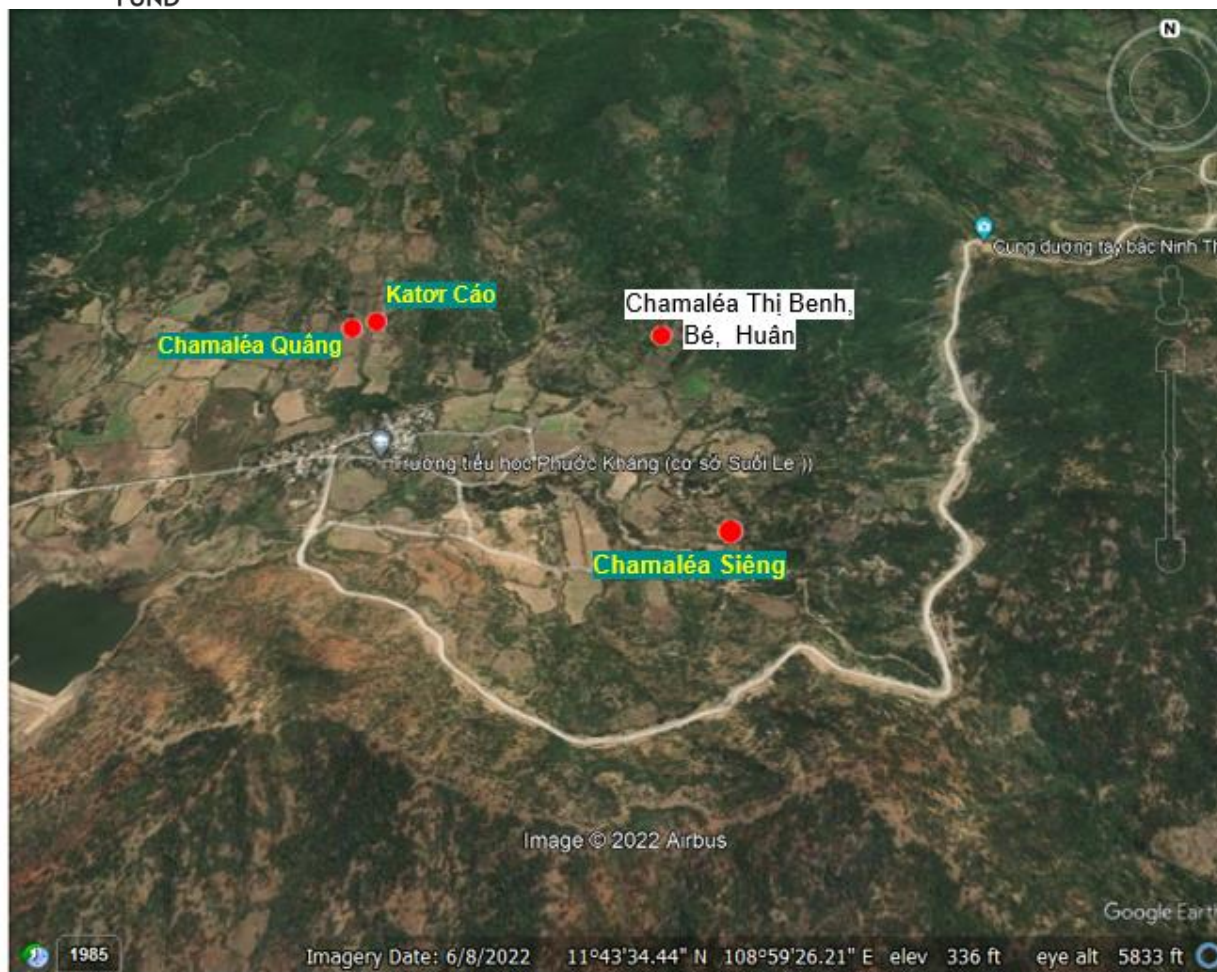
Danh sách hộ hưởng lợi xây dựng ao đợt 1 như sau:

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

T T	Hộ hưởng lợi	Diện tích đất nông nghiệp p (ha)	Số người hưởng lợi	Loại ao	Số ký hiệu ao	Thông số				F (m ²)	Tọa độ	
						L (m)	B (m)	H (m)	V (m ³)			
B Huyện Thuận Bắc												
I Xã Phước Kháng												
Thôn Suối Lê												
1	Chamalea Sieng	0,5	1	Ao riêng mới	AO-07: (ADR- XM)	18,63	10,53	3,00	1032,75	1143,80	X = 1296710,21 Y = 580753,58	
2	Kator Cao	0,5	1	Ao riêng mới	AO-13: (ADR- XM)	14,94	14,94	3,00	1120,50	1028,79	X = 1297416,41 Y = 579907,62	
3	Chamales Quang	0,6	1	Ao riêng mới	AO-14: (ADR- XM)	13:32	13:32	3,00	999,00	977,11	X = 1297390,99 Y = 579850,45	
4	Chamalea Thị Benh	0,7	3	Ao chung nâng cấp	AO-03: (ADC- NC)	33:00	33:00	3,00	3.915,00	2.139,82		
	Chamalea Be	0,5										X = 1297353,397
	Chamales Huân	0,5										Y = 580624,986

Tất cả người hưởng lợi đều là người Raglai. Các ao đều nằm trên khu đất có sổ đỏ rõ ràng. Thỏa thuận bằng văn bản với người hưởng lợi đã được hoàn thành. Không có trường hợp nào bị thu hồi đất và đền bù.

Vị trí của 4 ao được trình bày dưới đây:



Hình 7. Vị trí 4 công trình ao đầu tiên tại xã Phước Kháng

4.2. Các thành phần và hoạt động cần thiết để hoàn thành dự án

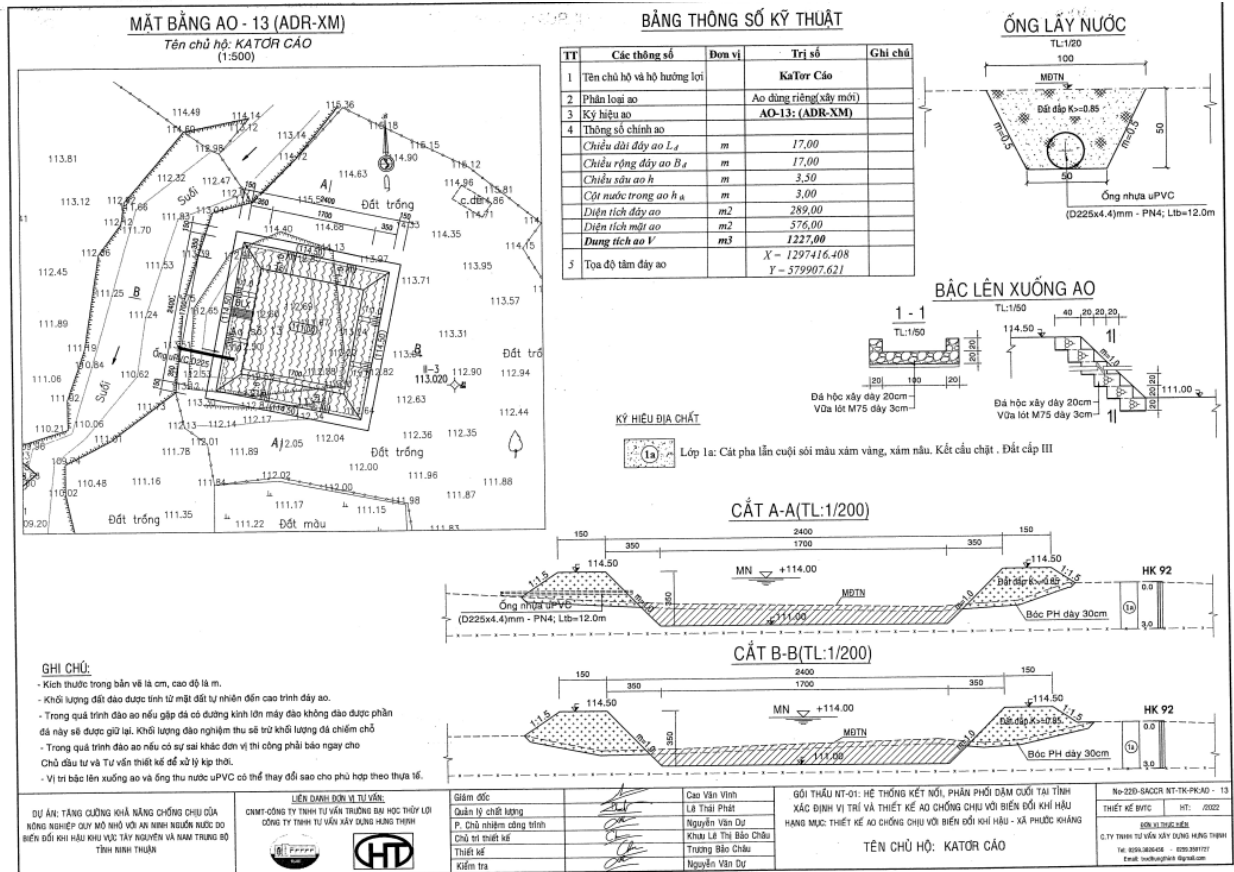
Công trình ao bao gồm:

- Giải phóng mặt bằng
- Đào: máy đào sẽ được sử dụng khi thích hợp; đào thủ công ở một số vị trí nếu cần thiết.
- Vệ sinh công trường

Các bước và yêu cầu chi tiết được cung cấp trong tài liệu thiết kế kỹ thuật.

4.3. Bản vẽ kỹ thuật

Bản vẽ mẫu ao của ông Kator Cao ở xã Phước Kháng, thể hiện mặt bằng, cắt AA, cắt BB, bảng thông số kỹ thuật, ống lấy nước, bậc lên xuống ao.



5. Tham vấn cộng đồng

Một cuộc họp tham vấn đã được tổ chức tại xã Phước Kháng vào ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở UBND xã Phước Kháng với sự tham gia của đại diện chính quyền xã bao gồm Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã, các thành viên trong ban dự án, đại diện thôn và người hưởng lợi.

Nội dung cuộc họp tham vấn

Đính kèm biên bản cuộc họp bằng tiếng Việt và có bản dịch đầy đủ. Sau đây là những điểm chính tóm tắt những nội dung và kết luận chính của cuộc họp.

Một phiên dịch viên tiếng Raglai-Kinh đã được bố trí cho cuộc họp tham vấn cộng đồng để đảm bảo tất cả những người tham gia hiểu rõ nội dung cuộc họp và có thể bày tỏ quan điểm của mình.

PPMU đã tiến hành các hoạt động sau:

- Nhắc lại và phổ biến thông tin và hoạt động của dự án
- Thông báo về Cơ chế giải quyết khiếu nại
- Thực hiện theo các quy trình được nêu trong IPPF và ghi chú hướng dẫn liên quan của UNDP về Tiêu chuẩn 6 để xác định rủi ro EM và đề xuất các biện pháp giảm thiểu, đánh giá nhu cầu phát triển IPP và liệu có nên kích hoạt FPIC hay không. Cán bộ PPMU

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

đã tư vấn thêm về việc liệu dự án có ảnh hưởng tiêu cực đến người dân tộc thiểu số hay không và xem xét các câu hỏi trong danh sách kiểm tra FPIC để xác định xem có cần thực hiện quy trình tham vấn FPIC hay không.

- Tư vấn thiết kế ao thích ứng biến đổi khí hậu
- Tư vấn về giai đoạn xây dựng dự án sắp tới và các yêu cầu đối với nhà thầu xây dựng
- Tư vấn về việc các hoạt động của dự án và công trình xây dựng có hoạt động trong khu vực được bảo vệ và các địa điểm linh thiêng hay không

Kết quả cuộc họp:

- Chính quyền địa phương và những người hưởng lợi cam kết hỗ trợ đầy đủ cho dự án và các hoạt động sẽ được triển khai tại địa phương, đặc biệt là các hoạt động nâng cấp, cải tạo và xây dựng ao nuôi mới trên địa bàn, giúp nông dân phát triển các hoạt động nông nghiệp và đạt năng suất cao hơn nhờ được cung cấp bổ sung nguồn nước tưới, đảm bảo cho người dân thu hoạch các loại cây trồng có năng suất cao.
- Cuộc họp đã tuân theo các thủ tục như đã nêu trong IPPF bằng cách sàng lọc các rủi ro đối với người dân tộc thiểu số. Các đại biểu cho rằng các hoạt động của dự án nói chung và các hoạt động đào, cải tạo, nâng cấp ao **không có** tác động tiêu cực đáng kể về mặt xã hội đối với cộng đồng dân tộc thiểu số. Các ao nằm trong các vùng đất nông nghiệp riêng lẻ. Trong trường hợp ao chung, tất cả các thành viên đều có văn bản đồng ý về cam kết, sử dụng đất và cơ chế vận hành. Ba người tham gia cho biết họ mong muốn dự án đẩy nhanh các hoạt động và cung cấp các khóa đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân để tăng cường sử dụng nước.
- Cán bộ PPMU cũng đã rà soát các câu hỏi trong danh sách kiểm tra FPIC.. Tuy nhiên, cán bộ PPMU đã thông báo cho cộng đồng địa phương rằng họ có quyền yêu cầu thêm thông tin về dự án và quyền rút lui khỏi dự án nếu thấy không phù hợp. Các thông tin liên lạc liên quan được cung cấp như một phần của Cơ chế giải quyết khiếu nại.
- Các đại biểu đều thống nhất, hoạt động hỗ trợ đào ao sẽ không phát sinh các hoạt động ảnh hưởng lớn đến nhà, đất của người dân nên hoàn toàn không có hoạt động di dời, tái định cư. Một số đại biểu nhấn mạnh, các nhà thầu cần đảm bảo có kế hoạch để việc vận hành phương tiện, máy xúc của mình không gây thiệt hại cho rau, hoa màu của đất nông nghiệp của những người lân cận. Bụi nên được giảm thiểu. PPMU đã ghi nhận điều này và sẽ làm việc với các nhà thầu để lồng ghép những vấn đề này vào kế hoạch thi công. Không cần bồi thường/thu hồi đất. PPMU cũng đã xem qua danh sách kiểm tra FPIC. Các hoạt động của dự án như hỗ trợ đào ao sẽ không có tác động tiêu cực đến các địa điểm văn hóa của xã. Ngoài ra, dự án không có tác động tiêu cực đến truyền thống văn hóa của cộng đồng dân tộc Raglai trong xã. Ngược lại, ao chung và việc thành lập các nhóm sử dụng nước có thể làm tăng sự đoàn kết của cộng đồng.
- Một số người hưởng lợi và người dân địa phương không thông thạo tiếng Việt. Vì vậy, tất cả các hoạt động của dự án cần có phiên dịch viên tiếng địa phương đi cùng (như trong buổi tham vấn cộng đồng này).

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- PPMU và UBND xã sẽ làm việc với cán bộ dự án để cố gắng khuyến khích và thu hút sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động tham vấn của dự án, đặc biệt là các hoạt động tư vấn sắp tới về thiết kế ao cũng như các hoạt động khác như đào tạo về tiết kiệm nước trong tương lai.

Phước Kháng sẽ được hỗ trợ tổng cộng 14 ao. Giai đoạn 1 hỗ trợ 4 ao nuôi tại thôn Suối Lê, với 6 hộ hưởng lợi. Trong 4 ao này có 3 ao riêng cho từng hộ và 1 ao d chung cho 3 hộ. Cán bộ và người dân địa phương rất mong giai đoạn 2 của việc xây dựng ao nuôi cũng sớm được triển khai để các hộ dân sau này cũng được hưởng lợi.

Những người hưởng lợi rất ủng hộ dự án. Người hưởng lợi có văn bản cam kết (file đính kèm) cam kết ao được xây dựng trên đất “sạch”, không có tranh chấp, chủ ao sẽ chịu trách nhiệm vận hành, bảo dưỡng ao. Trường hợp ao chung, các chủ ao cam kết xây dựng phương án, quy chế hoạt động theo hướng dẫn xây dựng các quy định được cung cấp từ UNDP cho các PPMU cùng với các khóa đào tạo tiếp theo để đảm bảo rằng các PPMU có khả năng hỗ trợ những người hưởng lợi trong việc vận hành và bảo trì các ao chung.

- Kích thước của mỗi ao tương đối nhỏ và mỗi ao đều nằm cách xa khu dân cư và không nằm trong hoặc gần bất kỳ khu vực nhạy cảm nào. Do đó, mọi tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương từ việc xây dựng và nâng cấp ao sẽ chỉ mang tính tạm thời, không đáng kể và có thể được giảm thiểu nếu được quản lý hợp lý trên cơ sở kế hoạch bảo vệ môi trường và xã hội như được nêu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường và xã hội của SACCR và Kế hoạch quản lý xã hội (ESMP).
- Tất cả những người tham gia cuộc họp đều đồng ý với các nội dung ESMP được đề xuất và đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động được đưa ra nhằm giảm thiểu tác động môi trường của dự án như được nêu trong dự thảo ESMP nêu trên. Đặc biệt, các nhà thầu cần phải xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải để quản lý chất thải phát sinh từ việc đào/nao vét ao.
- Người hưởng lợi cam kết tuân thủ việc xây dựng hàng rào/lưới và bổ sung biển báo phòng chống đuối nước.
- Cộng đồng và chính quyền địa phương nhận thức được GRM tại chỗ.

Các nội dung và thống nhất trong kết luận cuộc họp đã được các đại biểu xác nhận.

6. Rủi ro môi trường và xã hội được xác định

Dựa trên ESMP và tài liệu thiết kế kỹ thuật, các rủi ro được xác định ở địa điểm này được mô tả dưới đây. Các hành động chi tiết và biện pháp giảm thiểu mà nhà thầu áp dụng sẽ được nhà thầu xây dựng như một phần của quy trình đấu thầu xây dựng ao:

Loại rủi ro	Rủi ro cụ thể	Biện pháp giảm thiểu/Hoạt động kiểm soát	Các hành động chi tiết (do nhà thầu hoàn thành)
Thời tiết	Mưa lớn có thể ảnh hưởng đến công trình	Việc xây dựng sẽ được lên kế hoạch vào thời điểm khô ráo và xem xét dự báo thời tiết	
Nước ngầm		Các khu vực được chỉ định để lưu trữ	

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

	Tăng lượng xăng, dầu sử dụng cho xe cộ và máy xúc	nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền không thấm nước được nén chặt và được bao quanh bởi bờ bao để ngăn chặn bất kỳ sự đổ tràn nào. Việc tiếp nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	
		Kiểm tra tất cả các phương tiện, thiết bị và khu vực lưu trữ vật liệu hàng ngày để phát hiện các rò rỉ nhiên liệu, dầu và hóa chất. Tiếp nhiên liệu tại những nơi được chỉ định cách xa hệ thống nước.	
Chất lượng nước mặt	Chất rắn lơ lửng và các chất gây ô nhiễm khác trong hệ thống nước mặt	Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền không thấm nước được nén chặt và được bao quanh bởi bờ bao để ngăn chặn bất kỳ sự đổ tràn nào. Việc tiếp nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	
		Lên kế hoạch thực hiện công việc theo từng giai đoạn để đảm bảo rằng các khu vực bị xáo trộn được phủ cây xanh và ổn định dần dần và sớm nhất có thể sau khi hoàn thành công việc.	
		Vật liệu xây dựng sẽ không được lưu trữ gần môi trường nước vì có thể thải ra môi trường. Thiết bị xây dựng sẽ được di dời khỏi khu vực gần môi trường nước vào cuối mỗi ngày làm việc hoặc nếu dự đoán có lượng mưa lớn	
Chất lượng không khí	Tăng nồng độ bụi tại các cơ quan nhạy cảm	Thực hiện lập kế hoạch/phân giai đoạn các công việc được đề xuất để đảm bảo giảm thiểu sự xáo trộn của thảm thực vật và công tác đào đất.	
		Xác định vị trí các khu vực dự trữ vật liệu càng xa các điểm tiếp nhận nhạy cảm càng tốt. Lắp đặt mái che nếu thích hợp.	
		Tưới/phun nước làm giảm nguy cơ tác động của bụi tuân thủ mọi hạn chế về nước.	
	Tăng lượng khí thải xe cộ/máy móc	Xác định vị trí các khu vực cất giữ phương tiện/nhà máy/thiết bị xây dựng càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt.	
		Đảm bảo chỉ những phương tiện cần	

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

		thiết để thực hiện công việc mới được vận hành tại chỗ.	
		Đảm bảo tất cả các phương tiện thi công, nhà máy và máy móc được bảo trì và vận hành phù hợp với các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật thiết kế.	
Chất thải	Chất thải và đất từ các công trình xây dựng	Kế hoạch quản lý chất thải phải được xây dựng để chỉ ra lịch trình và kế hoạch quản lý chất thải và đất đào phát sinh do quá trình nạo vét ao	

PHỤ LỤC 3. MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ KHIẾU NẠI

Số khiếu nại: _____	
ĐỊA ĐIỂM: Huyện: _____ Thôn: _____	
Tên CDC: _____	
TÊN NGƯỜI KHIẾU NẠI: _____	
ĐỊA CHỈ: _____ Số điện thoại: _____	
NGÀY NHẬN: _____	
Phân loại khiếu nại (Ô đánh dấu)	
Sử dụng nước	Tranh chấp với nhà thầu
Hình thành CDC	Tranh chấp giữa cộng đồng
Phối hợp kỹ thuật/vận hành	Chậm trễ
Tài chính	Tiếng ồn
Chất lượng nước	Vệ sinh
Khác (ghi rõ)	
Mô tả ngắn gọn về khiếu nại:	
Khiếu nại có liên quan đến Hoạt động 1.1 không	
Nguyên nhân chính là gì?	
Hành động được đề xuất (của người khiếu nại) để giải quyết khiếu nại:	

PHỤ LỤC 4. MẪU BÁO CÁO TIẾN ĐỘ VÀ BÁO CÁO GIÁM SÁT

A4.1 Mẫu báo cáo tiến độ hàng tháng của các tiểu dự án

Hướng dẫn: Biểu mẫu này được hoàn thành và gửi cho Người quản lý dự án tháng. Trong trường hợp biểu mẫu này không còn chỗ trống, hãy đính kèm thêm thông tin nếu cần.

Báo cáo tiến độ hàng tháng:

Tên tiểu dự án:

Mã tiểu dự án:

Cộng đồng:

Huyện:

Tiến độ: (Liệt kê tất cả các thành phần của tiểu dự án/hoạt động và tiến độ tính đến ngày báo cáo)

Tên tiểu dự án	Mô tả kết quả thực hiện tính đến ngày báo cáo	Ghi chú
1.		
2.		
3.		

Nhận xét về các vấn đề chính sách an toàn của tiểu dự án/hoạt động:

(Chỉ báo cáo nếu có bất kỳ vấn đề nào về chính sách an toàn cần có sự hỗ trợ của Giám đốc Dự án hoặc cán bộ/tư vấn chính sách an toàn).

Vấn đề	Yêu cầu

A4.2 Mẫu báo cáo chính sách an toàn dự án

Mẫu dưới đây sẽ được sử dụng cho các báo cáo thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn sáu tháng và hàng năm của dự án. Đính kèm thông tin bổ sung nếu cần khi không có sẵn các biểu mẫu sau.

Báo cáo tiến độ trong kỳ:

Chủ tiểu dự án/hoạt động:

Nội dung báo cáo tiến độ thực hiện chính sách an toàn môi trường và xã hội

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

STT	Nội dung của Dự án (tiêu dự án/ hoạt động)	Các vấn đề môi trường và xã hội chính	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu	Triển khai và giám sát ESMP	Triển khai chương trình đào tạo và nâng cao năng lực	Bài học	Ghi chú

PHỤ LỤC 5. ĐẦU MỐI LIÊN LẠC

STT	Tên	Tiêu đề	E-mail	Điện thoại
UNDP				
1	Vũ Thái Trường	Quản lý Dự án SACCR	vu.thai.truong@undp.org	0913082727
2	Lê Ngọc Dũng	Cán bộ CSAT	le.ngoc.dung@undp.org	0961070890
3	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Cán bộ M&E – văn phòng UNDP (giám sát SES dự án)	Nguyen.thi.ngoc.han@undp.org	0989328868
CPO - Bộ NN & PTNT				
0	CPO		cpogcf2@gmail.com	
1	Ông Phạm Đình Văn	Trưởng ban CPO	van_cpo@yahoo.com.vn	0913232781
2	Ông Vũ Đình Hùng	Phó Trưởng ban CPO	hungvd_cpo@yahoo.com	0945095908
3	Ông Nguyễn Mạnh Ngọc	Phó Giám đốc	mngoccpo@yahoo.com	0912215110
4	Trần Văn Hằng	Cán bộ Dự án (Xã hội)	hangcpo@gmail.com	0904461599
5	Nguyễn Quang An	Cán bộ dự án (Môi trường)	nguyenquangancpo@gmail.com	0989550535
6	Lê Thị Bích Nguyệt	Cán bộ M&E	nguyetcpo@gmail.com	0983066619
ADB/WEIDAP				
1	Vũ Ngọc Châu	Cán bộ dự án cấp cao	vungocchau@adb.org	0911089090
Tỉnh Bình Thuận				
0	PPMU		binhthuansaccr2021@gmail.com	
1	Ông Nguyễn Hữu Phước	Phó Giám đốc Sở NN&PTNT & Giám đốc PPMU	phuocltbt@gmail.com	0918157801
2	Ông Lê Ngọc Thuyét	Chuyên viên Sở NN&PTNT (Kỹ thuật)	thuyet44c@gmail.com	0937959729

3	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Cán bộ TT Khuyến nông tỉnh (Cán bộ CS An toàn Xã hội và Môi trường)	skynguyencv@gmail.com	0943763803
4	Bà Nguyễn Thị Hà Giang	Trưởng ban – Hội Phụ nữ tỉnh (An sinh xã hội, Giới)	hagiang.hpn@gmail.com	0918120576
Tỉnh Ninh Thuận				
0	PPMU		saccrninhthuan@gmail.com	
1	Ông Đặng Kim Cương	Giám đốc Sở NN & PTNT	kimcuong171@gmail.com	0913198048
2	Ông Nguyễn Văn Bình	Trưởng phòng Quản lý chuyên ngành, Sở NN & PTNT - Giám đốc PPMU	nvbinhsonn@gmail.com	0913197982
3	Ông Phạm Dũng	Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật, Sở NN & PTNT và Cán bộ An toàn Môi trường và Xã hội của PPMU	Phdungbvtvt@gmail.com	0919071235
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Chuyên viên Sở NN & PTNT và Cán bộ CS An toàn Môi trường và Xã hội PPMU	thanhhangeco@gmail.com	0947892805
5	Bà Phan Thị Ngân Hạnh	Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh và Cán bộ Bình đẳng giới PPMU	nganhanhphan79@gmail.com	0918935044
Tỉnh Khánh Hòa				
0	PPMU		saccr.khanhhoa@gmail.com	
1	Ông Nguyễn Duy Quang	Giám đốc Sở NN&PTNT và Giám đốc PPMU	ndquang@gmail.com	0913424245
2	Bà Lương Kim Ngân	Phó Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở NN & PTNT và Phó Giám đốc PPMU	kimnganbvtv@gmail.com	0905007478
3	Ông Huỳnh Quốc Thuyền	Trưởng phòng Thủy lợi, Sở NN & PTNT và Phó Giám đốc PPMU		0988372088

4	Ông Trần Quốc Long	Chuyên viên Sở NN & PTNT	longtq89@gmail.com	0935701000
5	Bà Nguyễn Hoàng Vân Hạ	Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ	nhvha81@gmail.com	0939086881
Tỉnh Đắk Nông				
0	PPMU		Saccdaknong@gmail.com	
1	Ông Phạm Hùng Vỹ	Trưởng phòng - Sở NN & PTNT /Giám đốc PPMU		0946387468
2	Ông Phạm Vũ Lâm	Phó Trưởng phòng Thủy lợi Sở NN&PTNT kiêm Phó Giám đốc PPMU	phamvulam2002@gmail.com	0933788009
3	Bà Phạm Thị Hồng Tuyền	Phòng Kế hoạch và Hoạt động, Sở NN&PTNT (Cán bộ An toàn xã hội và Giới)	tuyenapm@gmail.com	0916083337
4	Bà Trình Thị Mỹ Duyên	Phòng Kế hoạch và nghiệp vụ, Sở NN & PTNT (Cán bộ CS An toàn Môi trường và TD&ĐG)	lemyduyen610@gmail.com	0945338028
5	Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Hội Phụ nữ		
Tỉnh Đắk Lắk				
	PPMU		saccdaklak@gmail.com	
1	Ông Nguyễn Hoài Dương	Giám đốc Sở NN&PTNT kiêm Giám đốc PPMU		0913411652
2	Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Giám đốc PPMU	ks.phamngocnam@gmail.com	0902558847
3	Ông Nguyễn Đức Anh	Cán bộ GSDG, CSAT BQL Dự án	ducannnguyen.pm@gmail.com	0904466664
4	Ông Bùi Thanh Sơn	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	sonvnsatdaklak@gmail.com	0933598885
5	Bà Nông Thị Thanh Huyền	Cán bộ CSAT giới – kiêm nhiệm (Hội Phụ nữ)	thanhhuyenpndl@gmail.com	0935612167

PHỤ LỤC 6. THÔNG TIN CÁC HỘ DTTS, NGHÈO VÀ CẬN NGHÈO

T T	TỈNH, Huyện, Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020 trở đi)				
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận NGHÈO năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ DTTS	Ghi chú
	TỔNG 4 TỈNH¹³	117.262 100%		37.996 32,4%	124.030		28,64%	35.523	
II	NINH THUẬN	30.980	31,30%	12,423 40,10%	28.930		46%	13.308	Chăm, Nùng, Raglai
	Huyện Ninh Hải	12,909	11,20%	16,10%	11.080	8,90%	20%	2.216	Chăm, Raglai
10	Phước Hải	1.783	16,00%	0,00%	1.606	12,10%	0%	0	Không có EM
11	Xuân Hải	4.245	8,50%	49,00%	3.539	3,20%	50%	1.770	Chăm, Raglai
12	Tri Hải	3.130	11,80%	0,00%	2.442	10,70%	0%	0%	Không có EM
13	Nhon Hải	3,751	11,60%	0,00%	3,459	29,60%	0%	0%	Không có EM
	Huyện Ninh Sơn	6,534	29,70%	28,00%	6.393		30,3%	1.940	Chăm, Nùng, Raglai
14	Mỹ Sơn	2,815	50,10%	30,00%	1.065	không áp dụng	32%	341	Raglai, Nùng.
15	Nhon Sơn	3,719	14,30%	28,00%	5.328	29,60%	30%	1599	Raglai, Chăm
	Huyện Thuận Bắc	8,427	50,10%	64,30%	7.955	46,00%	41%	5.920	Raglai, Chăm
16	Phước Chiến	1.155	82,30%	96,80%		13,10%	98%		Raglai, Chăm
17	Phước Khang	614	88,10%	100,00 %		44,30%	99,3%		Raglai, Chăm
18	Lợi Hải	2.974	44,10%	75,50%		71,70%	82%		Raglai, Chăm
19	Bắc Sơn	1.983	58,70%	72,50%		70,60%	70%		Raglai, Chăm
20	Bắc Phong	1.701	15,20%	0,00%		23,60%	0%		Không có EM
	Huyện Bắc Ái	3.110	66,80%	99,40%	3,502	47,10%	92%	3.223	Raglai, Chăm
21	Phước Tân	743	72,70%	100,00 %	772	9,00%	94%	728	Raglai, Chăm
22	Phước Thắng	944	63,60%	99,10%	1.090	không áp dụng	95%	1.017	Raglai, Chăm
23	Phước Thành	853	77,00%	99,60%	964	47,30%	92%	848	Raglai, Chăm
24	Phước Trung	570	49,00%	99,10%	676	27,80%	94%	630	Raglai, Chăm
II I	BÌNH THUẬN	17.125	9%	2.158 12,60%	18,907		9,71%	1.836	Chăm, H're, Khmer, Mường, Raglai, Thái

¹³Dữ liệu của tỉnh Khánh Hòa sẽ được bổ sung sau khi hoàn thành và nghiệm thu Tài liệu Tái cơ cấu Dự án.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

T T	TỈNH, Huyện, Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020 trở đi)				
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận NGHÈO năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ DTTS	Ghi chú
	Q. Hàm Thuận Nam	11.627	8,20%	14,90%				1,459	Chăm, Hrê, Khmer, Mường, Raglai, Thái
25	TT Thuận Nam	3.329	5,20%	99,60%				20	Chăm, Mường, Thái
26	Mỹ Thành	227	68,70%	95,00%				255	Raglai
27	Hàm Căn	891	31,50%	90,00%				801	Raglai
28	Tân Lập	2.187	6,20%	13,00%			8,00%	70	Hrê, Mường, Khmer
29	Tân Thuận	3,593	3,50%	7,30%				289	Chăm
30	Tân Thành	1.4	5,90%	14,90%			8,00%	24	
	Huyện Đức Linh	5,498	10,00%	95,00%	5.621	63,60%	6,1%	377	K'Ho, Châu Rô
31	Tân Hà	1,402	11,80%	90,00%	1.585	16,30%	0,32%	5	Châu Rô
32	Đông Hà	2.029	9,10%	20,00%	2.176	4,50%	0,82 %	18	Châu Rô
33	Trà Tân	2.067	9,60%	7,30%	1.860	2,10%	19,03%	354	Châu Rô, K'Ho
IV	ĐẮK LẮK	29.980	21,30%	11.740 39,16%	33,855		21,74 %	7.359	
	Huyện Ea Hleo	9,405	14,00%	35,10%	11.476		33,5 %	3,844	Dao, Ê Đê, Gia Rai, Nùng, Tày, Thái
34	thị trấn EaDRăng	4.372	11,00%	13,00%	5491	9,12%	10,64%	577	Ê Đê, Gia Rai, Tày, Nùng
35	EaSol	2,838	18,60%	57,80%	3530	15,58%	58,30%	2.058	Ê Đê, Gia Rai, Tày, Thái
36	Dlie Yang	2.195	14,20%	49,60%	2455	9,78%	49,25%	1.209	Ê Đê, Gia Rai, Dao
	Huyện Cư M'Gar	1.601	12,50%	9,40%	1.902		0,26 %	5	Ê Đê
37	Quảng Tiến	1.601	12,50%	9,40%	1902	7,90%	0,26%	5	Ê Đê. Một số đợt di cư của các hộ dân tộc thiểu số từ năm 2020.
	Huyện Ea Kar	4.280	39,50%	37,60%	4.561		38,01 %	1.735	Dao, Ê Đê, Mông, Mường
38	Ê Sờ	889	60,50%	47,20%	906	39,40%	52,10%	472	Tày, Mường, Ê Đê, H'Mông, Dao
39	Ea Sar	1.928	48,00%	49,80%	2110	31,56%	49,48%	1.044	Ê Đê, Thái, Tày, Mông, Nùng, Xơ Đang
40	Xuân Phú	1,463	15,50%	15,70%	1.545	7,18%	14,17%	219	Tày, Nùng, Ê Đê, Thái
	Huyện Krông Pắc	14.694	21,70%	45,50%	15.916		45,1 %	7.138	

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

T T	TỈNH, Huyện, Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020 trở đi)				
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận NGHÈO năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ DTTS	Ghi chú
41	Krông Buk	3.023	40,80%	51,50%	3274	9,04%	53,21%	1.742	Ê Đê, Tày, Nùng
42	Ea Phê	5.152	13,90%	41,40%	5735	7,44%	40,48%	2.322	Ê Đê, Tày, Nùng
43	Ea Yong	3.744	17,00%	48,20%	3930	7,44%	47,46%	1.865	Ê Đê, Tày, Nùng
44	Ea Kênh	2.775	21,70%	42,80%	2977	12,43%	42,09%	1.253	Ê Đê, Tày, Nùng
V.	ĐẮK NÔNG	39.177	14,10%	11.675 hộ 29,80%	42.340		30,75%	13.020	3 huyện và 16 xã
	Huyện Cư Jút	16.715	17,00%	41,60%	17.784		40,6%	7.225	
45	Ea T'ling	3.858	19,70%	16,60%	4561	5,20%	17,6%	803	M'ông, Nùng, Tày, Thái
46	Nam Đông	4.026	14,50%	29,40%	3909	6,20%	28,1%	1.098	Nùng và Tày
47	Đăk Drông	3.316	14,90%	84,10%	3541	3,10%	84,4%	2.987	Nùng Tày và Hmông
48	Tâm Thắng	2.928	17,90%	27,70%	3097	6,30%	27,1%	839	Ê Đê
49	Cư Knia	1.835	19,90%	74,50%	1852	5,10%	72,2%	1.337	Người Nùng, người Tày, người Mông Thái
50	Trúc Sơn	752	16,10%	21,00%	824	7,30%	19,5%	161	Tày và Nùng
	Huyện Đăk Mĩl	15.925	6,40%	11,40%	1.7687	7,70%	11,3 %	1.992	
51	Đăk Lào	1.981	4,60%	5,70%	2198	7,40%	7,0%	155	Tày và Nùng
52	Đức Mạnh	3.653	3,80%	1,90%	3872	6,50%	2,00%	77	Thái, Dao
53	Long Sơn	373	26,30%	91,20%	392	7,20%	89,00%	349	Tày, Nùng
54	Đăk Sak	3.559	9,90%	8,60%	3896	11%	8,00%	312	M'ông
55	Thuận An	2.629	2,90%	26,70%	2939	7,50%	25,50%	750	M'ông
56	Đức Minh	3730	7,10%	7,50%	4390	6,50%	7,50%	329	M'ông
	Huyện Krông Nô	6.537	25,60%	44,50%	7.469	13,60%	44,2%	3.303	
57	Đăk Sor	1.124	28,80%	35,30%	1.274	15,10%	34%	433	Tày, Nùng
58	Nam Xuân	1.558	27,40%	74,40%	1.822	9,10%	73,9%	1.346	Tày, Nùng và Thái
59	Đăk Dro	2.186	19,70%	30,80%	2.382	12,20%	29,0%	690	Tày, M'ông
60	Nam Nung	1.669	29,70%	40,70%	1.991	17,80%	41,9%	834	Thái, Mông

Nguồn: Số liệu hộ dân tộc Đăk Lăk và Khánh Hòa là số liệu thống kê năm 2021

Số liệu dân tộc của 4 tỉnh năm 2017 được lấy từ Báo cáo nghiên cứu khả thi. Số liệu Bình Thuận năm 2020 do Sở NN & PTNT Bình Thuận cung cấp và Khảo sát cơ sở.

Số liệu dân tộc của Khánh Hòa, Ninh Thuận và Đăk Lăk là số liệu thống kê năm 2020 và được cán bộ An toàn xã hội của PPMU cập nhật vào tháng 7 năm 2022

T T	TỈNH, Huyện, Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020 trở đi)				
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận NGHÈO năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ DTTS	Ghi chú

Số liệu dân tộc Đăk Nông năm 2020 do Công an huyện Krông Nô, Dal Mil và Cư Jut cung cấp

Bảng dưới đây cung cấp thông tin cập nhật về các huyện mới ở Khánh Hòa:

TT	Xã	Tổng số hộ (2021)	Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (%)	Tỷ lệ hộ DTTS (%)	Dân tộc chính
	Tỉnh Khánh Hòa	16.152	45	75	
I	Huyện Khánh Vĩnh	9.332	51	75	
1	Thị trấn Khánh Vĩnh	2.301	25	71	Kinh, Raglai, Hoa
2	Khánh Bình	1.564	46	87	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa
3	Khánh Đông	912	31	81	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa
4	Khánh Hiệp	1.391	69	74	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa, Tày
5	Khánh Nam	616	57	79	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
6	Khánh Phú	861	73	66	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
7	Khánh Thành	502	79	82	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
8	Khánh Trung	811	70	67	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
9	Sông Cầu	374	11	61	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa
II	Huyện Khánh Sơn	6.820	75	75	
1	Thị trấn Tô Hạp	1.398	63	68	Kinh, Raglai, Hoa
2	Thanh Sơn	1401	79	76	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
3	Sơn Lâm	387	64	78	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa
4	Sơn Bình	851	77	81	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa, Nùng
5	Sơn Hiệp	475	85	66	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
6	Sơn Trung	847	84	75	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa
7	Ba Cùm Bắc	632	75	72	Kinh, Raglai, Khmer, Châu Ro
8	Ba Cùm Nam	829	98	85	Kinh, Raglai, Khmer, Hoa, Tày

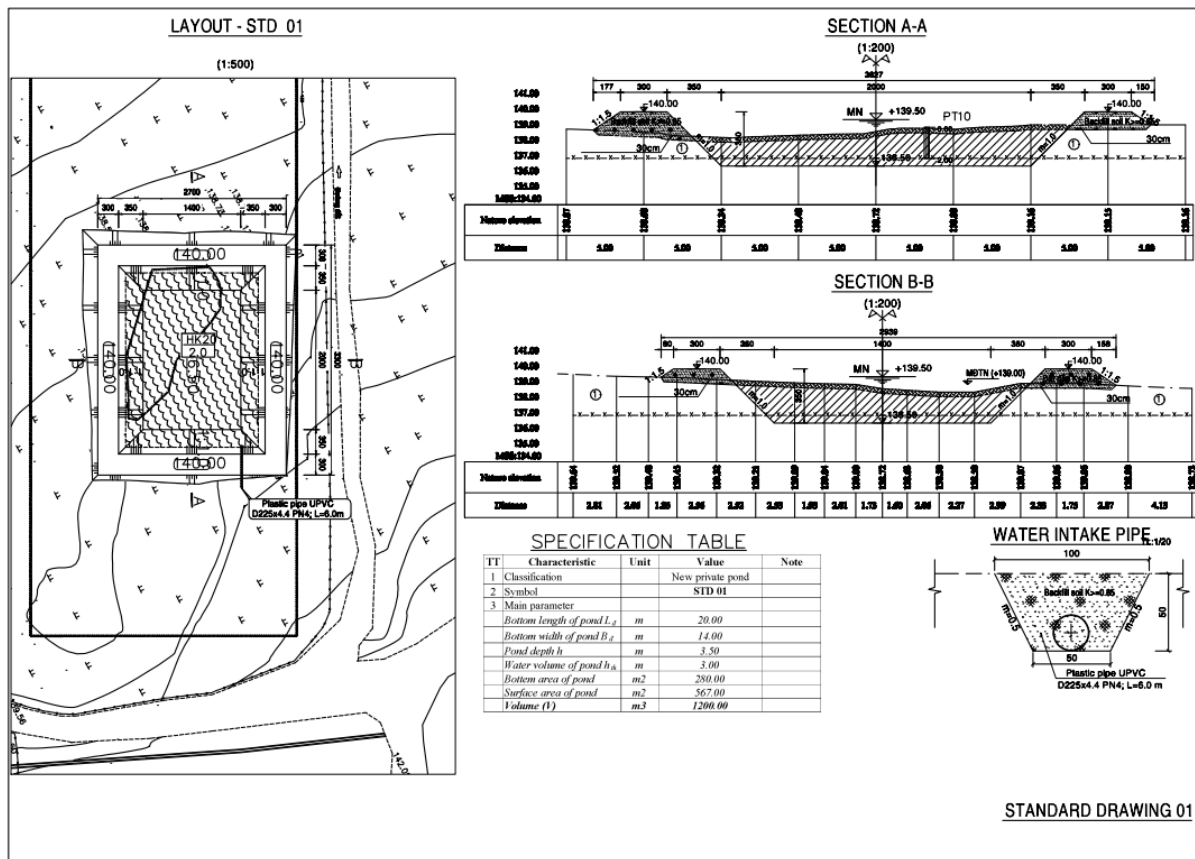
PHỤ LỤC 7. BẢN VẼ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN

Phụ lục này cung cấp các bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn phục vụ hoạt động xây dựng của dự án SACCR. Các bản vẽ kỹ thuật tiêu chuẩn này cung cấp tài liệu tham khảo cho các thiết kế chi tiết của từng ao, bao gồm cả việc xác định và giảm thiểu rủi ro như được quy định trong ESMP này.

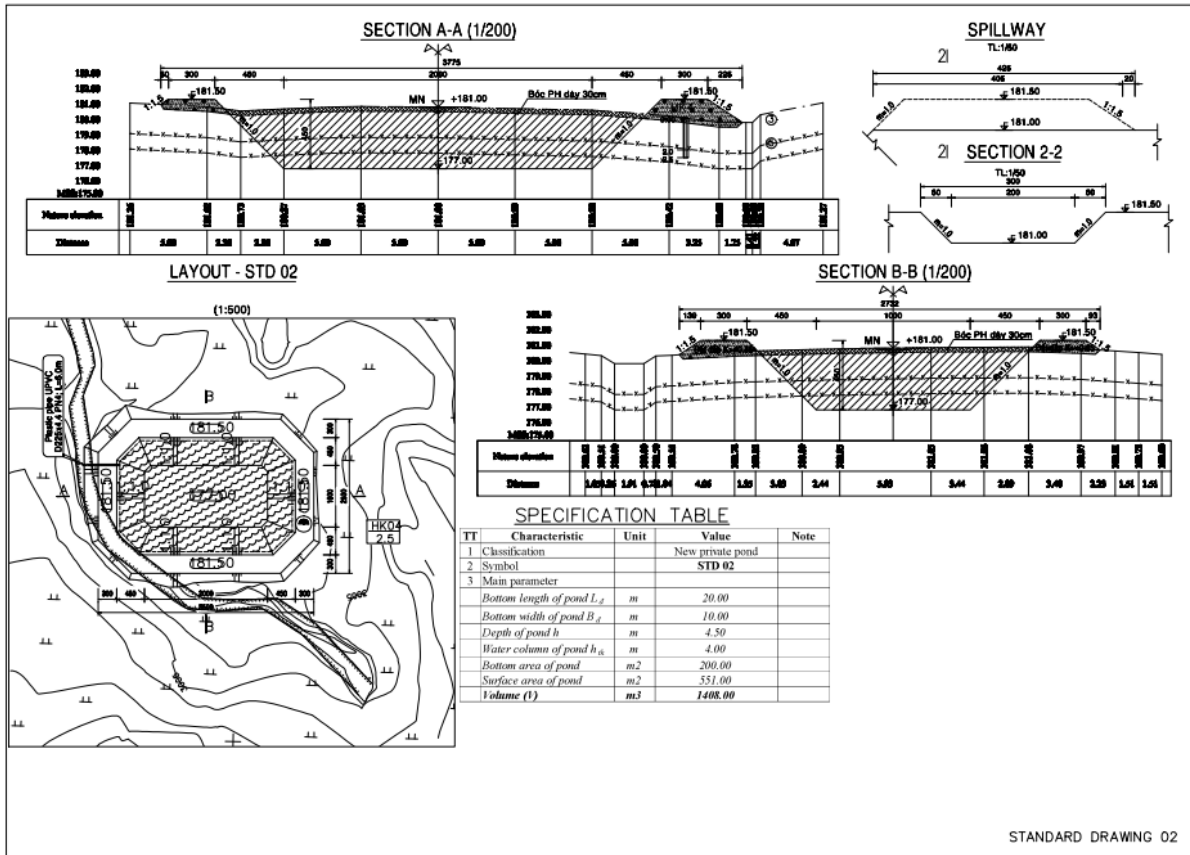
Các bản vẽ kỹ thuật tiếp theo sẽ được bổ sung khi chúng được hoàn thiện trong các lần cập nhật tiếp theo của ESMP.

Hoạt động 1.3: Bản vẽ kỹ thuật tiêu ao chuẩn

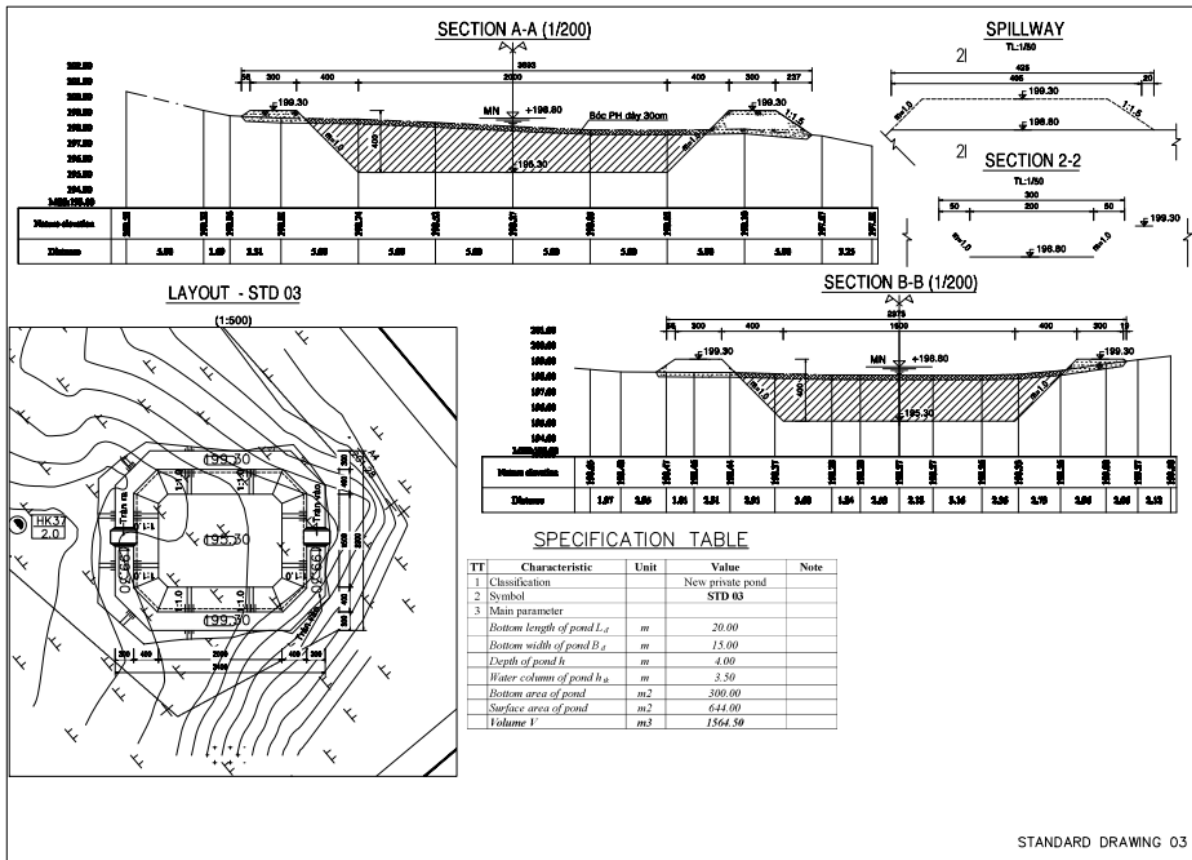
Ao riêng ở vùng đồng bằng – Bản vẽ tiêu chuẩn số 1



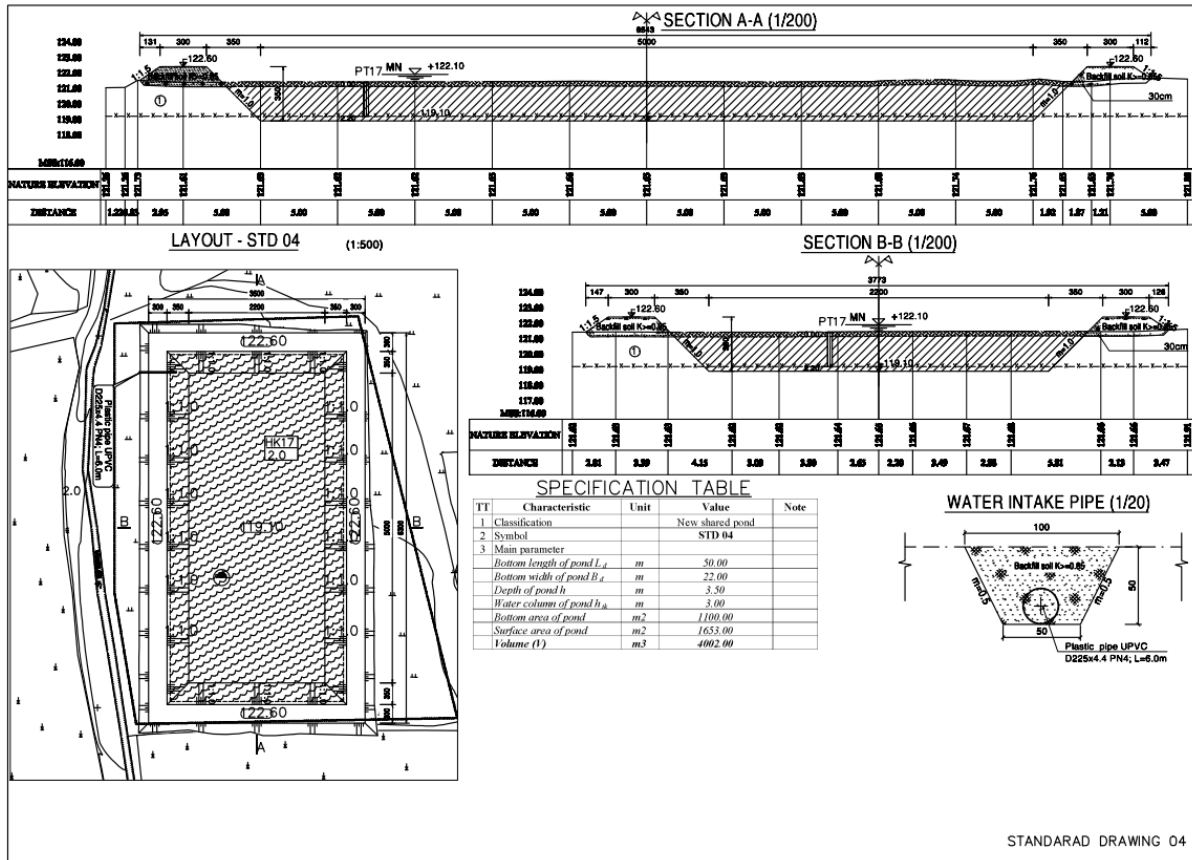
Ao riêng ở vùng trung du - Bản vẽ tiêu chuẩn số 2



Ao riêng ở vùng núi - Bản vẽ tiêu chuẩn số 3

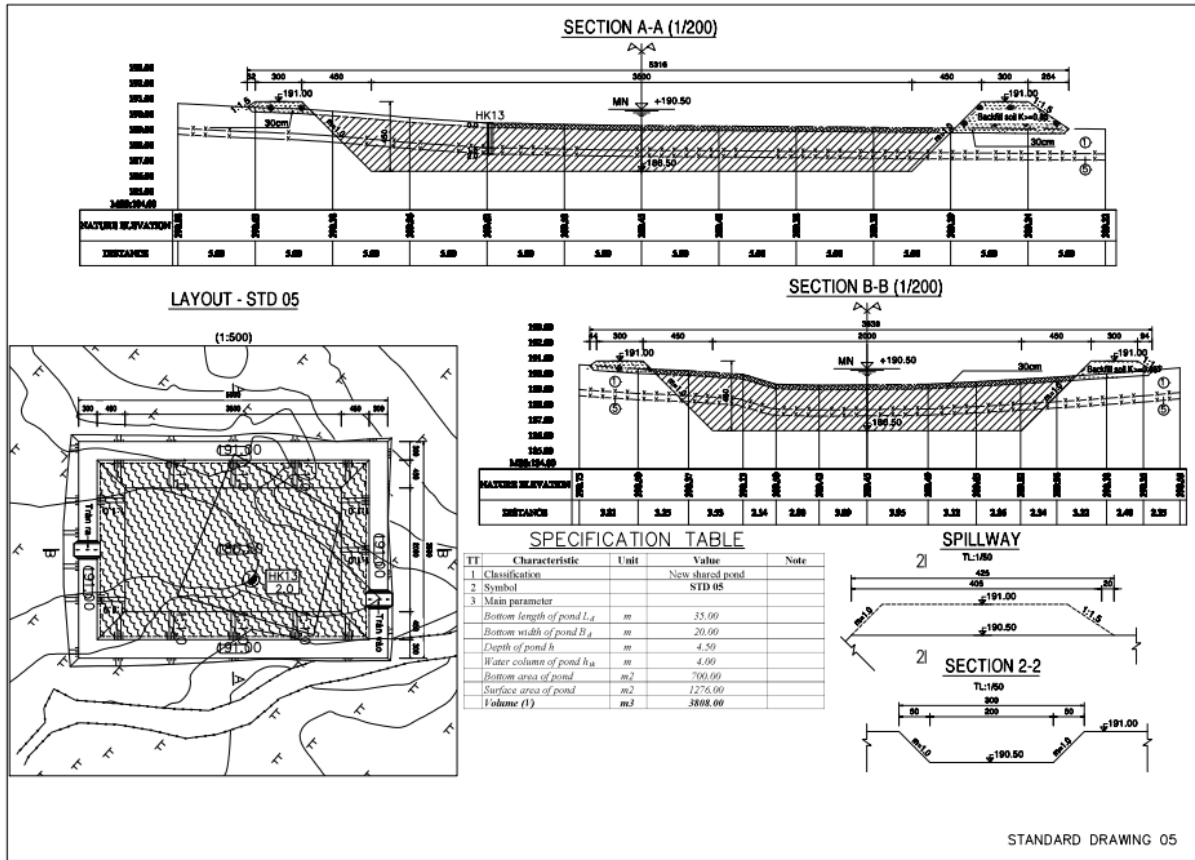


Ao chung ở vùng đồng bằng - Bản vẽ tiêu chuẩn số 4



Ao chung ở vùng trung du - Bản vẽ tiêu chuẩn số 5

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội



Ao chung ở vùng núi - Bản vẽ tiêu chuẩn số 6

